

Người Phàm



Philip Roth

“Nếu ta tìm chỉ một nhà văn xuất sắc nhất trong vòng hai mươi lăm năm qua, [Roth] sẽ là người chiến thắng.”

- Nhà phê bình A.O. Scott  
*The New York Times*



nh

nhà nam nhà xuất bản văn học



Người Phàm

Philip Roth

“Nếu ta tìm chỉ một nhà văn  
xuất sắc nhất trong vòng hai  
mươi lăm năm qua, [Roth]  
sẽ là người chiến thắng.”

- Nhà phê bình A.O. Scott  
*The New York Times*



nh

nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

**Người phàm**

**Philip Roth**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Table of Contents

[THÔNG TIN EBOOK](#)

[THỬ THÁCH MỘT SÁCH - 2015](#)

[DỰ ÁN HẠNH PHÚC](#)

[Philip Milton Roth](#)

[Phần 1](#)

[Phần 2](#)

[Phần 3](#)

[Phần 4](#)

[Phần 5](#)

[Phần 6](#)

[Phần 7](#)

[Phần 8](#)

[Phần 9](#)

[Phần 10](#)

[Phần 11](#)

[Phần 12](#)

[Phần 13](#)

[Phần 14](#)

[Phần 15](#)

[Phần 16](#)

[Phần 17](#)

[Phần 18](#)

[Chú Thích](#)

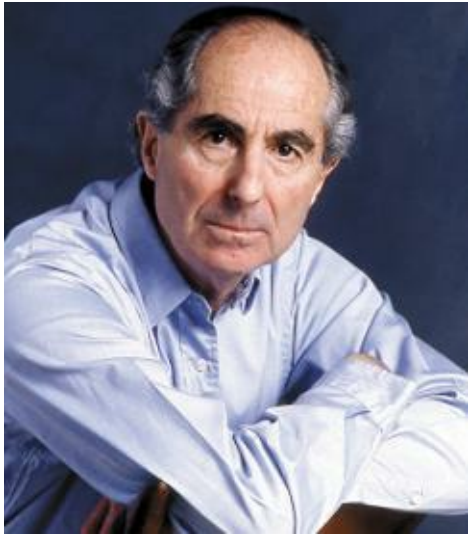
Hạnh phúc luôn tồn tại xung quanh chúng ta, điều quan trọng ta phải biết nắm bắt, kéo nó về phía mình để đem lại an lành cho bản thân, cho cuộc sống! Cuốn sách này là một niềm vui nhỏ

bé chúng tôi muốn dành tặng đến bạn, người đọc ạ!

*"Hãy nhớ rằng không có hạnh phúc trong sự sở hữu hay sự thụ nhận, mà chỉ có trong sự trao tặng. Hãy mở rộng vòng tay - Hãy chia sẻ - Hãy ghi ơn. Hạnh phúc là một loại nước hoa, mà khi bạn rưới lên những người khác, thế nào cũng có một vài giọt dính trên người bạn."* Og Madino

# Philip Milton Roth

(sinh ngày 19/3/1933) tại New Jersey, Mỹ trong một gia đình Do Thái nhập cư. Ông tốt nghiệp ngành Ngữ Văn tại Đại học Bucknell, tiếp đó học cao học Văn chương Anh tại Đại học Chicago. Roth dạy sáng tác tại Đại học Iowa và Đại học Princeton. Sự nghiệp học thuật của ông tiếp tục tại Đại học Pennsylvania cho tới khi về hưu vào năm 1991.



Trong khi ở Chicago, Roth đã gặp Saul Bellow và Margaret Martinson Williams, người sau này trở thành vợ ông. Cuộc chia tay với Margaret năm 1963, cùng cái chết của bà năm 1968 đã để lại rất nhiều dấu ấn trong các tác phẩm của Roth, đặc biệt là trong *When She Was Good* và *My Life As a Man*. Trước khi được xuất bản cuốn sách đầu tiên vào năm 1959, Roth có hai năm phục vụ trong quân đội và từng viết nhiều truyện ngắn, phê bình cho tạp chí. Mãi đến năm 1990, ông mới tái hôn với người bạn lâu năm, Claire Bloom, một diễn viên người Anh. Năm 1994 họ chia tay và hai năm sau Bloom xuất bản một cuốn hồi ký miêu tả chi tiết cuộc hôn nhân ấy. Nhiều nhà phê bình cho rằng một vài chi tiết trong *I Married a Communist* đã được viết để phản đối những lời buộc tội đưa ra trong hồi ký của Bloom.

Philip Roth là nhà văn đương đại lớn của Mỹ với hai lần được tặng giải thưởng **National Book Award**, hai lần nhận giải **National Book Critics Circle Award** (do giới phê bình trao), và ba lần nhận giải **PEN/Faulkner Award**. Năm 1998, ông nhận giải **Pulitzer** cho tiểu thuyết *American Pastor*, khắc họa nhân vật nổi tiếng nhất của ông: Nathan Zuckerman. Cùng năm đó, Philip Roth lại được vinh danh bằng **Huân chương Nghệ thuật Quốc gia** cao quý tại ngay Nhà Trắng. Năm 2001, *The Human stain*, một tiểu thuyết nữa về Zuckerman, đã giành được giải **WH Smith Literary Award** của Anh. Sau đó một năm, ông nhận được giải thưởng cao nhất của Viện hàn lâm Nghệ thuật và Văn học Mỹ - **Huân chương Vàng Tiểu thuyết** - giải từng được trao cho John Dos Passos, William Faulkner và Saul Bellow. Năm 2005, *The Plot Against America* nhận được giải của Hội sử gia Mỹ cho "cuốn tiểu thuyết lịch sử xuất sắc có chủ đề nước Mỹ năm 2003-2004", đồng thời được hơn một tờ báo lớn bình chọn là tiểu thuyết xuất sắc nhất năm. Tại Anh, *The Plot Against America* cũng giành giải **WH Smith Literary Award**, biến Roth trở thành nhà văn đầu tiên hai lần đoạt giải trong suốt bốn mươi sáu năm lịch sử giải này.

Năm 2005, Philip Roth trở thành nhà văn Mỹ thứ ba được Library of America xuất bản toàn tập ngay từ khi còn sống. Tập thứ tám dự kiến sẽ ra đời vào năm 2013.

*Đây, nơi con người ngồi nghe tiếng nhau than thở;*

*Nơi sự tê liệt làm run rẩy nhúm tóc bạc buồn bã cuối cùng,*

*Nơi tuổi trẻ úa tàn, mong manh như bóng ma rồi lại tắt;*

*Nơi chẳng thể nghĩ gì ngoài nỗi sầu muộn chứa chan...*

- JOHN KEATS, "Tụng ca một chú Sơn ca"

# Phần 1

Đứng quanh huyết mộ của ông trong nghĩa trang tiêu điều là vài đồng nghiệp cùng làm quảng cáo ở New York đang nhắc lại lòng nhiệt huyết và cá tính của ông, bảo Nancy, con gái ông, rằng được làm việc với ông thật vinh hạnh biết mấy. Có cả những người đã lái xe tới từ tận Starfish Beach, làng hưu trí ở Bờ biển Jersey nơi ông sống từ dịp Lễ Tạ Ơn năm 2001 - những người già cả chỉ mới đây thôi còn ngồi học lớp nghệ thuật do ông dạy. Hai con trai ông, Randy và Lonny, kết quả của cuộc hôn nhân đầu tiên đầy sóng gió, giờ đã là hai gã trung niên, cũng có mặt, vốn là con ngoan của mẹ, do đó chỉ biết rất ít về những gì đáng ngợi khen ở ông nhưng lại rất nhiều về những gì đáng tởm - họ có mặt chỉ vì nghĩa vụ, chấm hết. Anh trai ông, Howie, cũng tới cùng vợ, bay từ tận California, chuyến đêm qua, ngoài ra còn có một trong ba bà vợ cũ của ông, bà thứ hai, mẹ của Nancy, Phoebe, một phụ nữ cao, gầy tong teo, tóc trắng, cánh tay phải buông thõng một bên như bị liệt. Khi Nancy hỏi bà có muốn phát biểu gì không, Phoebe bẽn lẽn lắc đầu nhưng rồi cũng tiến lên phía trước khẽ cất tiếng, lời phát biểu nghe không rõ ràng. "Đúng là khó tin quá. Tôi vẫn cứ nghĩ ông ấy còn đang bơi trong vịnh - thế đấy. Thực sự tôi vẫn nhìn thấy ông ấy bơi trong vịnh." Rồi đến lượt Nancy, người đã tổ chức tang lễ này và gọi điện báo cho những người đang hiện diện ở đây, để những người tới dự sẽ không chỉ có mình cô, mẹ và vợ chồng hai bác. Chỉ một người có mặt mà không cần mời, một phụ nữ đồ sộ có khuôn mặt tròn phúc hậu và mái tóc nhuộm đỏ, cô cứ thế xuất hiện ở nghĩa trang và tự giới thiệu là Maureen, y tá tư, người đã chăm sóc ông trong suốt cuộc phẫu thuật tim nhiều năm về trước. Howie nhớ ra cô và bước lên thòm má.

Nancy nói với mọi người, "Có lẽ tôi sẽ bắt đầu bằng việc nói gì đó về nghĩa trang này, bởi tôi vừa phát hiện ra rằng ông của ba tôi, cụ nội tôi, không những được chôn bên cụ bà ở nghĩa trang này từ những ngày đầu, mà còn là một trong những người sáng lập nó vào năm 1888. Những hiệp hội an táng thuộc các tổ chức từ thiện Do Thái cùng các giáo đoàn rải rác ở hạt Union và hạt Essex đã chung tay tài trợ và khởi dựng nghĩa trang này. Cụ nội tôi sở hữu và điều hành một nhà trọ ở Elizabeth, đặc biệt phục vụ những người nhập cư mới tới, và cụ chăm lo cho đời sống của họ hơn nhiều một chủ nhà thông thường. Đó là lý do cụ trở thành một trong những người đầu tiên mua lại khu đất trống nơi đây, tự tay cải tạo và trang trí lại nó, là lý do tại sao cụ chính là chủ tịch đầu tiên của nghĩa trang. Khi ấy cụ còn khá trẻ nhưng đầy nhiệt huyết, và chỉ mình cụ được ký tên trong văn bản xác định rõ nghĩa trang này là để chôn cất những thành viên đã qua đời theo luật lệ và lễ nghi Do Thái. Như tất cả chúng ta đều thấy, ngày nay việc chăm sóc từng mộ phần, hàng rào và cổng chẳng được như cần có. Mọi thứ đều mục nát và sụp đổ, cổng thì gỉ sét, ổ khóa cũng chẳng còn, nạn phá hoại của công vẫn diễn ra. Giờ đây nơi này đã trở thành nơi tiếp giáp với sân bay và âm thanh mà các vị đang nghe thấy là tiếng ồn ã đều đặn của đường cao tốc New Jersey Turnpike cách đây vài dặm. Dĩ nhiên ban đầu tôi nghĩ nên chôn ba mình ở những nơi tuyệt đẹp khác, nơi ông và mẹ tôi vẫn cùng nhau bơi lội thời cả hai còn trẻ, hay trên bờ vùng biển mà ông vẫn thích bơi. Nhưng rồi dù cho nhìn thấy cảnh điêu tàn ở nơi đây là tim tôi tan nát - có thể các vị cũng vậy, thậm chí có thể các vị còn tự hỏi sao chúng ta lại đang tụ tập trên một mảnh đất bị thời gian tàn phá thế này - tôi vẫn muốn ba được nằm gần những người thương yêu ông, sinh ra ông. Ba tôi yêu ông bà tôi, và ông nên ở gần họ. Tôi không muốn ông phải nằm đâu đó một mình." Cô im lặng một lát để bình tĩnh trở lại. Là

một phụ nữ ngoài ba mươi với gương mặt dịu hiền, đẹp giản dị như mẹ cô thời trẻ, trông thoáng qua cũng thấy cô chẳng có vẻ gì quyền uy hay thậm chí can đảm cũng không mà chỉ giống như một đứa trẻ lên mười đang trong cơn xúc động. Quay sang hướng quan tài, cô nhặt lên một nắm đất và, trước khi thả nó xuống nắp, khẽ khàng nói, vẫn với vẻ của một cô bé hoang mang, "Ba à, rốt cuộc là vậy đây. Chúng con chẳng thể làm gì hơn nữa." Rồi cô nhớ lại phương châm sống khắc kỷ của ông suốt hàng thập kỷ qua và bắt đầu bật khóc. "Chuyện đã xảy ra chẳng cách nào làm lại," cô nói với ông. "Chỉ có thể đón nhận khi nó tới. Đứng vững và đón nhận khi nó tới."

Người tiếp theo ném đất lên nắp quan tài là Howie, hồi họ còn nhỏ Howie là đối tượng cho lòng sùng bái của ông, và để đáp lại Howie đã luôn đối xử với ông bằng sự dịu dàng và trù mến, kiên nhẫn dạy ông đi xe đạp, bơi và chơi mọi môn thể thao mà Howie vốn chơi xuất sắc. Có vẻ như giờ Howie vẫn có thể ôm bóng bầu dục chạy qua giữa vạch, mặc dù đã bảy mươi bảy tuổi. Howie chưa từng phải nhập viện vì bất cứ lý do gì và, tuy cùng sinh ra trong một gia đình như ông, nhưng Howie vẫn duy trì được sức khỏe vô địch từ lúc chào đời.

Giọng Howie khản đặc vì xúc động khi thì thầm với vợ, "Em trai anh đấy. Thật vô lý." Rồi ông cũng nói với mọi người. "Để xem tôi có làm được không nhé. Giờ ta hãy nói về anh chàng này. Về em trai tôi..." Ông dừng lại để sắp xếp lại suy nghĩ sao cho có thể nói mạch lạc. Cách ông nói và âm vực dễ chịu của ông giống em trai ông đến mức Phoebe bắt đầu khóc, và Nancy vội khoác lấy tay bà. "Những năm cuối đời" ông nói, nhìn trân trân về phía huyệt, "chú ấy gặp phải nhiều vấn đề sức khỏe, và cô đơn - cũng là một vấn đề chẳng kém cạnh gì. Chúng tôi vẫn thường xuyên điện thoại mỗi khi có thể, mặc dù càng về cuối đời chú ấy càng tách mình khỏi tôi, vì những lý do chưa bao giờ nói rõ. Từ hồi học phổ thông chú ấy đã mang trong mình khao khát vẽ tranh khôn cưỡng, và sau khi nghỉ hưu ngành quảng cáo, nơi chú ấy đã gặt hái được thành công đáng kể, đầu tiên là giám đốc nghệ thuật rồi thăng tiến thành giám đốc sáng tạo - sau đời làm quảng cáo, thực tế là ngày nào chú ấy cũng vẽ, liên tục suốt những năm còn lại của đời mình. Về chú ấy, chúng ta chỉ có thể nói điều mà chắc chắn những người khác đã nói về người thân yêu đã khuất của họ: lẽ ra chú ấy nên được sống lâu hơn. Thực tình nên như thế." Đến đây, sau một thoáng im lặng, vẻ ảm đạm cam chịu trên khuôn mặt ông nhường chỗ cho một nụ cười buồn bã.

"Hồi tôi mới lên cấp ba và chiều nào cũng phải tập với đội, chú ấy làm thay mọi việc vặt tôi vẫn phải làm giúp cha sau giờ học. Chú ấy mê mẩn khi được làm một đứa trẻ chín tuổi mang phong bì đựng kim cương trong túi áo khoác bắt xe buýt tới Newark, nơi những chuyên gia giám định, định cỡ, thợ đánh bóng và tay thợ sửa đồng hồ cha chúng tôi thường thuê vẫn ẩn náu, mỗi người trong một cái tổ riêng trên đại lộ Frelinghuysen. Những chuyến chạy việc như thế khiến thằng bé vô cùng thích thú. Tôi nghĩ ý tưởng làm nghệ thuật bằng chính đôi tay mình của chú ấy đã được khơi gợi từ việc quan sát mấy nghệ nhân này làm công việc đơn độc của họ trong những không gian tí xiu chật hẹp như thế. Ngoài ra tôi nghĩ việc nhìn từng mặt của viên kim cương qua kính lúp kim hoàn của cha tôi cũng là một yếu tố nuôi dưỡng trong chú ấy khát vọng làm nghệ thuật." Một tiếng cười đột nhiên vượt ra khỏi Howie, một phút giải lao bối rối khỏi nhiệm vụ, rồi ông nói, "Còn tôi chỉ là gã anh trai kiểu cổ truyền. Với tôi kim cương chỉ nuôi dưỡng khát vọng kiếm tiền." Rồi ông lại nói tiếp đoạn bỏ dở, vừa nói vừa nhìn qua khung

cửa sổ lớn ngập tràn ánh nắng của những năm tháng thiếu thời. "Cha chúng tôi thuê đăng một mẫu quảng cáo nhỏ trên tờ *Nhật báo Elizabeth* mỗi tháng một lần. Vào mùa lễ hội, khoảng từ Lễ Tạ ơn đến Giáng sinh thì tuần một lần. 'Đối đồng hồ cũ lấy đồng hồ mới.' Toàn bộ số đồng hồ cũ ông tích cóp được - hầu hết số đó vô phương sửa chữa - được chất đống trong một ngăn kéo phía sau tiệm. Em trai tôi có thể ngồi đó hàng giờ, xoay xoay kim và lắng nghe tiếng tíc tắc, nếu chúng còn kêu được, và xem xét kỹ từng cái mặt đến từng cái hộp đồng hồ. *Thằng bé* say mê việc đó. Chứa chừng một hai trăm chiếc đồng hồ cũ, cả cái ngăn kéo đầy ự đó có lẽ cũng không bán nổi mười đô, nhưng dưới con mắt măm non nghệ sĩ ấy, cái ngăn kéo đồng hồ ở căn phòng khuất nẻo này là một rương kho báu. Chú ấy thường lấy đồng hồ đeo - lúc nào trên tay chú ấy cũng đeo một chiếc lấy từ cái ngăn kéo ấy. Một trong số những chiếc còn chạy. Và những chiếc chú ấy cố sửa cho chạy được, rồi những chiếc có vẻ ngoài làm chú ấy thích, chú ấy tần mẩn sửa nhưng chẳng ích gì - thường thì chú ấy chỉ làm chúng hỏng thêm. Tuy vậy, đó vẫn là khởi đầu của quá trình sử dụng đôi tay làm những việc tỉ mỉ. Cha tôi luôn thuê hai cô gái giúp việc sau quầy - vừa tốt nghiệp cấp ba, chừng mười chín hai mươi. Những cô gái vùng Elizabeth xinh đẹp, ngọt ngào, những cô gái lịch sự, gọn gàng, chủ yếu là dân Công giáo Ai Len, có cha anh chú bác làm việc cho hãng máy khâu Singer, công ty bánh quy hay dưới cảng. Ông cho rằng các cô gái Thiên Chúa giáo xinh đẹp sẽ khiến khách thấy thoải mái hơn. Nếu được yêu cầu, các cô sẽ đeo thử trang sức cho khách xem, sắm luôn vai người mẫu, và nếu may mắn, bà khách rất cuộc sẽ mua. Theo lời cha bảo chúng tôi, khi một phụ nữ trẻ đeo một món trang sức, những phụ nữ khác sẽ nghĩ nếu đeo vào trông mình cũng được như vậy. Những anh chàng từ bến tàu lên đây tìm mua nhẫn đính hôn và nhẫn cưới cho người yêu đôi khi còn cả gan cầm lấy tay cô bán hàng đưa lên gần mắt mà ngắm viên đá cho rõ. Em trai tôi cũng thích ở gần mấy cô, dù còn phải rất lâu sau chú ấy mới bắt đầu hiểu thứ mà mình thích thú đến vậy là gì. Cuối ngày nào chú ấy cũng giúp các cô dọn cửa sổ và kệ trưng bày. Chú ấy chẳng từ việc gì để giúp họ. Họ cất hết đồ trưng bày trên cửa sổ và kệ, chỉ trừ những món rẻ nhất, và ngay trước giờ đóng cửa chú bé ấy sẽ mở cái két sắt to ở phòng phía sau bằng mã số mà cha tôi đã tín nhiệm trao cho. Tất cả những việc này tôi đều từng làm trước chú ấy, bao gồm cả việc tiếp cận các cô gái, đặc biệt là hai chị em tóc vàng tên là Harriet và May. Trải qua nhiều năm, ở đó từng có Harriet, May, Annmarie, Jean, có Myra, Mary, Patty, có Kathleen và Corine, và trong mắt chú bé ấy từng người một đều như thể lấp lánh. Corine, người đẹp tuyệt trần, cứ đầu tháng Mười một lại ngồi bên bàn làm việc trong phòng phía sau cùng cậu em nhỏ của tôi ghi địa chỉ cho những catalô mà tiệm đã in rồi gửi tới tất cả khách hàng nhân dịp mùa mua sắm lễ hội, hồi đó cha tôi còn mở cửa sáu ngày một tuần và ai cũng làm việc như lừa. Nếu đưa cho em tôi một hộp phong bì, chú ấy sẽ đếm chúng nhanh hơn bất kỳ ai khác vì ngón tay chú ấy dẻo và vì chú ấy đếm năm cái một. Tôi nhìn và, hẳn rồi, chú ấy làm thế đấy: khoe tài với mớ phong bì để gây ấn tượng với Corine. Cậu bé ấy mới yêu thích mọi thứ đi kèm với vị trí đưa con trai đáng tin cậy của ông chủ tiệm kim hoàn làm sao! Đó là từ cha tôi ưa thích khi khen ai - 'đáng tin cậy.' Trong nhiều năm cha tôi đã bán nhẫn cưới cho những người Ai len, người Đức, người Slovakia, người Ý, người Ba Lan ở Elizabeth, hầu hết bọn họ đều là những người lao động thô kệch trẻ tuổi. Thường thì mua nhẫn xong, họ sẽ mời chúng tôi, cả nhà chúng tôi, tới dự đám cưới. Mọi người đều yêu quý cha tôi - ông có khiếu hài hước, bán giá thấp và gia hạn trả góp cho bất kỳ ai, vậy là chúng tôi đi - đầu tiên là tới nhà thờ, tiếp đến là những bữa tiệc tùng ồn ã. Có Suy thoái, có chiến tranh, nhưng cũng có những đám cưới, có những cô bán hàng và những chuyến đi tới Newark trên xe

buýt với số kim cương trị giá hàng trăm đô la đựng trong phong bì giấu kín trong những túi áo khoác len mặc trên người. Bên ngoài mỗi phong bì là lời hướng dẫn của cha tôi dành cho người định cỡ hay chế tác. Có một cái kết sắt hiệu Mosley cao đến mét rưỡi, khía rãnh để tối tối chúng tôi cẩn thận cắt hết các khay trang sức vào đó và sáng sáng lại lấy ra... và tất cả những điều này đã cấu thành cốt lõi của cuộc đời em tôi với tư cách một cậu bé ngoan." Ánh mắt Howie lại dừng lại trên quan tài. "Giờ thì sao đây?" ông nói. "Tôi nghĩ tốt hơn là cứ thế này đi. Nói tiếp nói mãi, tưởng nhớ nhiều hơn... mà sao lại không tưởng nhớ chứ? Thêm một lít nước mắt nữa của gia đình và bạn bè thì cũng có là gì? Khi cha chúng tôi mất em tôi đã hỏi nếu chú ấy lấy cái đồng hồ của cha thì tôi có thấy sao không? Đó là một chiếc hiệu Hamilton, chế tạo ở Lancaster, Pennsylvania, và theo lời chuyên gia thì nó là sếp, là chiếc đồng hồ tốt nhất mà đất nước này từng làm ra. Bán cái nào cha cũng thuyết phục được khách hàng an tâm rằng anh ta không lầm. 'Thấy không, chính tôi cũng đeo một chiếc dây này. Một chiếc đồng hồ rất rất được ngưỡng mộ, chiếc Hamilton. Đối với tôi,' ông ấy nói, 'đây là chiếc đồng hồ số một do Mỹ sản xuất, độc nhất vô nhị.' Bẩy mươi chín đô năm mươi, nếu tôi nhớ không nhầm. Ngày ấy giá của mọi món đồ bán ra đều phải có đuôi là năm mươi. Danh tiếng của Hamilton rất lớn. Nó là một loại đồng hồ đẳng cấp, cha tôi thực lòng yêu chiếc Hamilton của ông, và khi em tôi nói chú ấy muốn sở hữu nó, tôi đã không thể vui hơn. Chú ấy còn có thể lấy luôn chiếc kính lúp và cái hộp đựng kim cương dùng khi đi lại của cha tôi. Đó là một chiếc hộp da cũ sồn mà ông luôn mang theo trong túi áo khoác mỗi lần phải đi làm việc bên ngoài tiệm: trong đó có một cái nhíp, một cái tua vít tí hon, một vòng đo kích cỡ nhỏ để đo kích thước của viên đá dạng tròn và mấy tờ giấy trắng gấp lại để hứng bụi kim cương. Những dụng cụ nhỏ bé đẹp đẽ, thân thương mà ông từng cầm trong tay và cất bên trái tim, nhưng chúng tôi đã quyết định chôn theo ông, kính lúp và cái hộp cùng toàn bộ những gì trong đó. Ông luôn để kính lúp ở một bên túi áo, còn thuốc lá ở bên kia, nên chúng tôi gắn kính vào trong vải liệm. Tôi nhớ khi ấy em tôi nói, 'Đúng ra thì chúng ta nên gắn nó lên mắt ông.' Nỗi đau buồn có thể làm thế với người ta đấy. Chúng tôi đã từng suy sụp đến thế đấy. Chúng tôi chẳng biết làm gì nữa. Dù đúng hay sai, ngoài việc đó ra dường như với chúng tôi chẳng còn gì nên làm nữa. Bởi vì chúng không chỉ là *của ông* - chúng còn là *ông*... Để kết lại chuyện về chiếc Hamilton, chiếc đồng hồ cũ của cha tôi, chiếc đồng hồ mà sáng sáng ta sẽ phải xoay núm để lên dây rồi phải tháo cả mặt ra để chỉnh lại kim... trừ khi đi bơi, em tôi luôn đeo nó, cả ngày lẫn đêm. Chú ấy chỉ vừa mới vĩnh viễn tháo nó ra cách đây bốn mươi tám giờ. Chú ấy còn đưa cho y tá nhờ cất kỹ cho an toàn trong lúc mình bận trải qua cuộc phẫu thuật đã giết chết chú ấy đó. Sáng nay lúc trên xe đi ra nghĩa trang, cháu Nancy đã cho tôi thấy cháu đã tiếp nối truyền thống gia đình và giờ cháu đang đeo đồng hồ Hamilton để xem giờ."

Rồi đến hai con trai, những người đàn ông gần năm mươi; với mái tóc đen bóng, đôi mắt đen biết nói và khuôn miệng giống hệt nhau, rộng, đầy đặn, gợi cảm, họ trông giống hệt cha (và bác) mình hồi ở tuổi đó. Hai người đàn ông đẹp trai ấy bắt đầu lừng lững đứng lên và có vẻ như sự gần gũi trong mối gắn kết giữa họ cũng lớn như sự xa lạ bất khả hòa giải giữa họ với người cha đã mất. Người em, Lonny, bước tới ngôi mộ trước. Nhưng khi đã cầm nắm đất trong tay, toàn thân ông bắt đầu run lên bần bật, trông cứ như thể sắp sửa nôn mửa dữ dội đến nơi. Trong ông tràn ngập một thứ tình cảm dành cho cha, không phải lòng thù hận, nhưng lòng thù hận vốn dĩ của ông đã tước đi khỏi ông phương tiện để bộc lộ tình cảm ấy. Khi ông mở miệng,

chẳng có gì phát ra ngoại trừ một loạt tiếng hỗn hển kỳ cục, khiến người ta thấy có vẻ như cái thứ đang bóp nghẹt ông kia, dù nó có là gì, sẽ không bao giờ buông tay. Ông ở trong một tình trạng tuyệt vọng đến mức Randy, người anh, người con quyết đoán hơn, hay gắt gỏng hơn, phải lập tức ra giải cứu. Ông lấy nắm đất lại từ tay em trai rồi đại diện cho cả hai ném lên quan tài. Và ông đã dễ dàng thành công khi lên tiếng phát biểu. "An giấc nhé cha," Randy nói, nhưng trong giọng ông tuyệt nhiên không thể hiện bất cứ sắc độ nào của sự dịu dàng, nỗi đau thương, tình yêu hay mất mát.

Người cuối cùng tiến đến quan tài là Maureen, y tá trực riêng, một chiến binh ngay từ vẻ bề ngoài và chẳng hề xa lạ với cả sự sống lẫn cái chết. Khi cô mỉm cười để nắm đất từ từ trôi qua lòng bàn tay nắm lại, ra khỏi mé bàn tay và rơi lên nắp quan tài, cử chỉ ấy trông như khúc dạo đầu cho một cảnh nhục dục. Rõ ràng đây là người đàn ông từng khiến cô suy nghĩ nhiều.

Vậy là hết. Chưa có điểm gì đặc biệt được nói ra. Tất cả bọn họ đã nói những gì cần nói rồi sao? Không, chưa đâu, à mà cũng đúng, dĩ nhiên họ đã nói hết. Ngày hôm ấy trên khắp bang đã có năm trăm đám tang thế này, hằng ngày, bình thường, và ngoại trừ ba mươi giây bất thường do hai người con trai mang lại - và màn tái dựng chính xác đến chi li của Howie về cái thế giới từng tồn tại ngay thơ trước khi cái chết được tạo ra, cuộc sống vĩnh hằng trong vườn địa đàng mà cha họ gây dựng, một thiên đường bốn mét rưỡi chiều rộng nhân mười hai mét chiều dài ngụy trang trong hình hài một tiệm trang sức - đám tang này chẳng hề thú vị hơn hoặc kém bất cứ đám nào trong số đó. Nhưng chính tính phổ biến mới là thứ dễ gây đốn đau nhất, ghi nhận thêm một lần nữa sự thật về cái chết: nó lấn át mọi thứ.

Trong vòng vài phút, mọi người đều đã đi - rãi rời bước đi trong nước mắt ra xa khỏi hoạt động ít được ưa chuộng nhất của giống loài chúng ta - và ông bị bỏ lại phía sau. Dĩ nhiên, mỗi khi ai đó qua đời, dù rất nhiều người sẽ buồn đau, nhiều người khác vẫn sẽ bình thản, hoặc thấy nhẹ nhõm, hoặc, dù Vì lý do tốt hay không, thành thực hài lòng.

# Phần 2

Mặc dù đã dần quen với việc ở một mình và tự chăm sóc bản thân từ lần ly dị gần đây nhất hồi mười năm trước, vào đêm trước cuộc phẫu thuật, lúc nằm trên giường ông vẫn cố nhớ lại chính xác hết mức có thể từng người đàn bà từng đứng đó trong phòng hồi sức chờ ông tỉnh thuốc mê, nhớ lại cả người bạn đời vô dụng nhất, người vợ sau cùng, có cô ở bên thì chuyện phục hồi sau cuộc phẫu thuật nong mạch máu lần thứ năm cũng chẳng phải là trải nghiệm gì tuyệt diệu. Trải nghiệm tuyệt diệu phải là với cô y tá riêng với vẻ chuyên nghiệp không khoe mẽ đã cùng ông từ bệnh viện về và chăm sóc ông với sự tận tụy hân hoan từng thúc đẩy ở ông một sự phục hồi chậm chạp nhưng ổn định, và ông đã, sau lưng vợ, duy trì một mối tình bền vững với cô ngay khi năng lực tình dục được phục hồi. Maureen. Maureen Mrazek. Ông đã gọi đi khắp nơi cố tìm Maureen. Khi ra viện về nhà lần này ông muốn cô lại đến làm y tá cho ông, nếu ông có cần y tá. Nhưng mười sáu năm đã trôi qua, hãng y tá ở bệnh viện không sao tìm ra cô nữa. Giờ cô cũng đã bốn mươi tám, chắc chắn đã lấy chồng và làm mẹ, một phụ nữ trẻ cân đối, tràn đầy năng lượng trở thành một bà trung niên bệ vệ trong khi ông đã thua trong trận chiến giữ mình đứng vững như một gã đàn ông bất khả chiến bại từ lâu, thời gian đã biến cơ thể ông thành một kho chứa đủ thứ máy móc nhân tạo được thiết kế nhằm ngăn nó khỏi sụp đổ. Việc xoa dịu ý nghĩ về cái chết của chính ông chưa bao giờ đòi hỏi nhiều nỗ lực và mảnh khén như thế.

Một lúc lâu sau ông nhớ lại lần được mẹ đưa tới bệnh viện để phẫu thuật thoát vị hồi mùa thu năm 1942, một chuyến xe buýt kéo dài chưa đầy mười phút. Thường thì nếu đi đâu cùng mẹ, ông sẽ được đi ô tô nhà và cha ông sẽ lái. Nhưng lần này chỉ có hai mẹ con trên xe buýt, họ đang hướng tới bệnh viện nơi ông sinh ra, và mẹ ông chính là điều đã làm yên nỗi sợ trong ông và khiến ông can đảm. Hồi nhỏ xíu ông đã từng cắt a mi đan ở viện này, ngoài ra ông chưa từng quay lại. Giờ thì ông phải ở đó bốn ngày bốn đêm. Ông là một thằng bé chín tuổi biết suy nghĩ và không có vấn đề gì dễ thấy, nhưng trên chiếc xe buýt ấy ông cảm thấy mình bé hơn thế và nhận thấy mình đang đòi hỏi mẹ quan tâm theo cách mà ông nghĩ thật trẻ con.

Anh trai ông, khi ấy đã vào năm thứ nhất trung học, giờ đang đi học, còn cha thì đã lái xe đi làm từ trước khi mẹ con ông khởi hành tới bệnh viện. Một chiếc va li nhỏ đựng đồ thiết yếu nằm trên đùi mẹ ông. Trong đó đựng bàn chải đánh răng, đồ ngủ, áo choàng tắm và dép đi trong nhà, cùng vài cuốn sách ông mang theo để đọc. Ông vẫn còn nhớ đó là những cuốn nào. Bệnh viện rất gần thư viện địa phương nên mẹ ông có thể bổ sung nguồn đọc nếu ông đọc hết số sách mang theo trong những ngày lưu lại bệnh viện. Ông sẽ phải nghỉ ở nhà hai tuần cho lại sức trước khi đi học trở lại, và ông lo lắng về số lượng bài vở mình sẽ bỏ lỡ, hơn là về cái mặt nạ ê te mà ông biết họ sẽ chụp lên mặt ông để gây mê. Hồi những năm đầu thập niên 1940, các bệnh viện vẫn chưa cho phép cha mẹ ở lại qua đêm với con cái, vậy nên ông sắp phải ngủ mà không có mẹ, cha hay anh trai ở gần. Ông cũng lo lắng cả chuyện đó nữa.

Mẹ ông là một phụ nữ khéo léo trong cả cư xử lẫn ăn nói, cũng như, lần lượt, mấy cô làm thủ tục nhập viện cho ông ở quầy đón tiếp và các y tá ở phòng y tá, lúc mẹ con ông đi thang máy lên khu nhi của tầng dành cho phẫu thuật. Mẹ ông xách cái va li vì tuy nó nhỏ nhưng ông không

được mang vác gì cho đến sau khi chữa xong chứng thoát vị và bình phục hẳn. Vài tháng trước ông đã phát hiện ra một chỗ sưng bên háng trái nhưng đã không nói với ai mà chỉ cố dùng ngón tay ấn vào cho nó hết. Ông không hề biết chứng thoát vị là cái gì hoặc có gì đặc biệt khi chỗ sưng lại gần cơ quan sinh dục đến vậy.

Hồi ấy bác sĩ vẫn thường chỉ định cho đứa bé đeo một cái quần nâng với dây bằng kim loại nếu gia đình không muốn hoặc không đủ tiền phẫu thuật. Ông biết ở trường có một đứa đã phải mặc cái quần nâng như thế, và một trong những lý do ông không nói với ai về chỗ sưng ấy là nỗi sợ rằng chính mình cũng sẽ phải mặc thứ đó và phơi nó ra trước mắt lũ con trai mỗi lần thay đồng phục thể dục.

Khi cuối cùng ông cũng thú nhận với cha mẹ, cha ông liền đưa ông đi khám. Vị bác sĩ khám cho ông thật nhanh, chẩn đoán và, sau khi nói chuyện vài phút với cha ông, đã sắp xếp một cuộc phẫu thuật. Mọi chuyện được tiến hành với một tốc độ kinh ngạc, và vị bác sĩ - chính người đã đỡ ông chào đời - trấn an ông rằng ông sẽ không sao rồi họ bắt đầu nói đùa về mục tranh vui *Li'l Abner* đăng trên báo buổi tối mà cả hai đều thích.

Cha mẹ ông bảo bác sĩ Smith là bác sĩ phẫu thuật giỏi nhất thành phố này. Cũng như cha mình, bác sĩ Smith, tên khai sinh là Solly Smulowitz, đã lớn lên trong khu ổ chuột và là con cái của những người nhập cư nghèo khổ.

Trong vòng một tiếng sau khi đến bệnh viện, ông đã nằm trên giường trong phòng mình, mặc dù theo lịch thì phải sáng hôm sau cuộc phẫu thuật mới tiến hành - hồi ấy bệnh nhân được chăm sóc như thế đấy.

Ở giường kế bên là một thằng bé vừa mổ dạ dày và vẫn chưa được phép ngồi dậy đi lại. Mẹ nó ngồi bên giường nắm tay nó. Khi người cha tan sở tới thăm, cha mẹ nó nói chuyện với nhau bằng tiếng Yiddish, điều này khiến ông nghĩ họ lo ngại phải nói thứ tiếng Anh dưới chuẩn trước mặt con trai. Nơi duy nhất ông từng nghe thấy người ta nói tiếng Yiddish là ở tiệm trang sức khi những người tị nạn chiến tranh vào tìm mua đồng hồ Schaffhausen, một nhãn hiệu hiếm-có-khó-tìm mà cha ông đã phải gọi đi khắp nơi để hỏi - "Schaffhausen... Tôi muốn một chiếc Schaffhausen," vốn tiếng Anh của họ chỉ đủ để nói thế. Dĩ nhiên vào cái hồi những người Do Thái Hasid từ New York vẫn hay tới Elizabeth mỗi tháng một hai lần để bổ sung nguồn kim cương cho cửa tiệm - vì sẽ quá đắt đỏ nếu cha phải tự lưu kho một lượng lớn kim cương trong két - thì hầu như ông chỉ nghe toàn tiếng Yiddish. So với thời hậu chiến, trước chiến tranh ở Mỹ có ít nhà buôn kim cương người Do Thái Hasid hơn nhiều, nhưng cha ông, ngay từ đầu đã thích giao dịch với họ hơn là với những nhà kim cương lớn. Nhà buôn kim cương hay tới nhất - chỉ trong vài năm hành trình nhập cư đã đưa ông cùng gia đình từ Vácsava qua Antwerp tới New York - là một người đàn ông đứng tuổi thường đội một chiếc mũ đen lớn và mặc áo khoác đen dài chẳng giống bất kỳ ai trên đường phố Elizabeth, thậm chí không giống cả những người Do Thái khác. Ông ta để râu và tóc mai dài, mang một chiếc túi nhỏ đựng kim cương đeo bên hông kín đáo dưới lớp quần áo lót diêm dúa mà ý nghĩa tôn giáo của chúng vượt quá tầm hiểu biết của một kẻ theo chủ nghĩa thể tục non trẻ - thực ra ông thấy điều này có vẻ lố bịch - ngay cả khi cha đã giải thích tại sao người Do Thái Hasid vẫn ăn mặc như tổ tiên họ ở cổ hương hai trăm năm về trước và hầu như vẫn sống như hồi đó, bất chấp ông đã hết lần này đến lần khác

chỉ ra với cha: giờ họ đang ở Mỹ, có quyền tự do ăn mặc, cạo râu và cư xử theo cách mình muốn. Khi một trong số bảy con trai của nhà buôn kim cương lấy vợ, ông ta mời cả gia đình ông tới dự đám cưới ở Brooklyn. Tất cả những người đàn ông ở đó đều để râu, tất cả phụ nữ đều đội tóc giả và mỗi giới tính ngồi riêng một bên trong giáo đường Do Thái, ngăn cách bởi một bức tường - sau đó thậm chí họ còn không buồn khiêu vũ cùng nhau - ông và Howie ghét mọi thứ trong đám cưới đó. Mỗi lần đến tiệm trang sức, nhà buôn kim cương lại cởi áo khoác nhưng mũ thì đội nguyên, rồi ông ta và cha sẽ ngồi sau tủ trưng bày vui vẻ tán gẫu bằng tiếng Yiddish, thứ ngôn ngữ mà bố mẹ của cha ông, ông bà nội ông, vẫn tiếp tục nói với đám con cháu sinh ra trên đất Mỹ trong gia đình nhập cư của họ đến tận khi họ chết. Nhưng khi đến lúc phải xem kim cương, hai người bọn họ sẽ vào gian phòng phía sau, nơi có két sắt, bàn làm việc và sàn nhà trải vải son nâu, toa lét và một chậu rửa nhỏ, chúi đầu vào nhau đằng sau cánh cửa không tài nào đóng chặt ngay cả khi có vật lộn cài được nó từ phía trong. Cha ông luôn ký séc thanh toán tại chỗ.

Sau khi đóng cửa hàng với sự giúp đỡ của Howie - kéo cánh cửa lưới mắt cáo có khóa móc qua cửa sổ trưng bày, bật chuông chống trộm và quàng đủ thứ khóa lên cửa trước - cha ông xuất hiện trong phòng bệnh của con trai út và ôm nó.

Lúc cha đang ở đó thì bác sĩ Smith tới tự giới thiệu. Vị bác sĩ phẫu thuật đang mặc một bộ com lê doanh nhân chứ không phải áo bờ lu trắng, và cha ông liền đứng bật dậy ngay khi thấy ông ta vào phòng. "Bác sĩ Smith đây rồi!" cha ông kêu lên.

"Vậy ra đây là bệnh nhân của tôi," bác sĩ Smith nói. "Chà," ông ta nói, đến bên giường đặt tay lên vai ông chắc nịch, "mai chúng ta sẽ giải quyết món thoát vị ấy và cháu sẽ thấy khỏe như vâm. Cháu thích chơi ở vị trí nào?" ông hỏi.

"Chặn ạ."

"Ừ, khoảng một cái là cháu sẽ có thể trở lại chơi ở vị trí chặn thôi. Cháu có thể chơi bất cứ trò gì cháu thích. Cứ ngủ thật ngon vào, mai bác sẽ gặp lại cháu nhé."

Lấy hết can đảm để nói đùa với vị bác sĩ nổi tiếng, cha ông đáp, "Ông cũng ngủ ngon vào."

Khi bữa tối được mang tới, cha mẹ ông ngồi nói chuyện với ông như thể cả ba đang ở nhà. Họ nói khẽ để không làm phiền cậu bé giường bên hay cha mẹ nó, lúc này họ đều đã im lặng, người mẹ vẫn ngồi bên cạnh cậu bé còn người cha liên tục đi đi lại lại từ cuối giường ra hành lang rồi trở lại. Lúc họ ở đó thì không thấy thằng bé ngo ngoáy gì nhiều.

Tám giờ kém năm một y tá thò đầu vào thông báo đã hết giờ thăm. Bố mẹ của cậu bé giường bên lại nói chuyện bằng tiếng Yiddish và sau khi người mẹ liên tục hôn lên trán đứa con trai, họ rời khỏi phòng. Nước mắt chạy chảy dài trên khuôn mặt người cha.

Rồi cha mẹ ông cũng về nhà với anh trai ông và họ cùng nhau ăn tối trong bếp mà không có ông. Mẹ ông hôn ông, ôm ông thật chặt. "Con làm được mà, con trai," cha ông nói, cũng cúi người xuống hôn ông. "Cũng chỉ như một việc vặt cha vẫn sai con làm trên xe buýt hay ở tiệm thôi. Dù là việc gì thì con cũng chưa từng khiến cha thất vọng. Đáng tin cậy - hai chàng trai

đáng tin cậy của cha! Nghĩ đến các con là cha lại nở lòng nở dạ. Lúc nào cũng vậy, các con luôn làm việc như những chàng trai lao động chu đáo, cẩn thận, chăm chỉ, đúng theo những gì cha mẹ nuôi dạy các con. Mang những món trang sức quý giá tới Newark rồi trở lại, những viên kim cương một phần tư ca ra, nửa ca ra đựng trong túi mà không hề lúng túng dù tuổi nhỏ như thế. Trong mắt cả thế giới, các con làm việc đó nhẹ nhàng như thể số kim cương ấy chỉ là món đồ vớ vẩn vừa tìm thấy trong gói kẹo Cracker Jack. Chà, nếu con có thể làm việc đó, con cũng có thể làm việc này. Với con thì, đây cũng chỉ là một nhiệm vụ công việc nữa thôi. Làm công việc, hoàn thành nhiệm vụ, và đến sáng mai mọi thứ sẽ kết thúc. Chuông reo là chiến. Đúng không?"

"Đúng ạ," đứa con đáp.

"Ngày mai, đến khi cha gặp lại con thì bác sĩ Smith đã xử lý xong cái thứ đó rồi, và thế là xong."

"Vâng."

"Hai chàng trai tuyệt vời của cha!"

Sau đó họ đi bỏ lại ông một mình trong phòng cùng cậu bé giường bên cạnh. Ông vớ tay ra bàn cạnh giường, chỗ mẹ ông đã xếp chồng mấy cuốn sách, và bắt đầu đọc *Robinson gia đình Thụy Sĩ*. Rồi đọc thử *Đảo giấu vàng*. Rồi đến *Kim*. Rồi ông thọc tay xuống dưới chăn tìm chỗ thoát vị. Chỗ sưng đã biến mất. Ông biết từ kinh nghiệm trước đó rằng có những ngày chỗ sưng tạm thời lặn mất, nhưng lần này ông chắc chắn rằng nó sẽ lặn đi vĩnh viễn và rằng ông sẽ không cần phải mổ. Khi một y tá vào đo nhiệt độ, ông không biết làm sao để nói với cô rằng chỗ thoát vị đã biến mất và họ nên gọi cha mẹ đến đưa ông về nhà. Cô hài lòng nhìn những đầu sách ông mang theo và bảo ông được tự do ra khỏi giường đi vệ sinh nhưng ngoài ra thì ông chỉ được thoải mái đọc sách tới khi cô trở lại tắt điện. Cô chẳng nói gì về cậu bé giường bên, ông chắc là cậu ta sắp chết.

Ban đầu ông không thể ngủ được vì cứ nằm chờ cậu bé kia chết, nhưng sau đó thì là vì không sao ngừng nghĩ về cái xác chết đuối bị sóng đánh dạt vào bờ biển hồi hè năm ngoái. Đó là xác một thủy thủ, tàu chở dầu của anh bị ngư lôi của tàu ngầm Đức tấn công. Tàu tuần tra của Cảnh vệ Bờ biển đã phát hiện ra cái xác giữa lớp váng dầu và những kiện hàng tan nát ở ven bờ biển chỉ hai dãy phố là tới ngôi nhà mà hè nào gia đình bốn người nhà ông cũng thuê một phòng nghỉ trong một tháng. Hầu như ngày nào nước cũng trong nên khi bước xuống vùng nước nông ông không lo đôi chân trần của mình sẽ đụng phải một người chết đuối. Nhưng khi đầu từ chiếc tàu trúng ngư lôi ấy thấm dẫm bãi cát và đóng thành lớp dày dưới gan bàn chân khi ông đi ngang qua bãi biển thì ông rất sợ vấp phải một cái cây ma. Hoặc vấp phải một kẻ phá hoại, đang lên bờ để phục vụ cho Hitler. Được trang bị súng trường, súng tiểu liên và thường có chó nghiệp vụ hỗ trợ, lính Cảnh vệ Bờ biển luôn tuần tra ngày đêm để ngăn chặn những kẻ phá hoại xâm nhập vào hàng dặm bờ biển không người. Nhưng vài tên vẫn lọt qua mà không bị phát hiện, và người ta biết chúng, cùng với đám Mỹ gian ủng hộ phát xít, luôn giữ liên lạc vô tuyến tàu-bờ với những tàu ngầm luôn rình rập khắp các tuyến đường biển ở Bờ Đông và liên tục đánh chìm tàu thuyền ngoài khơi New Jersey từ khi chiến tranh mới bắt đầu. Chiến tranh đã đến gần hơn hầu hết mọi người hình dung, và nỗi kinh hoàng cũng vậy. Cha ông đọc trên báo

thấy bảo trên suốt dọc đường bờ biển nước Mỹ, vùng biển New Jersey là "bãi tha ma tồi tệ nhất của những con tàu," và giờ, trong bệnh viện, ông không thể buộc cái từ "bãi tha ma" ngừng hành hạ mình, cũng không thể gạt khỏi đầu hình ảnh cái xác chết trương phềnh mà Cảnh vệ Bờ biển đã vớt lên từ vùng nước chỉ nông chừng mười phân nơi nó nằm, trong khi hai anh em ông đứng ngó từ lối đi trên bờ biển.

Thiếp đi được một lúc thì ông nghe thấy tiếng động trong phòng và tỉnh dậy thấy tấm rèm ngăn giữa hai giường đã được kéo lại che kín giường bên kia và thấy ở phía bên đó các bác sĩ và y tá đang làm việc - ông có thể thấy bóng họ di chuyển và nghe thấy tiếng họ thì thầm. Khi một y tá từ sau tấm rèm đi ra, cô thấy ông đang thức nên tiến lại dịu dàng bảo ông, "Ngủ tiếp đi cháu. Mai cháu sẽ có một ngày quan trọng đấy." "Có chuyện gì thế ạ?" ông hỏi. "Không có gì đâu," cô đáp, "bạn cô thay băng cho bạn ấy thôi mà. Nhắm mắt lại ngủ tiếp đi cháu."

Sáng hôm sau ông bị đánh thức dậy sớm để chuẩn bị cho cuộc phẫu thuật và mẹ ông ở đó, đã có mặt ở bệnh viện và mỉm cười với ông từ cuối giường.

"Chào buổi sáng, con yêu. Cậu bé can đảm của mẹ thế nào rồi?"

Nhìn sang giường bên kia, ông thấy chăn ga đã bị lột đi hết. Với ông, không gì chứng minh cho chuyện đã xảy ra rõ bằng cảnh tấm đệm trần cùng chiếc gối không vỏ xếp giữa chiếc giường trống.

"Thằng bé đó chết rồi" ông nói. Quả là đáng nhớ khi ông phải vào bệnh viện ở tuổi nhỏ như vậy, nhưng còn đáng nhớ hơn khi ông đã chứng kiến cái chết. Đầu tiên là cái xác trương phềnh, tiếp theo là thằng bé đó. Suốt đêm, khi tỉnh giấc thấy những bóng người chuyển động phía sau tấm rèm, ông không sao không nghĩ: Các bác sĩ đang giết cậu ấy.

"Mẹ thì tin là bạn ấy chuyển đi thôi, con yêu ạ. Bạn ấy phải chuyển sang tầng khác."

Đúng lúc ấy hai hộ lý xuất hiện để đưa ông vào phòng mổ. Khi một trong hai người đó bảo ông đi vệ sinh, việc đầu tiên ông làm là kiểm tra xem chỗ thoát vị đã hết chưa. Nhưng nó đã trở lại. Giờ thì chẳng có cách nào thoát khỏi cuộc phẫu thuật nữa rồi.

Mẹ ông chỉ được phép đi cùng xe cáng đến chỗ thang máy dẫn ông lên phòng mổ. Các hộ lý đẩy ông vào buồng thang máy, và rồi nó đi xuống cho tới khi mở ra trước một hành lang xấu đến choáng váng dẫn tới một phòng mổ nơi bác sĩ Smith đã mặc áo choàng phẫu thuật, đeo khẩu trang trắng khiến ông trông hoàn toàn thay đổi - thậm chí có khi đó không phải là bác sĩ Smith. Đó có thể là một kẻ nào đó hoàn toàn khác, kẻ nào đó không phải là con trai của những người nhập cư nghèo mang họ Smulowitz, kẻ nào đó mà cha ông chẳng biết gì, kẻ nào đó chẳng ai biết, kẻ nào đó chỉ vừa mới lang thang vào phòng mổ và cầm lấy con dao. Trong khoảnh khắc kinh hoàng khi họ chụp mặt nạ ête xuống mặt ông, như thể muốn làm ông ngạt thở, ông có thể thề rằng bác sĩ phẫu thuật, dù hắn là ai, đã thì thầm, "Giờ ta sẽ biến ngươi thành con gái."

# Phần 3

Chỉ vài ngày sau khi ông trở về sau kỳ nghỉ một tháng hạnh phúc như mọi kỳ nghỉ ông từng biết kể từ hồi vẫn đi nghỉ cùng gia đình tại Bờ biển Jersey trước chiến tranh, cảm giác khó ở đã bắt đầu. Trước đó, ông đã dành cả tháng Tám ở một ngôi nhà xiêu vẹo đồ đạc chưa lắp đặt xong trên một con đường cách xa bờ biển trên đảo Martha's Vineyard cùng người phụ nữ mà suốt hai năm qua ông đã cặp kè chung thủy. Đến tận giờ họ vẫn chưa từng dám chuyển sang chung sống cùng nhau hằng ngày, nhưng cuộc sống thử đó là một thành công vui sướng, một tháng tuyệt vời chỉ toàn đi bơi, đi bộ leo núi và tình dục thoải mái suốt cả ngày. Họ bơi qua vịnh tới một dãy cồn cát nơi họ có thể nằm khuất tầm mắt thiên hạ mà làm tình dưới ánh mặt trời rồi thức dậy mặc lại đồ bơi rồi bơi ngược lại bãi biển và bắt được cả mớ trai trên đá cho vào một cái xô đầy nước biển đem về nhà làm bữa tối.

Những khoảnh khắc bất ổn duy nhất là ban đêm, khi họ cùng sóng bước đi trên bờ cát. Biển tối thâm âm ào nặng nề xô bờ cùng bầu trời sao chi chít khiến Phoebe sung sướng vô ngần nhưng lại làm ông sợ hãi. Sự vô biên của trời sao nói với ông không chút mơ hồ rằng định mệnh của ông là phải chết, và cơn thịnh nộ của biển chỉ cách ông vài mét kia - cùng cơn ác mộng về bóng đen tối tăm nhất bên dưới mặt nước cuồng nộ này - khiến ông muốn bỏ chạy khỏi mối đe dọa bị tan thành cát bụi mà về với ngôi nhà chưa trang bị đủ nhưng thoải mái, sáng đèn của họ. Hồi còn anh dũng phục vụ trong hải quân ngay sau Chiến tranh Triều Tiên ông đâu có trải nghiệm sự bao la của biển cả và trời đêm rộng lớn theo cách ấy - hồi đó chúng chưa bao giờ là những tiếng chuông nguyện hồn ai. Ông không thể hiểu nỗi sợ này ở đâu ra và phải dùng hết sức che giấu để Phoebe không nhận thấy. Tại sao ông lại hồ nghi chính đời mình thế này đúng vào lúc đang làm chủ nó hơn bao giờ hết? Tại sao ông lại đi tưởng tượng ra chính mình đứng trên bờ tuyệt diệt khi dòng suy nghĩ bình tĩnh, hiển nhiên vẫn bảo ông rằng cuộc sống sắp tới sẽ còn vững chắc hơn thế này nhiều? Vậy mà đêm đêm điều đó vẫn xảy ra trong lúc họ đi dạo trên bãi biển dưới sao trời. Ông không phải là kẻ thích cường điệu hay bệnh hoạn hay cực đoan ở bất cứ dạng nào, vậy thì tại sao, ở tuổi ấy, ông lại bị ám ảnh bởi những ý nghĩ về cái chết? Ông là người hiểu lý lẽ và tốt bụng, một gã đàn ông thân mật, khiêm nhường, chăm chỉ, hẳn ai biết ông cũng sẽ nhất trí như thế, ngoại trừ, đương nhiên rồi, người vợ đầu và hai đứa con trai mà ông đã bỏ rơi và những người, cũng dễ hiểu thôi, không thể cân bằng phương trình giữa hiểu lý lẽ và tốt bụng với việc cuối cùng ông đã từ bỏ một cuộc hôn nhân thất bại mà đi nơi khác kiếm tìm sự gần gũi với một phụ nữ mình hằng khao khát.

Hầu hết mọi người, ông tin thế, hẳn đều nghĩ về ông như một hình vuông. Hồi còn trẻ, ông cũng nghĩ về *chính mình* như một hình vuông, tuân thủ lệ thường và thiếu tính phiêu lưu đến độ sau khi học xong trường mỹ thuật, thay vì tự thân lao ra đường mà vẽ và sống bằng bất cứ khoản tiền nào kiếm được từ những công việc lặt vặt - một ước mơ bí mật của ông - ông lại là một đứa con quá ngoan, và, để đáp lại nguyện vọng của bố mẹ hơn là của chính mình, ông lấy vợ, sinh con, rồi đi vào ngành quảng cáo để có thu nhập đảm bảo. Ông chưa từng nghĩ gì về mình hơn một người bình thường, một kẻ sẵn sàng đánh đổi tất cả để giữ cho cuộc hôn nhân của mình kéo dài suốt kiếp. Khi lấy vợ, ông cũng mang theo chính cái mong đợi ấy. Nhưng rồi cuộc hôn nhân đã trở thành gian xà lim, và thế là, sau nhiều suy nghĩ đắn đo choán hết đầu óc

khi làm việc cũng như trong những lúc đáng lẽ phải dành để ngủ, ông bắt đầu ngáp ngừng, khổ sở, đào một đường hầm tẩu thoát. Chẳng phải người thường vẫn làm thế sao? Chẳng phải người thường ngày nào cũng làm như thế sao? Trái ngược với những gì vợ ông kể với mọi người, ông chẳng hề thèm khát gì thứ tự do lơ lửng là được làm mọi thứ. Khác xa. Ông thèm khát thứ gì đó ổn định trong lúc vẫn căm ghét những gì mình từng có. Ông cũng không phải loại người thích sống hai mặt. Ông chẳng oán thù gì với những giới hạn hay sự thoải mái khi tuân theo quy tắc. Ông chỉ muốn trút sạch khỏi tâm trí mình những suy nghĩ khó chịu đẻ ra từ nỗi hổ thẹn của cuộc chiến hôn nhân kéo dài. Ông không đòi được làm ngoại lệ. Chỉ là ông dễ bị tổn thương, và dễ bị tấn công và bối rối. Và tin chắc rằng mình, với tư cách một người phạm, có quyền được tha thứ tuyệt đối cho dù đã giáng lên đầu con cái bất cứ mất mát gì chỉ để không phải sống trong cảnh loạn trí nửa đời.

Cuộc chạm trán khủng khiếp với cái kết ư? Mình mới ba mươi tư! Đợi đến khi bảy mươi lăm, ông tự nhủ, thì hẵng lo lắng về cái chết! Từ giờ tới tương lai xa vẫn còn đủ thời gian để khổ sở vì thảm họa sau chót ấy!

Nhưng ngay khi ông và Phoebe trở về Manhattan - nơi họ sống trong những căn hộ cách nhau chừng ba mươi khối nhà - ông lập tức cảm thấy ồm ồm không rõ nguyên do. Ông đánh mất sự ngon miệng và sinh lực, suốt ngày thấy buồn nôn và chẳng thể đi hết một dãy phố mà không thấy lả người và chóng mặt.

Bác sĩ chẳng phát hiện ra điều gì không ổn ở ông. Ông đã bắt đầu điều trị với một nhà phân tâm học từ sau vụ ly dị, và tay phân tâm học ấy quy nguyên nhân tình trạng của ông là vì ghen tị với một giám đốc nghệ thuật đồng nghiệp vừa được thăng tiến làm phó chủ tịch chi nhánh.

"Điều này khiến ông phát bệnh," tay phân tâm phán.

Ông phân trần rằng đồng nghiệp đó là cấp trên của ông đã mười hai năm rồi, đồng thời còn là một đồng nghiệp hào phóng và ông chỉ cầu cho ông ta những gì tốt đẹp, nhưng tay phân tâm cứ ca mãi bài "mối ghen tị ngầm ngấm" là lý do ẩn sau tình trạng khó ở này, và khi hoàn cảnh đã chứng minh là gã đã sai, tay phân tâm có vẻ vẫn thản nhiên trước đánh giá sai lầm của chính gã.

Những tuần tiếp đó ông đi khám bác sĩ thêm vài lần nữa, dù bình thường phải vài năm một lần ông mới ghé chỗ ông ta vì con ốm vặt. Nhưng giờ ông bị sút cân và những cơn buồn nôn đang trở nên trầm trọng. Chưa bao giờ ông cảm thấy mình mục rữa như thế, chưa bao giờ ngay cả sau khi ông bỏ Cecilia và hai đứa con nhỏ rồi cuộc chiến tòa án sau đó về những điều khoản ly hôn và ông được luật sư của Cecilia mô tả trước tòa là "một gã lẳng nhăng nổi tiếng" chỉ vì vụ ngoại tình với Phoebe, copywriter [\[1\]](#) của hãng (đồng thời là người được nguyên đơn đứng trên bục nhân chứng - đau khổ, rã rời, như thể thấy mình đang kiện Marquis de Sade [\[2\]](#) - gọi là "cô thứ ba mươi bảy trong đội quân gái gú của anh ta," trong khi trên thực tế bà đang nhìn quá xa vào tương lai và Phoebe khi ấy mới là số hai), ít nhất thì lần đó cũng có một nguyên nhân dễ nhận ra cho toàn bộ sự khốn khổ ông cảm thấy. Còn lần này, việc ông đã thay đổi trong chớp mắt từ một người dồi dào sức khỏe thành một kẻ mất sức thật không sao lý giải.

Một tháng trôi qua. Ông không thể tập trung vào công việc, ông bỏ thói quen bơi buổi sáng, và tới lúc này ông đã chẳng thể nhìn vào thức ăn. Vào một buổi chiều thứ Sáu ông về sớm bắt

taxi tới chỗ bác sĩ mà không đặt lịch hẹn, thậm chí không gọi điện báo trước. Ông chỉ gọi báo cho mỗi Phoebe.

"Cho tôi nhập viện đi," ông nói với bác sĩ. "Tôi thấy như sắp chết rồi."

Bác sĩ sắp xếp, và khi ông tới bệnh viện thì Phoebe đã ở chỗ quầy thông tin. Đến năm giờ chiều ông đã yên vị trong một phòng, và vừa chớm bảy giờ đã có một người đàn ông trung niên cao ráo, rám nắng, đẹp trai mặc com lê dự tiệc bước vào tự giới thiệu là chuyên gia phẫu thuật mà bác sĩ điều trị của ông đã gọi tới thăm bệnh cho ông. Ông ta đang trên đường tới một sự kiện trang trọng nhưng muốn ghé qua đây trước để khám qua. Những gì ông ta làm chỉ là ấn tay thật mạnh xuống bên phải bụng dưới ông. Không như tay bác sĩ vẫn điều trị cho ông, ông này cứ ấn mãi ấn mãi khiến ông đau thấu trời. Ông cảm thấy chực nôn. Chuyên gia phẫu thuật nói, "Trước đó anh có thấy đau bụng chỗ nào không?" "Không," ông đáp. "Chắc, đau ruột thừa rồi. Anh phải mổ thôi." "Khi nào?"

Ngay bây giờ."

Tiếp đó ông trông thấy ông ta trong phòng mổ. Ông ta đã thay đồ dự tiệc bằng áo choàng phẫu thuật. "Anh vừa cứu tôi khỏi một bữa tiệc chán chết," bác sĩ phẫu thuật nói.

Đến sáng hôm sau ông mới tỉnh. Đứng cuối giường ông, cùng với Phoebe, là cha mẹ ông, trông cả hai đều căng thẳng. Phoebe, người họ chẳng hề biết đến (ngoài những miêu tả bôi xấu của Cecilia, ngoài những tràng diễn văn kết thúc bằng "Con thấy tội nghiệp cho con nha đầu đến sau này - con thật lòng thấy thương hại con dĩ Quaker dê mặt này!"), đã gọi điện báo và họ đã lập tức lái xe tới từ New Jersey, cố hết sức, ông lơ mờ nhận thấy hình như một nam y tá đang gặp rắc rối với việc cắm một loại ống gì đó vào mũi ông, hoặc cũng có thể anh ta chỉ đang cố rút nó ra. Ông thốt ra những từ đầu tiên - "Đừng có làm hỏng việc!" - rồi lại rơi vào vô thức.

Lần kế ông tỉnh lại thì thấy cha mẹ ngồi ghế. Có vẻ như họ cũng bị sự mệt mỏi hành hạ và đè nặng.

Phoebe ngồi nắm tay ông trên chiếc ghế bên giường. Khi ấy bà là một phụ nữ trẻ, xanh xao, sở hữu một vẻ ngoài yếu mềm che giấu sự điềm tĩnh và kiên định. Bà không để lộ chút sợ hãi nào, không cho phép nó lộ ra trong giọng nói.

Phoebe rất hiểu về nỗi thống khổ thể xác vì từng phải chịu những cơn đau đầu mà thời còn đôi mươi bà chẳng coi ra gì nhưng đến ba mươi khi chúng trở nên thường xuyên và liên tục thì bà đã nhận ra đó là chứng đau nửa đầu. Bà may mắn khi vẫn ngủ được khi bị đau, nhưng những lúc mở mắt, những lúc bà tỉnh táo thì nó lại xuất hiện - cơn đau không thể tưởng tượng nổi ở một bên đầu, sức nặng đè xuống trên mặt và quai hàm, và ở tận đáy hốc mắt như có một bàn chân đặt lên cầu mắt bà mà di nát nó. Những cơn đau nửa đầu thường bắt đầu với những vòng xoáy ánh sáng, những đốm sáng chói lòa chuyển động xoắn ốc trước mắt ngay cả khi bà đã nhắm lại, rồi tiếp diễn với sự mất phương hướng, chóng mặt, đau đớn, buồn nôn, và nôn. "Chẳng có gì khổ như việc có mặt trên cõi đời này," về sau bà bảo ông. "Chẳng có gì trong cơ thể em ngoại trừ sự đè nặng trong đầu." Tất cả những gì ông có thể làm giúp bà là đem đồ cái chậu nôn lớn của bà, rửa sạch nó trong phòng tắm, rồi rón rén trở vào phòng ngủ đặt lại bên giường

để bà dùng lúc nào buồn nôn tiếp. Trong lúc cơn đau diễn ra, từ hai mươi tư tới bốn mươi tám tiếng đồng hồ, bà không thể chịu đựng nổi sự hiện diện của ai khác trong căn phòng tối om, cũng như không sao chịu nổi ánh sáng đâu chỉ là một tia mảnh mai nhất lọt vào qua những tấm màn kéo kín. Và thuốc thang chẳng ích gì. Không loại nào có tác dụng. Một khi cơn đau nửa đầu đã tới, không có cách gì ngăn nó lại.

"Chuyện gì đã xảy ra thế?" ông hỏi bà.

"Vỡ ruột thừa. Anh để lâu quá."

"Anh bị nặng đến mức nào?" ông yếu ớt hỏi.

"Viêm phúc mạc nặng. Đang đặt ống dẫn lưu trong vết thương. Họ đang dẫn dịch mủ ra ngoài. Anh đang phải truyền kháng sinh liều cao. Anh sắp vượt qua. Tội mình sắp sửa lại được bơi qua vịnh."

Thật khó mà tin. Nhớ lại hồi năm 1943, cha ông cũng đã suýt chết vì viêm ruột thừa không chẩn đoán kịp gây viêm phúc mạc nặng. Hồi ấy cha bốn mươi hai, có hai con nhỏ và phải nằm viện - tức là nghỉ việc - ba mươi sáu ngày. Khi về nhà, cha ốm yếu đến độ hầu như không leo nổi một lượt cầu thang ngắn dẫn lên căn hộ của họ, và sau khi được mẹ đỡ từ cửa nhà vào phòng ngủ, ông ngồi lên mép giường, ở đó, lần đầu tiên trước mặt con cái, ông sụp xuống mà khóc. Mười một năm trước đó, em trai út của cha, chú Sammy, đưa con cưng trong tám người con của ông bà nội, cũng chết vì viêm ruột thừa cấp khi vừa học năm thứ ba trường đào tạo kỹ sư. Khi ấy chú mới mười chín, mười sáu tuổi chú đã vào đại học, và tham vọng của chú là trở thành kỹ sư hàng không. Trong số tám anh chị em của bố, chỉ có ba học hết được phổ thông, chú Sammy là người đầu tiên và duy nhất vào đại học. Bạn bè chú là những anh chàng giỏi giang nhất vùng, tất cả đều là con cái của dân nhập cư Do Thái, họ thường xuyên qua nhà nhau chơi cờ và đàm đạo nảy lửa về chính trị và triết học. Chú là thủ lĩnh của bọn họ, là thành viên đội điền kinh đồng thời là một thiên tài toán học với một nhân cách tỏa sáng. Sammy chính là cái tên cha cứ gọi mãi trong lúc nức nở ở phòng ngủ ấy, kinh ngạc khi thấy hình ảnh chú ấy trở lại giữa cái gia đình mà giờ ông là người chu cấp.

Chú Sammy, cha ông, và giờ là ông - kẻ thứ ba bị hạ gục bởi một mẩu ruột thừa vỡ gây viêm phúc mạc. Trong hai ngày tiếp đó, ông cứ trôi qua trôi lại giữa hôn mê và tỉnh nên không ai biết số phận của ông sẽ như Sammy hay như cha.

Đến ngày thứ hai thì anh trai ông bay tới từ California, và khi ông mở mắt và trông thấy anh đứng bên giường, một vóc dáng to lớn và dịu dàng, điềm tĩnh, tự tin, vui tươi, ông chợt nghĩ, mình không thể chết khi Howie ở đây. Howie cúi xuống hôn trán ông, và ngay khi ông ấy ngồi xuống ghế cầm tay người em ốm yếu thì thời gian chợt ngưng đọng, hiện tại biến mất, và ông trở về thời thơ ấu, lại là một cậu bé con, được người anh trai tốt bụng ngủ giường kế bên bảo vệ khỏi mọi nỗi lo lắng và sợ hãi.

Howie ở lại bốn ngày. Trong bốn ngày đó thỉnh thoảng ông lại bay tới Manila, Singapour, Kuala Lumpur rồi khứ hồi. Ông khởi đầu sự nghiệp của mình bằng vị trí nhân viên chạy việc văn phòng ở tập đoàn chứng khoán Goldman Sachs nhưng đã nhanh chóng đi từ việc sắp xếp

thư từ tới vị trí sếp trưởng của phòng buôn bán ngoại tệ và bắt đầu tự mình đầu tư chứng khoán. Cuối cùng ông trở thành người đầu cơ tiền tệ cho các tập đoàn đa quốc gia lớn ở nước ngoài - những nhà sản xuất rượu tại Pháp, những nhà sản xuất máy ảnh ở Đức, những nhà sản xuất ô tô ở Nhật, giúp họ biến franc Pháp, mark Đức và yen Nhật thành đô la. Ông thường xuyên đi xa để gặp khách hàng, tiếp tục đầu tư vào những công ty ông thích, và đến tuổi ba mươi hai ông đã kiếm được triệu đô đầu tiên.

Tiến cha mẹ về nhà nghỉ xong, Howie đã cùng với Phoebe ở bên ông qua giai đoạn tồi tệ nhất và chỉ chuẩn bị về hẻm sau khi nhận được lời đảm bảo của bác sĩ rằng đã hết nguy hiểm rồi. Vào buổi sáng cuối cùng, Howie nói khẽ với ông, "Lần này chú kiếm được một cô gái tốt đấy. Đừng làm hỏng chuyện. Đừng để cô ấy đi."

Ông nghĩ, trong niềm vui sướng vì đã được sống sót, liệu đã bao giờ có ai sở hữu một lòng ham sống dễ lây như Howie? Đã bao giờ có một gã em trai may mắn như ông?

Ông nằm viện ba mươi ngày. Các y tá hầu hết là những phụ nữ trẻ dễ chịu, chu đáo, nói giọng Ai Len và dường như luôn có thời gian tán chuyện một lát khi ngó vào kiểm tra ông. Tối nào Phoebe cũng đi làm về thẳng phòng bệnh này để ăn tối với ông; ông không thể hình dung ra sẽ thế nào nếu phải ở trong tình trạng cần chăm sóc và yếu ớt thế này, phải đối mặt với bản chất huyền bí của sự ốm yếu mà không có bà. Anh trai ông không cần phải nhắc ông đừng để bà đi; ông chưa bao giờ quyết tâm giữ ai lại nhiều đến thế.

Bên ngoài cửa sổ ông đã trông thấy lá cây chuyển màu khi từng tuần của tháng Mười qua đi, và khi bác sĩ phẫu thuật đến ông liền nói, "Khi nào tôi mới được ra khỏi đây? Tôi sắp bỏ lỡ mùa thu của năm 1967 rồi đây này." Tay bác sĩ tỉnh queo lắng nghe, và rồi, với một nụ cười, ông ta đáp, "Anh vẫn chưa hiểu sao? Anh đã bỏ lỡ hầu như mọi thứ."

Hai mươi hai năm đã qua. Hai mươi hai năm của sức khỏe tuyệt vời và lòng tự tin vô hạn luôn theo sau sức khỏe - hai mươi hai năm thoát khỏi kẻ thù là ốm đau và tai họa đang đợi sau cánh gà. Như đã tự trấn an khi cùng Phoebe bước dưới trời sao trên đảo Vineyard, khi bảy mươi lăm tuổi ông mới lo về cái chết.

# Phần 4

Trong vòng hơn một tháng trời ngày nào đi làm về ông cũng lái xe tới New Jersey để thăm người cha đang hấp hối, đang yên lành như vậy thì ông suýt chết vì ngạt thở trong hồ bơi Câu lạc bộ Thể thao Thành phố vào một buổi chiều tháng Tám năm 1989. Hôm ấy ông đi Jersey về sớm nửa tiếng và quyết định thư giãn bằng cách bơi nhanh một lát trước khi về nhà. Bình thường sáng sớm nào ông cũng ra câu lạc bộ này bơi một dặm. Ông hầu như không uống rượu, chưa từng hút thuốc, và cân nặng thì vẫn y hệt ngày giải ngũ khỏi hải quân năm 1957 và bắt đầu làm quảng cáo. Ông đã biết từ lần thử thách với võ ruột thừa và viêm phúc mạc rằng mình cũng có bốn phen bị ốm nặng như bất cứ ai, nhưng với ông, người cả đời đã sống với một chế độ lành mạnh, thì việc rút cuộc trở thành một ứng cử viên cho phẫu thuật tim có vẻ lỗ bịch. Đơn giản là không thể như thế.

Vậy mà chưa bơi nổi hết vòng đầu tiên ông đã phải dạt sang một bên thành bể, nán lại đó, không sao thở nổi. Ông leo lên, ngồi thả chân xuống nước, cố bình tĩnh lại. Ông tin chắc rằng cơn ngạt thở ấy là kết quả của việc chứng kiến bệnh tật đã tàn phá cha ông ra sao trong vài ngày qua. Nhưng trên thực tế bệnh tật của chính ông mới là thứ gây tàn phá, và khi ông đến gặp bác sĩ sáng hôm sau, điện tâm đồ có thay đổi lớn, cho thấy có tình trạng tắc nghẽn nghiêm trọng trong động mạch vành. Đến cuối ngày hôm đó ông đã phải nằm trên giường của khu điều trị tắc động mạch vành ở một bệnh viện tại Manhattan, được cho xem một tấm X-quang chụp thành mạch khẳng định rằng nhất định phải phẫu thuật. Mũi ông đã cắm ống ô xy và người ông gắn vô số điện cực nối ông với một cái máy theo dõi tim đặt sau giường. Vấn đề duy nhất còn chưa rõ là nên phẫu thuật ngay hay để sáng hôm sau. Lúc ấy đã tám giờ tối, nên người ta quyết định chờ. Tuy nhiên, một lần khi chợt tỉnh giấc trong đêm, ông phát hiện ra giường mình đang bị vây quanh bởi các bác sĩ và y tá, y như giường của thằng bé giường kế bên hồi ông chín tuổi. Suốt gần ấy năm ông đã sống trong khi thằng bé kia thì chết - và giờ ông chính là thằng bé kia.

Một loại thuốc gì đó đang được truyền vào người ông qua đường tĩnh mạch và ông lờ mờ hiểu rằng họ đang cố đẩy lui một cơn nguy cấp. Ông không nghe ra được họ lầm rầm những gì với nhau và sau đó thì hẳn ông đã ngủ thiếp đi vì điều tiếp theo mà ông biết là trời đã sáng còn ông đang được chuyển sang cái xe cáng sẽ đưa ông vào phòng mổ.

Vợ ông ở thời điểm này - người thứ ba và cũng là cuối cùng - chẳng có điểm gì giống Phoebe, bản thân cô chính là một mối đe dọa trong các tình huống khẩn cấp. Dĩ nhiên vào buổi sáng phẫu thuật cô chẳng hề khơi gợi thêm chút yên tâm nào khi cứ lẻo đẻo bên xe cáng mà thút thít, vịn vịn đôi tay và cuối cùng, không kiềm chế được, gào lên, "Thế còn em thì sao?"

Cô còn trẻ, thiếu kinh nghiệm và có lẽ cô đã định nói gì đó khác, nhưng ông hiểu ý cô là nếu ông không thể sống sót thì cô sẽ ra sao. "Từ từ từng việc một nào," ông bảo cô. "Trước hết để anh chết đã. Rồi anh sẽ đến giúp em chịu đựng việc đó."

Cuộc phẫu thuật kéo dài bảy tiếng liền. Hầu hết khoảng thời gian đó ông bị nối với một cái máy tuần hoàn ngoài cơ thể, nó bơm máu và thở giúp ông. Các bác sĩ làm cho ông năm chỗ ghép nội mạch, và sau cuộc phẫu thuật ông tỉnh dậy với một vết thương dài bên dưới trung

tâm lồng ngực và một vết nứt kéo dài từ háng tới mắt cá chân phải - họ đã lấy mạch máu từ chân ông ra để làm mạch ghép bốn trong năm chỗ đó.

Khi ông tỉnh lại trong phòng hồi sức, dưới cổ họng ông xuất hiện một cái ống khiến ông thấy mình sắp ngạt thở chết mất. Có nó ở đó thật kinh khủng, nhưng ông không có cách nào truyền đạt được điều này tới cô y tá đang nói cho ông biết hiện giờ ông đang ở đâu và chuyện gì đã xảy ra với ông. Rồi ông lại hôn mê, và khi tỉnh lại lần nữa ông vẫn thấy cái ống ở đó làm ông ngạt thở muốn chết, nhưng giờ lại có một y tá giải thích cho ông rằng nó sẽ được tháo ra ngay khi chắc chắn ông có thể tự thở lấy. Phía trên bên cạnh ông là gương mặt của người vợ trẻ, chào mừng ông trở lại với thế giới người sống, nơi ông lại có thể tiếp tục chăm sóc cô.

Khi vào viện ông chỉ để lại cho cô một trách nhiệm duy nhất: trông nom khi người ta đưa ô tô của ông từ chỗ đỗ trên phố về ga ra công cộng cách đó một khối nhà. Hóa ra đó lại là một nhiệm vụ khiến cô quá mệt mỏi đến nỗi không thể thực hiện, và vì thế, như sau này ông mới biết, cô đã phải nhờ một người bạn của ông làm hộ. Ông không hề nhận ra bác sĩ tim của mình lại là một người tinh ý đến thế đối với những chuyện không liên quan tới y học cho tới khi ông ta đến gặp ông lúc ông đã nằm viện được nửa số thời gian chỉ định mà bảo với ông rằng ông không được phép ra viện nếu vợ ông là người chăm sóc ông ở nhà. "Tôi không thích phải nói những điều này, về cơ bản thì vợ anh không phải chuyện của tôi, nhưng tôi đã quan sát khi cô ấy đến thăm. Người phụ nữ này về cơ bản chỉ là một sự vắng mặt chứ không phải một sự hiện diện, và tôi chẳng có lựa chọn nào khác ngoài bảo vệ bệnh nhân của mình."

Đến lúc này thì Howie đã tới. Bay về từ châu Âu - đi công chuyện kết hợp chơi polo. Sau một thời gian dài kể từ lúc rời ngôi trường phổ thông dành cho dân trung lưu ở Elizabeth, nơi ông ấy, cùng với đám trẻ người Ý và Công giáo Ai Len có cha làm việc dưới cảng, từng chơi bóng bầu dục vào mùa thu, nhảy sào vào mùa xuân, đồng thời vẫn gặt hái được những điểm số đủ tốt để giành được học bổng đi học tại Đại học Pennsylvania rồi tiếp đó được nhận vào trường Wharton học cao học quản trị kinh doanh, giờ thì anh trai ông đã ra tới thế giới rộng lớn và biết trượt tuyết, bắn súng thể thao, chơi polo dưới nước cũng như polo trên ngựa, môn nào cũng đạt được tới trình độ điêu luyện. Mặc dù cha đang hấp hối trong một bệnh viện ở New Jersey còn em trai đang nằm viện sau cuộc phẫu thuật tim phanh lồng ngực trong một bệnh viện ở New York - và dù phải dành cả tuần đi lại từ nơi này đến nơi kia - sinh lực của Howie chưa bao giờ giảm sút, và khả năng khiến người khác an tâm của ông cũng vậy. Chính Howie là người đã gợi ý nên thuê hai y tá tư - y tá ban ngày, Maureen Mrazek, và ban đêm, Olive Parrott - để thay thế cho người phụ nữ mà ông đã đến nước phải miêu tả là "một con búp bê tốt độ vô tích sự," rồi còn khẳng định chi trả cho việc đó bất chấp sự phản đối của em trai. "Chú đang lâm trọng bệnh, chú đang phải trải qua địa ngục" Howie nói, "nhưng chỉ cần tôi còn sống, sẽ không ai và không cái gì có thể ngăn cản chú hồi phục. Đây chỉ là một món quà đảm bảo cho tốc độ hồi sức của chú thôi mà." Khi ấy họ đang đứng bên nhau trên lối vào phòng. Howie nói, cánh tay vạm vỡ ôm choàng lấy em trai. Dù đã rất cố gắng làm ra vẻ hân hoan không bận tâm đến mấy thứ tình cảm ủy mị, gương mặt ông - một bản sao đích thực của mặt em trai - vẫn không giấu nổi xúc động khi ông nói, "Mất đi mẹ và cha thì anh đành chịu. Nhưng anh sẽ không thể chịu nổi nếu mất chú." Rồi ông đi ra tìm chiếc limo đang đợi sẵn phía dưới để chở ông tới bệnh viện ở New Jersey.

Olivia Parrot, y tá ca đêm, là một phụ nữ da đen cao lớn mà đáng đi, điệu bộ và kích cỡ đều gọi ông nhớ tới Eleanor Roosevelt. Cha cô sở hữu một trang trại cây bơ ở Jamaica, còn mẹ có một cuốn sổ giấc mơ, sáng nào bà cũng ghi lại những giấc mơ của các con mình. Vào những đêm ông cảm thấy khó ở không ngủ nổi, Olive thường ngồi ghế ở cuối giường và kể cho ông nghe những câu chuyện hồn nhiên về thời thơ ấu của cô tại trang trại bơ ấy. Cô có giọng nói ngọt ngào, nặng thổ âm vùng Caribe, và lời cô vỗ về ông theo cách chưa phụ nữ nào làm được kể từ ngày mẹ ông ngồi trò chuyện cùng ông trong bệnh viện sau cuộc phẫu thuật thoát vị đó. Ngoại trừ vài câu hỏi han Olive, ông chỉ im lặng, hài lòng đến điên lên vì mình vẫn còn sống. Hóa ra người ta đã phát hiện ra đúng lúc: khi ông nhập viện, động mạch vành của ông đã tắc chín mươi đến chín mươi lăm phần trăm và ông đã đứng trên bờ vực của một cơn đau tim khủng khiếp và có lẽ còn dẫn đến tử vong.

Maureen là một cô nàng tóc đỏ đầy đà, tươi cười, có phần thô lỗ, lớn lên trong một gia đình Ai Len-Xlavor ở khu Bronx và có một kiểu nói chuyện lỗ mãng được tiếp thêm nhiên liệu từ sự tự chủ của một cô ả ghê gớm xuất thân từ dân lao động. Sáng sáng khi cô đến, chỉ cần nhìn thấy cô thôi cũng đủ giúp tinh thần ông lên cao, cho dù cơn kiệt sức hậu phẫu lần này trầm trọng đến mức chỉ riêng việc cạo râu - không phải đứng cạo mà là ngồi trên ghế - cũng đủ làm ông mệt đứt hơi, và ông đã phải trở lại giường làm một giấc thật lâu sau lần đầu tiên cô dìu ông tập đi dọc hành lang bệnh viện. Maureen là người đã giúp ông gọi điện cho bác sĩ của cha ông và liên tục thông báo cho ông tình trạng của người cha hấp hối cho tới khi ông đủ sức để tự mình hỏi.

Howie đã nhất quyết rằng sau khi ông xuất viện, Maureen và Olive vẫn sẽ ở lại chăm sóc ông (chi phí lại do Howie trả), ít nhất là trong hai tuần đầu khi về nhà. Chẳng ai hỏi ý kiến vợ ông, khiến cô rất hậm hực với sự thu xếp đó, vì nó ám chỉ rằng cô không có khả năng tự chăm sóc ông. Cô đặc biệt hậm hực với Maureen, kẻ hầu như chẳng buồn che giấu thái độ coi thường vợ của bệnh nhân.

Sau hơn ba tuần ở nhà thì ông bắt đầu thấy đỡ mệt và cảm thấy sẵn sàng đến mức thậm chí còn xem xét tới việc đi làm trở lại. Trước đó thì cứ ăn tối xong là ông phải quay về giường nằm nghỉ cả buổi chỉ vì đã bỏ sức ra ngồi thẳng trên ghế trong lúc ăn, và sáng sáng muốn tắm vòi sen ông phải ngồi ghế nhựa. Ông bắt đầu tập vài bài thể dục nhẹ nhàng cùng Maureen và mỗi ngày đều cố thêm chừng chục mét trong những bài đi bộ buổi chiều cùng cô. Maureen thường kể về bạn trai mình - một tay quay phim truyền hình mà cô định sẽ cưới ngay khi anh ta kiếm được một công việc ổn định - và cuối ngày khi xong việc, cô thích tới quán rượu chỗ ngã tư gần nhà ở Yorkville làm vài ly với đám khách quen cũng là những người sống quanh khu đó. Đạo ấy thời tiết đẹp nên khi họ cùng đi bộ ngoài trời ông đã được nhìn kỹ dáng cô trong chiếc áo polo bó sát, váy ngắn và xăng đan mùa hè. Lúc nào đám đàn ông cũng ngắm soi cô, và nếu có bị kẻ nào hau háu nhìn lộ liễu thì cô cũng chẳng phản đối việc vờ bực mình mà lườm lại lâu hơn hẳn. Sự hiện diện của cô bên cạnh khiến ông thấy khỏe lên từng ngày, và thường thì khi về nhà sau mỗi lần đi bộ ông sẽ thấy hài lòng với tất cả, ngoại trừ, đương nhiên rồi, cô vợ ghen tuông, kẻ thường sập cửa đánh sầm và đôi khi còn ầm ầm lao ra khỏi căn hộ chỉ một lát sau khi ông cùng Maureen đi vào.

Ông không phải là bệnh nhân đầu tiên phải lòng y tá chăm mình. Thậm chí ông còn chẳng phải bệnh nhân đầu tiên phải lòng Maureen. Trong những năm qua cô đã có hơn một chuyện tình, vài trong số đó là với những gã còn kém xa ông, nhưng cũng như ông, đã hoàn toàn hồi phục nhờ sức sống của Maureen. Cô có năng khiếu làm cho người ốm tràn đầy hy vọng, nhiều hy vọng đến nỗi thay vì nhắm mắt lại mà cố quên đi thế giới, họ lại mở to mắt ra để nhìn ngắm sự hiện diện căng tràn nhựa sống của cô, và được hồi xuân.

Maureen đi cùng ông tới New Jersey khi cha ông mất. Ông vẫn chưa được phép lái xe, vậy là cô xung phong lái hộ đồng thời giúp Howie thu xếp với Nhà tang lễ Kreitzer ở Union. Trong mười năm cuối đời, cha ông trở nên mộ đạo và, sau khi nghỉ hưu và góa vợ, bắt đầu thói quen đến giáo đường Do Thái ít nhất một lần mỗi ngày. Từ rất lâu trước trận ốm cuối cùng, cha đã yêu cầu vị giáo sĩ Do Thái tiến hành tang lễ cho ông hoàn toàn bằng tiếng Hebrew, cứ như thể tiếng Hebrew là sự đáp trả mạnh mẽ nhất có thể tương xứng với cái chết. Còn với đứa con út của cha, ngôn ngữ chẳng có ý nghĩa gì cả. Cùng với Howie, ông đã chính thức thôi nói về Do Thái giáo từ mười ba tuổi - vào ngày Chủ nhật ngay tiếp sau lễ trưởng thành hôm thứ Bảy của ông - và kể từ đó chưa từng đặt chân vào một giáo đường Do Thái. Thậm chí ông còn để trống chỗ điền mục tôn giáo trong mẫu đơn nhập viện, sợ rằng cái từ "Do Thái" đó sẽ bắt chột ghé thăm phòng ông từ miệng một giáo sĩ đến nói chuyện theo đúng kiểu các giáo sĩ. Từ khi còn rất trẻ ông đã nhận ra tôn giáo chỉ là một trò lừa, và ông thấy tất cả các tôn giáo đều gớm ghiếc, coi những nghi lễ vớ vẩn sặc mùi mê tín là vô nghĩa, ấu trĩ, không thể chịu nổi sự ngây thơ toàn tập ấy - kiểu nói chuyện chỉ dành cho trẻ con, sự ngay thẳng đạo đức và dám con chiên, những tín đồ nhiệt huyết. Với ông thì đừng có nói mấy lời bịp bợm về cái chết và về Chúa trời hay những tưởng tượng lỗi thời về thiên đường thiên đيع. Chỉ có thân thể của chúng ta, được sinh ra để sống và chết-theo những điều kiện mà những thân thể đã sống và chết trước chúng ta quy định. Nếu bảo ông đã định vị được vai trò triết học cho bản thân mình, thì chính là điều đó - ông đã nhận ra nó từ rất sớm, một cách bản năng và dù nó có giản lược đến đâu, thì toàn bộ cũng chỉ có thế. Nếu có bao giờ ông viết tự truyện, ông sẽ gọi nó là *Cuộc sống và Cái chết của một Thân thể Giống đực*. Nhưng sau khi nghỉ hưu ông lại trở thành một họa sĩ chứ chẳng phải nhà văn, vậy nên ông đành đặt cái tên đó cho một loạt tác phẩm trừu tượng của mình.

Nhưng chuyện ông tin hay không tin gì chẳng có gì quan trọng vào cái ngày người ta chôn cha xuống bên mẹ trong cái nghĩa trang tiêu điều sát kề đường cao tốc Jersey Turnpike ấy.

# Phần 5

Bên trên cánh cổng qua đó gia đình ông tiến vào phần diện tích ban đầu từ thế kỷ mười chín của cái nghĩa trang cũ kỹ ấy là một vòm cong ghi tên tổ chức xây nó bằng tiếng Hebrew; mỗi đầu của vòm cong khắc một ngôi sao sáu cánh. Hai cột đá của cánh cổng đã vỡ tàn vỡ tẽ và nhiều mảnh đã văng ra xa vì thời gian và vì nạn phá hoại của công - và một cánh cổng sắt uốn gấn ổ khóa gỉ sét vốn chẳng cần đẩy cũng vào được nhưng cũng đã sắp long khỏi bản lề và sẽ ngập xuống đất đến vài phần. Bia đá của đài tưởng niệm mà họ đi qua - khắc những câu kinh Do Thái, và tên của các gia đình được chôn cất trong nghĩa trang - cũng chẳng chống cự khá hơn với hàng thập kỷ thời gian. Phía trước những dãy bia mộ thẳng đứng san sát là một lăng nhỏ xây bằng gạch trên khu cũ, có cửa ra vào bằng thép uốn hoa văn và hai ô vốn trước đây là cửa sổ - chúng, vào thời những chủ nhân của lăng được mai táng, hẳn đã từng được tô điểm bằng nghệ thuật kính màu - giờ đã bị bít kín bằng những khối bê tông để ngăn đám người vô ý thức phá hoại thêm nữa, vậy nên giờ tòa nhà nhỏ vuông vắn này trông giống một nhà kho bỏ hoang hay một toa lét ngoài trời không còn ai sử dụng hơn là chốn an nghỉ vĩnh hằng xứng tầm với tiếng tăm, sự giàu có, hay địa vị của đám người đã xây dựng nó làm nơi trú ẩn cho những người thân đã chết. Chậm chạp, họ đi qua giữa những tấm bia mộ thẳng đứng chủ yếu khắc tiếng Hebrew nhưng trong vài trường hợp cũng ghi những lời tiếng Yiddish, tiếng Nga, tiếng Đức, thậm chí là tiếng Hung. Hầu hết đều khắc thêm Ngôi sao David, nhưng số còn lại thì được trang trí trau chuốt hơn, với một đôi tay ban phúc, một chiếc bình hay chúc đài năm nhánh.

[3] Trên mộ của trẻ con và trẻ sơ sinh - có nhiều hơn vài năm, dù vẫn không bằng số mộ phụ nữ chết khi mới đôi mươi, nhiều khả năng là trong khi sinh nở - thỉnh thoảng họ bắt gặp một tấm bia khắc hình con cừu phía trên hay trang trí bằng hình khắc thân cây bị cưa đi phần ngọn, và khi họ đi hàng một qua những lối mòn quanh co, gập ghềnh, nhỏ hẹp của khu nghĩa trang cũ tiến đến khoảnh đất ở phía Bắc, mới hơn, trông như công viên, nơi tang lễ sẽ được tiến hành, họ có thể - chỉ nội trong cái nghĩa trang Do Thái nhỏ, do người cha đầy ý thức cộng đồng của ông, chủ tiệm trang sức được mướn mộ nhất thị trấn Elizabeth, thành lập trên một cánh đồng trên biên giới giữa Elizabeth và Newark này thôi - đếm được bao nhiêu sinh mạng đã lụi tàn trong làn dịch cúm giết chết mười triệu người hồi năm 1918.

Một chín mười tám: chỉ là một năm khủng khiếp giữa vô thiên lủng kinh hoàng niên rắc đầy xác chết sẽ mãi mãi phủ bóng đen lên ký ức về thế kỷ hai mươi.

Ông đứng bên mộ giữa chừng hai chục họ hàng, bên phải là con gái nắm chặt tay ông, đằng sau là hai con trai còn vợ ông ở bên cạnh con gái. Chỉ đơn thuần đứng đó hấp thụ cú sốc là cái chết của một người cha thôi cũng đã là một thử thách đáng kinh ngạc với sức khỏe ông - may mà Howie đã có mặt bên trái ông, một tay choàng chắc ngang eo ông, để ngăn chặn bất cứ gì không hay xảy ra.

Việc mẹ hoặc cha ông sẽ trở thành gì chưa bao giờ khó đoán. Họ là một người mẹ và một người cha từ bản chất. Họ bị nhiễm rất ít ham muốn khác. Nhưng khoảng không vốn bị hình hài họ chiếm hữu giờ đã bị bỏ trống. Sự vững vàng suốt đời của họ đã không còn. Quan tài cha ông, một cái hòm gỗ thông đơn sơ, được đeo dây hạ xuống hố huyệt đào sẵn bên cạnh quan tài của mẹ. Nơi đó người chết này sẽ ở lại lâu hơn số giờ ông dành để bán trang sức, bản thân số giờ bán trang sức ấy vốn đã không phải là con số có thể khinh thường. Cha ông mở tiệm riêng năm 1933, đúng năm ông ra đời, đến 1974 mới nghỉ, tới lúc đó cha ông đã bán nhẫn cưới và nhẫn đính hôn cho ba thế hệ ở Elizabeth. Bằng cách nào ông tập trung đủ vốn vào năm 1933, bằng cách nào ông kiếm được khách hàng vào năm 1933, đó luôn là một bí ẩn với các con ông. Nhưng là vì chúng mà ông bỏ việc đứng quầy đồng hồ ở tiệm Abelson's Irvington trên đại lộ

Springfield, nơi ông đã làm việc từ chín giờ sáng tới chín giờ tối các ngày thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu, chín giờ sáng đến năm giờ chiều thứ Ba và thứ Năm, để mở cửa tiệm nhỏ của chính mình, bốn mét rưỡi chiều rộng, ngay từ ngày đầu tiên cửa sổ đã đề hàng chữ đen cỡ lớn, "Kim cương - Trang sức - Đồng hồ" và bên dưới là dòng chữ nhỏ hơn, "Sửa chữa đồng hồ đeo tay, đồng hồ để bàn và trang sức cao cấp." Ở tuổi ba mươi hai rốt cuộc ông cũng bắt đầu làm việc sáu, bảy mươi giờ một tuần cho gia đình mình thay vì cho tiệm của Moe Abelson. Để thu hút lực lượng lao động đông đúc của Elizabeth đồng thời tránh làm cho mười nghìn người Công giáo thường xuyên đi lễ nhà thờ của thành phố cảng này cảm thấy xa lạ hoặc e ngại cái tên Do Thái của ông, ông gia hạn trả góp không giới hạn - chỉ cần đảm bảo họ trả trước ít nhất ba mươi hoặc bốn mươi phần trăm. Ông không bao giờ kiểm tra các khoản trả góp của họ; miễn là ông có thể bù đắp được chi phí thì họ có thể trở lại tiệm sau, trả vài đô la mỗi tuần, thậm chí không trả ông cũng chẳng để tâm. Ông không hề phá sản vì nợ trả góp, và lòng tín nhiệm của khách hàng mà sự linh hoạt ấy mang lại còn có giá trị cao hơn thế. Ông trang trí cửa tiệm cho hấp dẫn hơn bằng vài món đồ bạc - bộ đồ trà, khay, đĩa, lò hâm, giá đỡ nến mà ông vẫn bán siêu rẻ - và vào mùa Giáng sinh nào ông cũng vẽ cảnh tuyết và Ông già Noel trên cửa sổ, nhưng ý tưởng thiên tài nhất là đặt tên cho cửa tiệm không phải bằng tên mình mà là Tiệm Trang sức Người Phàm, trên khắp hạt Union, vô số người phàm, những khách hàng trung thành của ông đã biết tới cái tên đó cho đến tận khi ông nhượng lại cửa tiệm cho một nhà bán buôn rồi nghỉ hưu ở tuổi bảy mươi ba. "Mua kim cương với người lao động là chuyện lớn lắm," ông bảo các con, "viên nhỏ mấy cũng vậy. Người vợ có thể đeo nó cho đẹp mà cũng có thể đeo vì đẳng cấp. Và khi cô ấy làm thế, anh chàng đó sẽ không chỉ là thợ sửa nước nữa - anh ta là người đàn ông có vợ đeo kim cương. Vợ anh ta sở hữu một thứ bất khả hủy hoại. Vì ngoài vẻ đẹp, đẳng cấp và giá trị, kim cương còn bất khả hủy hoại. Một mẫu bất khả hủy hoại của trần gian, vậy mà một kẻ chỉ là người phàm tục lại đang đeo nó trên tay!"

Lý do ông bỏ tiệm Abelson vào lúc vẫn đủ may mắn được trả lương trong suốt thời kỳ suy giảm và sau đó là những năm tồi tệ nhất của kỳ Đại Suy thoái, lý do ông dám mở tiệm riêng vào quãng thời gian tồi tệ như vậy, rất đơn giản: với tất cả những ai hỏi ông, thậm chí với cả những người chẳng hỏi, ông đều giải thích: "Tôi phải có cái gì để lại cho hai con trai."

# Phần 6

Ở một bên mộ có hai chiếc xẻng dựng thẳng đứng, lưỡi xẻng ngấp trong một đồng đất lớn. Ông cứ nghĩ đấy là do phu đào huyệt để lại để chốc nữa lấp huyệt. Ông những tưởng, cũng như trong tang lễ của mẹ ông, những người tới dự tang lễ chỉ cần bước tới hố huyệt ném một nắm đất lên nắp quan tài, rồi tất cả sẽ ra đi hết ra xe hơi riêng. Nhưng cha ông đã yêu cầu giáo sĩ làm theo nghi lễ Do Thái truyền thống, theo đó việc chôn cất sẽ phải do tang quyến chứ không phải nhân viên nghĩa trang hay ai khác tiến hành. Vị giáo sĩ đã báo trước với Howie, nhưng Howie, chẳng hiểu sao, lại không nói với ông, nên ông rất ngạc nhiên khi anh trai mình, bảnh bao trong bộ com lê đen, sơ mi trắng, cà vạt đen và giày da đen bóng, bước tới nhấc một chiếc xẻng lên khỏi đồng đất rồi bắt đầu xúc đầy một xẻng. Rồi Howie trịnh trọng tiến đến đầu huyệt mộ, đứng đó một lúc trầm tư, rồi, hơi nghiêng chúc xẻng xuống một chút, để đất từ từ chảy xuống. Khi đáp xuống nắp quan tài gỗ, nó tạo ra một âm thanh độc nhất vô nhị cứ thể ngấm vào sự hiện tồn của con người.

Howie trở lại sục lưỡi xẻng vào đồng đất hình kim tự tháp cao chừng mét hai đang sập xuống. Họ sắp phải lấp hết số đất ấy trở lại huyệt cho đến khi mộ của cha bằng với nền nghĩa trang ở đoạn đó.

Phải mất gần một tiếng đồng hồ mới xúc hết chỗ đất. Trong số bạn bè và họ hàng, những người già không cầm nổi xẻng được đỡ tới ném những nắm đất lên quan tài, và bản thân ông cũng chẳng làm được gì khá hơn thế, nên công việc nặng nhọc kia được chất lên vai Howie, bốn đứa con trai của Howie và hai con trai ông - sáu đứa bọn chúng đều là đám thanh niên tráng kiện đang ở độ tuổi cuối hai đầu ba. Chia thành hai đội họ đứng bên đồng đất và, từng xẻng một, chuyển nó trở lại huyệt đào. Vài phút một lần hai đội đổi phiên, và có một lúc ông thấy dường như nhiệm vụ này sẽ không bao giờ kết thúc, dường như họ sẽ mãi mãi ở đó mà chôn cha ông. Điều tốt nhất ông có thể làm để cùng đắm mình vào sự trần trụi nghiệt ngã của lễ mai táng này như anh trai, các con và các cháu mình là đứng bên rìa huyệt nhìn đất bọc lấy quan tài. Ông nhìn cho tới khi đất dâng tới phần nắp, chỉ được trang trí bằng hình khắc Ngôi sao David, và rồi ông lại nhìn cho tới khi đất bắt đầu phủ kín nắp quan tài. Cha ông sắp phải nằm đó, không chỉ trong quan tài mà còn dưới sức nặng của ngàn ấy đất, và ngay lập tức ông hình dung thấy miệng cha như thể không hề có quan tài ở đó, như thể lượng đất họ trút xuống huyệt đang lắng thẳng xuống cha ông, ngấp đầy miệng, làm mù mắt, lấp nghẽn mũi, bít chặt tai. Ông muốn bảo họ hãy thôi đi, yêu cầu họ đừng trút thêm đất xuống nữa - ông không muốn họ lấp mặt cha và bịt hết mọi ngã đường cha hấp thụ cuộc sống. Tôi đã luôn nhìn ngấm khuôn mặt ấy từ thuở lọt lòng - đừng tiếp tục chôn khuôn mặt cha tôi nữa! Nhưng họ đã tìm thấy nhịp điệu của mình, đám thanh niên tráng kiện đó, và họ sẽ không thể dừng mà cũng chẳng muốn dừng, ngay cả khi ông có lao mình xuống huyệt mà đòi ngưng màn chôn lấp này lại cũng không. Giờ thì chẳng gì ngăn được họ nữa. Họ sẽ cứ tiếp tục làm, sẽ chôn luôn cả ông nếu như thế là cần thiết để hoàn thành việc chôn cất ấy. Howie đã đứng tránh sang một bên, trán rịn đầy mồ hôi, nhìn sáu anh em họ ấy hùng hục hoàn thành công việc, mục tiêu trước mắt được xúc đi với một nhịp điệu kinh hoàng, không phải như những tang quyến đang mang gánh nặng của một nghi lễ cổ xưa mà như đám công nhân kiểu cũ đang bỏ nhiên liệu vào lò.

Lúc này nhiều người già đã sụt sịt và ôm lấy nhau. Kim tự tháp đất đã biến mất. Giáo sĩ bước lên phía trước và, sau khi cẩn thận xoa phẳng mặt đất bằng đôi bàn tay để trần, dùng một cái que vạch lại các chiều của huyệt mộ lên nền đất tơi.

Ông đứng xem cha mình biến mất khỏi thế giới từng xăng ti mét một. Ông buộc phải theo dõi nó đến tận phút cuối. Cứ như thể một cái chết thứ hai, kinh khủng chẳng kém gì cái chết trước đó. Bất chợt ông nhớ tới cơn lũ cảm xúc từng nhận chìm ông sâu, sâu mãi xuống tầng tầng lớp lớp đời mình hồi ở bệnh viện, cha ông lần đầu tiên bế từng đứa cháu mới sinh, trầm tư ngắm Randy, rồi Lonny, rồi cuối cùng là Nancy với cùng một ánh mắt đầy biểu cảm của niềm hân hoan bối rối.

"Ba không sao chứ?" Nancy hỏi, choàng tay quanh người ông trong lúc ông đứng đó nhìn những đường thẳng chiếc que vẽ nên trên đất, trông như vẽ cho một trò chơi trẻ con. Ông siết chặt thêm vòng tay cô quanh mình và nói, "Ừ, ba ổn." Rồi ông thở hắt ra, thậm chí còn bật cười nói tiếp, "Giờ thì ba đã biết bị chôn tước là thế nào. Đến tận hôm nay mới biết." "Cả đời con chưa từng trông thấy điều gì lạnh người đến vậy," Nancy đáp. "Ba cũng thế," ông bảo cô. "Đến lúc phải đi rồi," ông nói, và rồi ông cùng với Nancy và Howie đi đầu, đoàn người đưa đám chậm chậm rời khỏi đó dù ông vẫn chưa thể nào xóa sạch khỏi mình mọi điều vừa trông thấy và nghĩ suy, tâm trí cứ xoay vòng trở lại ngay cả khi đôi chân đã bước xa.

Vì trong lúc lấp mộ trời gió suốt, ông có thể cảm nhận rõ vị của bụi đất bám đầy vòm miệng mình sau khi họ rời nghĩa trang về New York.

Trong vòng chín năm tiếp theo, sức khỏe của ông vẫn ổn định. Hai lần bao bệnh đánh lén ông, nhưng không như thằng bé giường bên hồi ấy, ông đều thoát nạn. Thế rồi đến 1998, khi huyết áp ông bắt đầu tăng cao và chuyển liệu pháp thuốc cũng chẳng tác dụng, các bác sĩ khẳng định ông bị hẹp tắc động mạch thận, may là đến thời điểm đó nó mới chỉ gây ra một chút suy giảm chức năng thận, vậy là ông lại nhập viện để phẫu thuật. Và một lần nữa vận may vẫn ở lại với ông, vấn đề được giải quyết bằng cách đưa stent [\[4\]](#) qua một ống thông cắm ngược lên từ một lỗ chích trên động mạch đùi rồi qua động mạch chủ đến chỗ tắc.

Hồi ấy ông sáu mươi lăm, vừa mới nghỉ hưu, và đã ly dị đến lần thứ ba. Ông bắt đầu được hưởng chương trình Medicare [\[5\]](#), bắt đầu nhận bảo hiểm xã hội, và cùng luật sư bàn thảo chuyện viết di chúc. Viết di chúc - đó là phần tốt đẹp nhất của việc già đi và có lẽ của cả việc chết đi nữa, cứ bắt đầu viết và, khi thời gian trôi đi, cập nhật và sửa chữa và cẩn thận xem xét tới việc viết lại di chúc mới. Vài năm sau ông thực hiện lời hứa với bản thân ngay sau vụ tấn công ngày 11 tháng Chín là chuyển từ Manhattan tới làng hưu trí ở Starfish Beach trên Bờ biển Jersey, chỉ cách vài dặm là tới thị trấn duyên hải, nơi trước đây hề nào gia đình ông cũng dành một thời gian tới nghỉ. Starfish Beach là một khu dân cư gồm toàn những ngôi nhà condo ốp gỗ một tầng quyến rũ, cửa sổ lớn và cửa kính trượt dẫn tới một hiên rộng ngoài trời phía sau; tám unit gắn kết thành một tổ hợp bán nguyệt bao lấy một vườn cây bụi và một cái hồ nhỏ. Những công trình dành cho năm trăm cư dân cao tuổi sống trong những tổ hợp đó, trải rộng trên một trăm mẫu, bao gồm sân tennis, một khu vườn công cộng rộng rãi kèm nhà ươm cây, trung tâm thể dục, bưu điện, trung tâm giao lưu cộng đồng có phòng họp, xưởng gốm, xưởng mộc, một thư viện nhỏ, một phòng vi tính ba máy và một máy in chung, và một phòng lớn để diễn thuyết, biểu diễn và chiếu ảnh của những đôi mới đi nước ngoài về. Ở giữa làng còn có một bể bơi nước nóng ngoài trời, kích thước chuẩn Olympic, và một bể bơi nhỏ hơn trong nhà, một nhà hàng lịch sự nho nhỏ cũng có mặt trong trung tâm mua sắm khiêm tốn nằm cuối con phố chính của làng, cùng với hiệu sách, tiệm rượu, cửa hàng quà tặng, ngân hàng, một văn phòng môi giới, một văn phòng bất động sản, văn phòng luật sư và một trạm xăng. Siêu thị thì chỉ lái xe

một đoạn ngắn là tới, và nếu còn đi được, như hầu hết những người sống ở đây, bạn có thể dễ dàng đi nửa dặm tới lối đi lót ván bên bờ biển rồi xuống bãi biển bao la, ở đó luôn có nhân viên cứu hộ trực suốt mùa hè.

Ngay khi chuyển đến làng này, ông đã biến phòng khách đầy nắng của ngôi nhà ba phòng thành một xưởng nghệ thuật, rồi, sau những cuộc đi bộ bốn giờ bốn dặm trên lối đi lót ván hằng ngày, ông dành hầu hết thời gian để hoàn thành khát vọng đã có từ lâu bằng cách sung sướng vẽ miệt mài, lệ thường này đã sản sinh ra toàn bộ niềm phấn khích ông hằng trông đợi. Ông chẳng nhớ những gì ở New York ngoại trừ Nancy, sự hiện diện của cô chưa bao giờ thôi làm ông hạnh phúc, nhưng cô, giờ đã là bà mẹ ly hôn của hai đứa con bốn tuổi, chẳng còn được bảo vệ theo cách ông hy vọng nữa. Sau cuộc ly hôn của con gái, ông và Phoebe - cũng bị lo âu đè nặng như ông - đã vào cuộc và, riêng rẽ, dành nhiều thời gian cho Nancy hơn cái thời cô đi học đại học xa tận Trung Tây. Ở đó cô đã gặp tay thi sĩ mà sau này cô lấy làm chồng, một sinh viên cao học ra mặt coi khinh văn hóa thị trường mà cụ thể là dòng tác phẩm của cha cô, gã, ngay khi phát hiện ra mình không còn đơn giản là một nửa của cặp tình nhân thâm trầm, sâu sắc chỉ thích đọc sách và nghe nhạc thính phòng trong thời gian rảnh mà đã trở thành bố của một cặp sinh đôi, đã cảm thấy cái lộn xộn của việc tồn tại bên trong một gia đình trẻ thật không sao chịu đựng - đặc biệt đối với một kẻ cần trật tự và yên tĩnh để hoàn thành tiểu thuyết đầu tay - và đổ lỗi cho Nancy vì đã cố sứt thêm cho thảm họa vĩ đại này bằng chuỗi than vãn không dứt về chuyện gã ngăn cản bản năng làm mẹ của cô. Sau giờ làm việc và vào dịp cuối tuần càng ngày gã càng vắng mặt nhiều hơn khỏi sự hỗn loạn trong căn hộ tí hon của họ, sự hỗn loạn gây ra bởi đủ thứ nhu cầu của hai sinh vật tí hon ầm ỉ kêu gào, mà chính gã đã điên rồ để ra, và khi cuối cùng gã cũng vùng dậy và từ bỏ cả nghề xuất bản lẫn việc làm cha, gã phải chuồn một mạch về Minnesota cho tinh thần trở lại, phục hồi khả năng suy nghĩ và trốn được càng nhiều trách nhiệm càng tốt.

Nếu mọi chuyện theo đúng ý cha cô thì Nancy và cặp sinh đôi cũng đã chuyển tới bờ biển này. Cô có thể đi tàu điện Jersey đi làm hằng ngày, để con cho vú em hay người trông trẻ trông với giá chỉ bằng một nửa dịch vụ ở New York, và ông có thể ở gần để thăm nom đưa đón tụi nhỏ đi học, ngắm chúng chơi trên bãi biển, vân vân. Hai cha con có thể ăn tối cùng nhau mỗi tuần một lần rồi cuối tuần lại cùng nhau đi dạo. Cả nhà sẽ được sống bên bờ biển tươi đẹp này và tránh xa mối đe dọa từ Al Qaeda. Ông từng bảo Nancy ngay hôm sau ngày tòa tháp đôi bị phá hủy, "Tận đáy lòng ba muốn được tồn tại. Ba phải đi khỏi đây thôi." Vậy là chỉ mười tuần sau, vào hạ tuần tháng Mười một, ông đi thật. Cái ý nghĩ rằng con gái và cháu ngoại ông đang trở thành nạn nhân của một cuộc khủng bố hành hạ ông suốt những tháng đầu ở bờ biển, mặc dù ngay khi tới đó, ông đã chẳng còn lo lắng cho bản thân và giữ bỏ được cái cảm giác mình đang hứng lấy hiểm nguy vô nghĩa, vốn đeo đẳng ông mỗi ngày, kể từ khi thảm họa đó lật nhào cảm giác của mọi người về an ninh và mang tới sự bất an không thể xóa nhòa trong cuộc sống hằng ngày của họ. Như thường lệ - và như hầu hết mọi người khác - ông không muốn cái chết đến sớm hơn phút nào so với số trời quy định.

# Phần 7

Năm sau lần đặt stent thận, ông lại phải phẫu thuật vì một tắc nghẽn lớn nữa, lần này là ở động mạch cảnh trái, một trong hai động mạch kéo từ động mạch chủ tới đáy sọ mà nếu tắc bên trái có thể gây ra đột quy liệt nửa người hoặc thậm chí là cái chết bất đắc kỳ tử. Bác sĩ sẽ rạch một đường ở cổ rồi kẹp cái động mạch cung cấp máu cho não ấy lại để ngăn không cho máu chảy qua. Rồi nó được rạch banh ra để họ nạo hết và loại bỏ mảng xơ vữa là nguyên nhân gây ra tắc nghẽn. Sẽ đỡ lắm nếu ông không phải đối mặt với phẫu thuật tinh vi này một mình, nhưng Nancy thì luôn ngập đầu trong công việc và áp lực của việc chăm sóc hai con nhỏ một thân một mình, mà vào thời điểm đó cuộc đời ông cũng chẳng còn ai có thể nhờ giúp nữa. Ông không muốn phá bình lịch làm việc điên cuồng của anh trai bằng cách báo cho ông ấy biết vụ mổ xẻ này và làm ông ấy lo lắng, nhất là khi chỉ sáng hôm sau thôi ông đã được ra viện, nếu không có vấn đề nào nảy sinh. Đây đâu phải cuộc khủng hoảng viêm phúc mạc hay phẫu thuật tạo mạch ở những năm chỗ - nhìn theo quan điểm y học thì việc này đâu có gì mà âm ỉ, hoặc ông đã được vị bác sĩ phẫu thuật dịu dàng thuyết phục tin như thế, ông ta còn trấn an ông rằng loại bỏ nội mạc động mạch chỉ là một phẫu thuật hệ mạch thông thường và chỉ trong một hai ngày thôi ông sẽ được trở về với giá vẽ.

Thế là sáng sớm ông đã lái xe một mình tới bệnh viện và đợi trong buồng đệm vách kính trên tầng phẫu thuật cùng mười mười hai người đàn ông mặc áo bệnh nhân được xếp mổ trong lượt đầu tiên ngày hôm ấy. Buồng này có lẽ sẽ luôn đông như vậy đến tận bốn giờ chiều. Trong vòng đôi ba tuần, hầu hết bệnh nhân sẽ ra bằng cửa đầu kia, nhưng, cũng có khi một số không qua được; dù sao thì họ vẫn đọc báo buổi sáng cho qua thời giờ, và mỗi lần có người được gọi tên đứng dậy vào phòng phẫu thuật anh ta sẽ đưa những trang mục báo mình đang cầm cho bất cứ ai hỏi mượn. Nhìn sự tĩnh lặng trong căn phòng này bạn có thể nghĩ họ ra ngoài để cắt tóc, chứ không phải, ừm, để người ta mở banh động mạch dẫn máu lên não của mình.

Có một lúc, anh chàng bên cạnh ông, kẻ vừa cho ông mượn trang thể thao trước đó, bắt đầu khe khẽ nói chuyện với ông. Có lẽ gã chỉ cuối bốn đầu năm mươi, nhưng da dẻ đã nhều nhão còn giọng nói chẳng có chút gì mạnh mẽ hay vững vàng. "Đầu tiên thì mẹ tôi qua đời," gã nói, "sáu tháng sau thì ông cụ cũng đi, tám tháng nữa đến lượt bà chị duy nhất, một năm sau cuộc hôn nhân của tôi tan tành và vợ tôi cuốn sạch mọi thứ tôi từng có. Và đó là khi tôi bắt đầu tưởng tượng ra có người đến nói với mình, 'Giờ bọn ta sẽ chặt tay phải của mi nữa nhé. Mi nghĩ mi có chịu nổi không?' Thế là họ chặt phăng tay phải tôi. Sau đó họ trở lại và nói, 'Giờ bọn ta chặt nốt tay trái mi nhé'. Rồi khi làm xong họ trở lại và bảo, 'Muốn thôi chưa? Đã đủ chưa? Hay bọn ta sẽ tiếp tục và bắt đầu với chân mi?' Và từ đó tôi lúc nào cũng nghĩ: Khi nào, khi nào thì mình thôi? Khi nào thì mình sẽ bật ga rồi chui đầu vào lò? Khi nào đủ là đủ? Mười năm trời tôi đã sống với nỗi đau thương của mình như thế đấy. Mất mười năm. Và giờ khi cuối cùng nó đã kết thúc thì thứ khốn kiếp này lại bắt đầu."

Khi đến lượt ông, gã liền nhào người sang lấy lại trang thể thao, còn ông được một y tá dắt sang phòng mổ. Ở trong đó nửa chục người đang tắt bật đi đi lại lại dưới ánh đèn chói sáng để chuẩn bị cho cuộc phẫu thuật. Ông không thể xác định đâu là bác sĩ phẫu thuật trong đám

người ấy. Hắn sẽ yên tâm lắm nếu ông được nhìn thấy gương mặt thân thiện của vị bác sĩ, nhưng hoặc là ông ta vẫn chưa vào phòng mổ, hoặc ông ta đang nghỉ trong một góc nào đó mà người khác khó thấy. Vài bác sĩ trẻ hơn đã đeo xong khẩu trang phẫu thuật, và nhìn họ ông nghĩ tới bọn khủng bố. Một trong số họ hỏi ông muốn gây mê hay gây tê tại chỗ theo đúng kiểu bồi bàn hỏi ông thích vang trắng hay đỏ. Ông bối rối - sao lại phải quyết định chuyện gây tê hay gây mê muộn thế này? "Tôi không biết nữa. Thế nào thì hơn?" ông nói. "với chúng tôi thì gây tê tại chỗ sẽ hơn. Chúng tôi có thể giám sát chức năng não tốt hơn nếu bệnh nhân vẫn còn tỉnh." "Anh đang bảo tôi là như thế sẽ an toàn hơn đấy à? Ý anh là vậy phải không? Thế thì tôi sẽ gây tê."

Đó là một sai lầm, một sai lầm hầu như không chịu đựng nổi, vì cuộc phẫu thuật kéo dài đến hai tiếng rồi, đầu ông bị cuốn trong một tấm băng vải ngọt ngào, việc cắt rạch và nạo vét diễn ra quá gần tai ông đến mức ông có thể nghe thấy mọi chuyển động của y cụ như thể ông đang ở trong một phòng vang. Nhưng chẳng thể làm gì. Không giãy giụa vùng dậy. Cứ đón nhận và chịu đựng nó thôi. Cứ buông xuôi theo nó đến chừng nào nó còn diễn ra.

Đêm đó, ông ngủ ngon, đến hôm sau thì đã thấy khỏe và đến trưa, sau khi bị ra rằng có một người bạn đang đợi đón ông dưới lầu, ông đã được giải phóng, đi thẳng ra bãi đỗ xe và cẩn thận lái xe đưa mình về nhà. Về đến nơi, vào xưởng ngồi xuống nhìn những tấm bạt nơi mình có thể vẽ lại một ngày không xa, ông òa khóc, y như cha ông cái lần trở về nhà sau trận viêm phúc mạc suýt chết.

Nhưng giờ, thay vì kết thúc, nó lại tiếp tục; giờ thì cứ chưa đầy một năm ông lại nhập viện một lần. Là con trai của một cặp cha mẹ sống rất thọ, em trai của một người hơn ông tới sáu tuổi nhưng vẫn luôn có vẻ sung sức như cái thời còn cầm trịch ở trường trung học Thomas Jefferson, nhưng chỉ mới vào tuổi sáu mươi mà sức khỏe ông đã bắt đầu suy giảm và cơ thể lúc nào cũng chực đe dọa ông. Ông từng kết hôn ba lần, có cả tình nhân lẫn con cái, có một công việc thú vị và thành công trong công việc ấy, nhưng giờ dường như đời ông chỉ còn xoay quanh việc lẩn trốn cái chết và toàn bộ câu chuyện chỉ còn là về sự mục ruỗng của xác thân.

Năm sau khi phẫu thuật động mạch cảnh ông lại phải phẫu thuật mạch lần nữa vì bác sĩ phát hiện ra thành sau tâm thất ông đang âm thầm bị nhồi máu do một mô ghép bị nghẽn. Tin này làm ông điếng người, mặc dù cũng may là Nancy đã đi tàu đến đưa ông tới bệnh viện và những lời trấn an của cô đã giúp ông bình tĩnh trở lại. Rồi bác sĩ lại tiếp tục phẫu thuật mạch ông, đặt một stent ở động mạch xuống trước trái, sau khi đã nong rộng nó ra ở chỗ những lớp cặn bám mới đã hình thành. Từ bàn mổ ông có thể xem được cảnh cái ống thông ngo ngoáy lên tận động mạch vành - ông chỉ phải dùng một lượng nhẹ thuốc giảm đau và có thể theo dõi toàn bộ quy trình ca mổ qua màn hình như thể cơ thể ông là của người khác. Một năm sau ông lại phẫu thuật mạch và một stent nữa lại được đặt ở một trong số các chỗ ghép mô, lại một chỗ bắt đầu hẹp lại. Năm sau nữa thì ông phải đặt ba stent cùng một lúc - để sửa chữa những điểm tắc động mạch, mà, như bác sĩ nói với ông sau đó, nằm ở những vị trí khiến cho quá trình phẫu thuật chẳng thể như một cuộc dạo chơi.

Như thường lệ, để giữ đầu óc mình khỏi hiện tại ông lại triệu hồi ký ức về cửa tiệm của cha và tên của chín hãng đồng hồ đeo tay và bảy hãng đồng hồ để bàn mà cha ông làm nhà phân

phối chính thức; cha ông không kiếm được nhiều tiền nhờ bán đồng hồ, nhưng ông nhập về rất nhiều vì đó là mặt hàng ổn định và luôn thu hút những người vốn chỉ định ngắm nghía từ ngoài phố bước vào. Với những kỷ niệm hạt giống ấy lần nào phẫu thuật mạch, ông cũng làm thế này: ông sẽ lờ tịt đi những lời đùa cợt qua lại mười lần như một giữa đám y tá và bác sĩ trong lúc chuẩn bị mổ, lờ tịt đi thứ nhạc rock xuyên thủng căn phòng lạnh lẽo, vô trùng nơi ông đang nằm, bị đai chắt vào một cái bàn mổ giữa đủ thứ máy móc rùng rợn, được thiết kế để giữ cho đám bệnh nhân tim mạch khỏi chết, và từ cái giây phút họ bắt đầu gây tê háng ông và chọc thủng da để cắm ống thông vào thì ông bắt đầu tự làm mình sao nhãng bằng cách thầm nhắc lại cái danh sách mình từng sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái, từ hồi còn là thằng bé giúp việc trong cửa tiệm sau giờ học - "Benrus, Bulova, Croton, Elgin, Hamilton, Helbros, Ovistone, Waltham, Wittnauer" - vừa tập trung nhớ về đặc biệt của những con số trên mặt đồng hồ đeo tay vừa ngân nga nhẩm hiệu của nó, đảo một vòng từ số một đến số mười hai rồi lại ngược lại. Rồi ông chuyển sang đồng hồ để bàn - "General Electric, Ingersoll, McClintock, New Haven, Seth Thomas, Telechron, Westclox" - nhớ lại đồng hồ dây cốt đã tíc tắc ra sao còn đồng hồ điện tử thì thế nào cho tới khi ông nghe tiếng bác sĩ thông báo ca mổ đã xong và mọi thứ đều ổn cả. Trợ lý của bác sĩ, sau khi ấn vết chọc, sẽ đặt một bao cát y tế vào háng ông để cầm máu, và với sức nặng ấy ở yên đó, ông sẽ phải nằm bất động trên giường bệnh trong vòng sáu giờ tới. Kỳ lạ thay, không thể nhúc nhích mới là phần tồi tệ nhất của cuộc phẫu thuật - vì hàng ngàn ý nghĩ không chủ định cứ tràn ngập dòng thời gian trôi đi chậm chạp - nhưng đến sáng hôm sau, nếu mọi chuyện tiến triển tốt sau một đêm, người ta sẽ mang tới cho ông một khay bữa sáng chỉ nhìn được chứ không nuốt nổi cùng một mớ tài liệu hướng dẫn những điều cần tuân thủ hậu phẫu và đến mười một giờ trưa thì ông được tổng khởi viện. Trong ba lần khác nhau, khi đã về đến nhà và khẩn trương cởi đồ chuẩn bị cho cuộc tắm vòi sen chờ đợi đã lâu thì ông mới phát hiện ra mấy miếng điện cực EKG vẫn dính vào người vì y tá giúp ông xuất viện đã quên không gỡ chúng khỏi ngực ông rồi vứt vào thùng rác. Một buổi sáng khác lúc đang tắm ông nhìn xuống và lại phát hiện ra rằng người ta còn chưa buồn gỡ kim truyền tĩnh mạch, một thiết bị họ gọi là khóa heparin, ra khỏi cẳng tay tím bầm của ông, và thế là lại phải mặc quần áo vào mà lái xe tới chỗ bác sĩ nội khoa quen ở Spring Lake để gỡ ra trước khi nó trở thành một nguồn gây nhiễm trùng.

Năm sau vụ đặt ba stent ông tiếp tục bị đè ngửa ra trên bàn mổ trong một lát để lắp vĩnh viễn vào người một máy khử rung tim giúp đảm bảo an toàn trước những diễn tiến mới đe dọa mạng sống của ông đi kèm với một tổn thương ở thành sau tâm thất và việc phân suất tổng máu tâm thất chạm ngưỡng biến ông thành một ứng cử viên được hưởng chứng loạn nhịp tim chết người. Chiếc máy khử rung tim này là một hộp kim loại mỏng chỉ to bằng một chiếc bật lửa hút thuốc; nó được cấy vào bên dưới phần da phía trên ngực, cách vai trái chỉ vài phân, có dây nối với trái tim mong manh của ông, sẵn sàng phóng ra một xung động để chỉnh sửa nhịp tim ông - và làm thần chết rồi trí - nếu nhịp trở nên bất thường một cách nguy hiểm.

Lần phẫu thuật này Nancy cũng ở bên ông, và sau đó, khi ông trở lại phòng mình và vạch một bên áo bệnh nhân xuống cho cô xem chỗ phồng lên vì phải bao trọn máy khử rung tim bên trong, cô đã phải quay mặt đi. "Con yêu," ông nói với cô, "nó bảo vệ ba mà - không có gì phải sợ cả." "Con biết là nó bảo vệ ba. Con mừng vì vẫn có một thứ như thế bảo vệ ba. Chỉ là trông thấy nó con sốc quá, vì," rồi thấy mình đã đi quá xa không thể nghĩ ra được một lời nói dối an ủi, cô

chỉ nói, "vì ba vẫn luôn trẻ trung thế kia mà." "Chắc, có nó ba sẽ trẻ trung hơn là không có. Ba vẫn có thể làm mọi thứ mình thích, chỉ không phải lo vụ loạn nhịp tim sẽ đẩy mình vào mấy nguy cơ nghiêm trọng nữa thôi." Nhưng cô đã tái đại đi vì cảm giác bất lực và không sao ngăn nổi nước mắt lăn xuống trên mặt mình: cô muốn cha mình vẫn như cái hồi cô mười mười một mười hai mười ba tuổi, không có gì trở ngại, hay không thể - và ông cũng vậy. Cô không thể nào lại muốn điều đó bằng ông, nhưng tại thời điểm ấy ông thấy nỗi buồn của mình dễ chấp nhận hơn của cô. Ông khát khao đến cháy bỏng được nói điều gì dịu dàng để xoa dịu những nỗi sợ hãi của cô, như thế, lại một lần nữa, cô mới là người dễ tổn thương hơn trong hai bọn họ.

Ông chưa từng thực sự ngừng lo lắng cho cô, cũng chưa từng hiểu nổi làm sao mà một đứa con như vậy lại có thể là con ông. Không hẳn ông đã làm nhiều điều tốt đẹp để được hưởng điều này, dù Phoebe thì có. Nhưng có những người như thế, những người tốt đến ngoạn mục - những phép màu, thực sự là vậy - và ông thật đại may mắn khi một trong số những phép lạ ấy lại là đứa con gái bất khả tha hóa của ông. Ông kinh ngạc khi nhìn quanh và thấy các bậc cha mẹ có thể gây thất vọng đến cay đắng ra sao - như chính ông trong mắt hai anh con trai đầu, những người đến giờ vẫn làm như thể chuyện xảy ra với họ chưa từng xảy ra với ai khác trước đây và sau này cũng vậy - thế mà rồi lại có một đứa con số một đủ đường. Đôi khi ông thấy dường như tất cả đều là sai lầm ngoại trừ Nancy. Vậy nên ông lo lắng cho cô, tới giờ ông vẫn chưa bao giờ đi qua một cửa hàng quần áo phụ nữ mà không nghĩ tới cô và bước vào, kiểm vài món mà cô sẽ thích, và ông nghĩ, mình rất may mắn, rồi lại nghĩ, một điều tốt đẹp nào đó phải xuất hiện ở đâu đó, và nó đã xuất hiện trong con người con bé.

Ông nhớ lại giai đoạn làm ngôi sao điền kinh ngắn ngủi của cô. Hồi mười ba tuổi cô đã về nhì trong cuộc thi ở trường nữ sinh, một cự li chừng hai dặm, và cô đã thấy khả năng về một thứ gì đó mình có thể xuất sắc. Cái gì cô cũng giỏi, nhưng đây là một kiểu danh tiếng khác. Suốt một thời gian ông đã bỏ không đi bơi hằng sáng để mỗi ban mai họ có thể chạy cùng nhau và đôi khi cả vào những giờ tắt nắng nữa. Họ tới công viên và thường ở đó chỉ có hai bọn họ cùng bóng tối và ánh sáng. Hồi ấy cô ở trong đội chạy của trường, và trong một buổi tập lúc chạy ở khúc quanh cô đã bị trượt chân và ngã rất đau xuống đường chạy. Điều đã xảy ra chỉ là một điều có thể xảy ra, với bất cứ cô gái nào ở tuổi tiền dậy thì - vì ở tuổi đó xương vẫn chưa cứng chắc hẳn, điều mà với một phụ nữ trưởng thành có thể chỉ là dẫn dây chằng thì với Nancy khi ấy khủng khiếp hơn nhiều: dây chằng chưa đứt nhưng một mẫu xương hông bị trật ra. Cùng với huấn luyện viên, ông vội vã đưa Nancy vào phòng cấp cứu bệnh viện, ở đó cô vô cùng đau đớn và hoảng sợ, đặc biệt khi nghe tin họ sẽ chẳng can thiệp gì, mặc dù đồng thời cô cũng được bảo, cũng đúng, rằng, chỗ đau sẽ tự lành sau một thời gian. Nhưng đó là dấu chấm hết cho sự nghiệp điền kinh của cô, không chỉ bởi phải mất cả mùa thì cô mới phục hồi mà còn vì tuổi dậy thì đang lơ lửng trên đầu cô, và chẳng mấy chốc ngực cô sẽ lớn lên, hông sẽ rộng ra và cái tốc độ từng là của cô thời cô còn sở hữu một cơ thể trẻ con sẽ bay biến mất. Và rồi, như thế cái kết cho cuộc chạy đua trở thành nhà vô địch và sự thay đổi thể chất chưa đủ khiến cô choáng váng, cũng chính năm đó đã mang tới nỗi khốn khổ của việc có ba mẹ ly hôn.

Vì nhiều lý do mà cô ngồi đó trên giường ông ở bệnh viện và khóc trong vòng tay ông, nhưng trước nhất là vì ông đã bỏ cô đi khi cô mới mười ba tuổi. Cô đã tới bờ biển này để giúp chăm sóc ông nhưng tất cả những gì cô con gái điềm tĩnh và lý trí này làm được chỉ là hồi cố lại

những khó khăn mà cuộc ly dị đã gây ra, và thừa nhận cái ảo tưởng về một cuộc làm lành của mẹ cha, mà cô đã dành hơn nửa đời mình hy vọng đến giờ vẫn chưa chết. "Nhưng có ai làm lại thực tế được đâu," ông khẽ khàng nói, xoa lưng cô, lùa tay vào tóc cô và dịu dàng rung cô trong tay mình. "Chuyện nó tới thì mình chấp nhận thôi. Đứng vững và đón nhận khi nó tới. Chẳng còn cách nào khác."

Đó là sự thật và cũng là điều tốt nhất ông có thể làm - cũng chính là điều ông từng nói với cô nhiều năm về trước, cái hồi ông ôm cô trong vòng tay trên chiếc taxi đưa họ về nhà từ phòng cấp cứu còn cô thì run lên trong tiếng nức nở vì những biến cố chẳng thể giải thích tại sao.

# Phần 8

Ngần ấy lần phẫu thuật và nằm viện đã chính thức biến ông thành một kẻ cô đơn và kém tự tin hơn hẳn so với những năm đầu mới nghỉ hưu. Thậm chí cả sự yên bình và tĩnh lặng ông hằng trân quý dường như cũng bị biến thành một dạng xà lim biệt giam tự sinh, và ông bị săn lùng bởi cảm giác mình đang tiến đến đích cuối. Nhưng thay vì chuyển về khu Manhattan dễ bị tấn công, ông quyết định chống lại cảm giác xa lạ với thế giới xung quanh do những hạn chế về thể xác, mà nhập thể mạnh mẽ hơn nữa. Ông làm việc này bằng cách tổ chức hai lớp dạy vẽ hàng tuần cho dân trong làng, một lớp buổi chiều cho người mới bắt đầu, và một lớp buổi tối cho những ai đã hơi hơi quen với màu vẽ.

Có chừng mười người tại mỗi lớp, và họ rất thích tụ tập trong xưởng vẽ sáng sủa của ông. Nói chung, học vẽ chỉ là cái cớ để họ ở đó, và phần lớn trong số họ đến lớp vì cùng lý do ông mở lớp: kiếm tìm mối liên hệ dễ chịu với người khác. Chỉ có hai người là không hơn tuổi ông, và mặc dù tuần nào cũng tụ tập trong tâm trạng vui tươi thắm tình đồng chí, những cuộc nói chuyện lần nào cũng quay về chuyện ốm đau bệnh tật, chuyện đời tư của họ, đến lúc này đã đồng nhất với chuyện đời thuốc men của họ, và những lời trao đổi dữ liệu y tế áp đảo gần như mọi thứ khác. Tại xưởng của ông, họ dễ dàng nhận ra nhau qua bệnh tật hơn là qua những bức vẽ. "Đường huyết của ông thế nào rồi?" "Huyết áp bà ra sao?" "Bác sĩ của bà bảo sao?" "Ông nghe chuyện hàng xóm tôi chưa? Di căn tới gan rồi." Một ông còn đeo cả bình ô xy di động đến lớp. Một ông khác thì run bần bật vì Parkinson nhưng vẫn muốn học vẽ. Tất cả bọn họ, không trừ một ai, đều phàn nàn - đôi khi tếu táo, đôi khi không - về chuyện ký ức ngày một mờ đi, và bảo tháng năm và xuân hạ trôi qua nhanh ra sao, cuộc đời chẳng còn chuyển động theo tốc độ cũ nữa. Có hai phụ nữ phải điều trị ung thư. Một bà phải bỏ dở khóa học để trở lại bệnh viện điều trị. Bà kia thì đau lưng rất dữ và đôi khi phải ra góc phòng nằm xuống sàn mười mười lăm phút rồi mới dậy tiếp tục vẽ bên giá được. Sau vài lần như thế, ông bảo bà nên vào phòng ngủ của ông mà nằm bao lâu tùy thích - trong đó có một cái đệm chắc chắn và bà sẽ thấy thoải mái hơn. Một lần, sau nửa tiếng không thấy bà ra, ông gõ cửa và, khi nghe thấy tiếng bà khóc bên trong, mở cửa bước vào.

Đó là một phụ nữ tóc bạc cao và thanh mảnh, hơn kém ông chừng một hai tuổi, với vẻ bề ngoài và sự dịu dàng gợi ông nhớ tới Phoebe. Tên bà là Millicent Kramer, và đến thời điểm đó bà là học viên giỏi nhất của ông và, trùng hợp thôi, là người bớt bầy hầy nhất. Chỉ mỗi mình bà, trong cả cái lớp mà ông rộng lượng gọi là "Vẽ nâng cao", là xoay sở nổi để hoàn thành mỗi giờ vẽ mà không làm màu vẽ rớt hết lên đôi giày chạy. Ông chưa từng nghe bà nói, như những người khác, rằng, "Tôi không thể điều khiển màu vẽ theo ý tôi được," hay "Tôi có thể hình dung ra nó trong đầu nhưng có vẻ như tôi không thể vẽ lại nó trên bạt được," ông cũng chưa từng phải bảo bà, "Đừng sợ, đừng lùi bước." Ông cố gắng rộng lượng với tất cả bọn họ, ngay cả với những người kém đến tuyệt vọng, thường cũng chính là những người vừa vào lớp đã nói ngay, "Tôi vừa có một ngày tuyệt vời - hôm nay tôi thấy có hứng quá." Khi cuối cùng không nghe nổi thêm câu nào như thế nữa, ông nhắc lại với họ, một điều ông mang máng nhớ Chuck Close [\[6\]](#) từng phát biểu trong một cuộc phỏng vấn: những kẻ nghiệp dư mới kiếm tìm cảm hứng; còn chúng tôi chỉ đứng dậy bắt tay làm. Ông không bắt đầu dạy họ vẽ ngay, vì hầu như chẳng ai trong số họ có khả năng vẽ, và một người mẫu sẽ đặt ra đủ loại vấn đề về tương quan và tỉ lệ, nên, thay vì thế, sau khi họ học xong vài buổi về nguyên lý cơ bản (bố trí màu thế nào, sắp xếp bảng màu ra sao, vân vân) và làm quen với dụng cụ, ông thường đặt tĩnh vật lên bàn - một cái

lọ, vài bông hoa, một loại quả, một tách trà - rồi khuyến khích họ lấy chúng làm mẫu. Ông bảo họ hãy sáng tạo chỉ với ý là hãy thả lỏng bản thân và dùng đến toàn bộ cánh tay mà vẽ, nếu có thể, một cách không sợ hãi. Ông bảo họ không cần phải lo lắng về việc vật mẫu trông thế nào trên thực tế: "Hãy suy diễn," ông nói, "đây là một hành động sáng tạo." Rủi thay, câu đó đôi khi cũng dẫn ông tới việc phải bảo ai đó, "Ông biết đấy, có lẽ cũng không nên vẽ cái lọ to hơn tách trà đến sáu lần." Trăm lần như một câu trả lời đều là "Nhưng ông bảo tôi phải suy diễn mà," và ông đành lấy hết lòng tử tế của mình ra mà đáp, "Tôi đâu muốn suy diễn nhiều đến thế." Nỗi khổ ông không mong phải xử lý nhất ở lớp nghệ thuật là những bức vẽ theo trí tưởng tượng; nhưng bởi vì họ đều hồ hởi trước "sự sáng tạo" và ý tưởng thả mình tự do, hai thứ này luôn trở thành chủ đề phổ biến từ buổi học này sang buổi học khác. Đôi khi, điều tồi tệ nhất cũng xảy ra: một học viên nói, "Tôi không muốn vẽ mãi hoa quả nữa, tôi muốn vẽ trừu tượng, như ông ấy." Vì biết rõ chẳng có cách nào để tranh cãi về việc một người mới tập tọng vẽ gì khi gã vẽ thứ gã gọi là tranh trừu tượng ấy, ông bảo gã, "Cũng hay - sao ông không vẽ bất cứ thứ gì mình thích nhỉ?" và khi đi quanh xưởng vẽ, đưa ra những lời khuyên một cách đầy trách nhiệm, ông sẽ phát hiện ra, cũng phải thôi, rằng sau mỗi lần ngó vào một thử nghiệm vẽ tranh trừu tượng, mình chỉ còn biết nói "Cứ tiếp tục đi." Ông cố gắng liên hệ chuyện vẽ tranh với giải trí hơn là với nghệ thuật bằng cách trích dẫn Picasso cho họ nghe, câu gì đó đại ý là muốn vẽ như một người trưởng thành thì phải trở lại được tuổi thơ. Chủ yếu thì những gì ông đang làm chỉ là lặp lại những gì ông từng nghe hồi còn nhỏ, mới đi học vẽ và giáo viên cũng nói những điều y chang.

Ông chỉ không bị buộc phải nói cụ thể như vậy khi đứng bên Millicent xem bà có thể làm gì và đã tiến bộ ra sao. Ông có thể cảm nhận được ngay rằng, bà có năng khiếu bẩm sinh và rằng, nó vượt xa thứ tài năng chỉ bắt đầu bộc lộ trong quá trình học ở một số người khác. Với bà không bao giờ có câu hỏi pha màu đỏ và lam ngay trên bảng màu thế nào mà hơn thế là làm sao để điều chỉnh hỗn hợp màu bằng chút màu đen hay màu lam để tạo nên những màu hài hòa thú vị, và những bức tranh bà vẽ luôn thành một chỉnh thể, chứ không phân tán rời rạc như hầu hết những bức ông phải đối mặt, khi đi từ giá vẽ này sang giá vẽ kia, và, vì chẳng nghĩ ra gì khác hơn nữa, ông nghe thấy mình bảo, "Phối màu hài hòa đấy." Thực sự thì ông cũng có nhắc Millicent "Đừng có quá tay," nhưng ngoài ra thì không lời khuyên nào của ông với bà là uống phí còn bà cũng luôn tìm kiếm ý nghĩa dù là mờ nhạt nhất trong bất cứ điều gì ông bảo bà. Cách vẽ của bà dường như nảy sinh trực tiếp từ bản năng, và nếu như tranh của bà trông khác với mọi người trong lớp thì đó không chỉ do sự khác biệt trong phong cách mà còn do cách bà cảm nhận và nhận thức mọi vật. Những người khác luôn quá nhạy cảm ở các mức độ khác nhau; và mặc dù hầu hết cả lớp đều đầy thiện chí, một vài người vẫn cảm thấy bức bối khi thấy mình lại phải cần tới người khác giúp đỡ, và thậm chí chỉ một lời phê bình vô ý có thể làm một người đàn ông, cựu CEO một công ty sản xuất, tự ái đến phát sợ. Nhưng với Millicent thì không bao giờ: bà hẳn sẽ là học viên đáng hài lòng nhất trong lớp dạy vẽ nghiệp dư của bất cứ ai.

Lúc này ông ngồi bên cạnh bà trên giường, tay nắm tay bà, nghĩ ngợi. Khi ta còn trẻ, quan trọng là phần thể xác, là vẻ bề ngoài. Khi già đi, phần nội tâm mới là quan trọng, và người ta sẽ thôi để tâm đến việc trông ta ra sao.

"Bà có thứ thuốc nào có thể uống cho đỡ không?" ông hỏi bà.

"Tôi uống rồi," bà đáp. "Tôi không thể uống thêm nữa. Đẳng nào thì nó cũng chỉ có tác dụng trong vài giờ. Chẳng ích gì đâu. Tôi đã phải phẫu thuật ba lần. Cứ lần sau thì quy mô lại lớn hơn, đau đớn hơn lần trước, và mỗi lần phẫu thuật lại khiến cơn đau tồi tệ thêm. Tôi rất tiếc vì lại ở

trong tình trạng thế này. Tôi xin lỗi."

Ở chỗ gần đầu bà trên giường là cái nẹp lưng bà đã tháo ra cho dễ nằm xuống. Nó gồm một tấm nhựa trắng được gắn với lưới sợi vải co giãn và các dây khóa dán giữ cho một miếng vải bạt viền nỉ hình chữ nhật cố định thoải mái trên bụng. Mặc dù vẫn mặc nguyên chiếc áo trắng bảo hộ khi vẽ nhưng lúc ông mở cửa bước vào bà đã tháo cái nẹp ra giấu dưới gối, đó là lý do tại sao giờ nó lại ở cạnh đầu và không thể nào không liên tục gây chú ý trong lúc họ nói chuyện. Đó chỉ là một cái nẹp lưng bình thường, bên dưới lớp vải ngoài đã sờn, phần nhựa phía đuôi chỉ cao khoảng tám, chín inch, nhưng nó nói với ông về sự gần gũi giữa bệnh tật và cái chết ở trong cái làng hưu trí thịnh vượng này.

"Bà uống nước nhé?" ông hỏi bà.

Nhìn vào mắt bà ông có thể thấy con đau ấy khó chịu đựng ra sao. "Vâng" bà yếu ớt đáp, "xin cho tôi một cốc."

Chồng bà, Gerald Kramer, từng là chủ sở hữu, chủ bút kiêm biên tập viên một tuần báo hạt, một báo địa phương hàng đầu không ngại phơi bày nạn tham nhũng trong chính quyền thành phố khắp vùng bờ biển. Trong trí nhớ của ông, Kramer, một kẻ lớn lên trong khu ổ chuột gần Neptune, là một gã hói, răn rỏi, cứng đầu, đi đứng nghênh ngang, chơi tennis vụng về nhưng máu chiến, có một chiếc Cessna và mỗi tuần lại điều hành một nhóm thảo luận về các sự kiện thời sự - hoạt động buổi tối nổi tiếng nhất trên lịch của người dân Starfish Beach, sánh đôi với những buổi chiếu lại phim cổ, do hội điện ảnh tài trợ - cho tới khi ông bị chứng ung thư não đánh gục và người ta chỉ còn trông thấy ông trên chiếc xe lăn do vợ đẩy đi quanh các con đường làng. Trước đó, ngay cả khi đã về hưu ông vẫn tiếp tục có cái vẻ của một đảng toàn năng cống hiến cả đời mình cho một sứ mệnh hệ trọng nào đó, nhưng trong mười một tháng trước khi chết dường như ông đã bị xuyên thủng bởi nỗi hoang mang, choáng váng trước sự tiêu biến của mình, choáng váng trước sự bất lực của mình, choáng váng khi nghĩ rằng cái kẻ đang chết dần chết mòn trong xe lăn này - kẻ không còn khả năng đập một cú tennis, giong buồm ra khơi hay lái máy bay, chứ đừng nói đến biên tập một trang của mục Monmouth County Bugle - lại có thể giống mình. Một trong những điểm khác người hấp dẫn của ông là, không vì lý do gì đặc biệt, thỉnh thoảng vẫn diện bộ tuxedo đi nhà hàng trong làng ăn món bê scaloppine cùng bà vợ tuổi năm mươi có lẽ. "Không thì tôi còn diện nó vào dịp quái nào nữa?" là lời giải thích cộc cằn duyên dáng của ông dành cho tất cả mọi người - đôi khi ông có thể quyến rũ người khác bằng nét duyên bất ngờ như thế. Nhưng sau cuộc phẫu thuật, vợ ông luôn phải ngồi bên ông, chờ ông chậ vật mở miệng và rón rén đút cho ông, người chồng khệnh khạng, quý ông thô lỗ, ăn bằng một cái thìa. Ngoài phố nhiều người biết Kramer và ngưỡng mộ ông muốn chào và hỏi thăm sức khỏe ông, nhưng thường thì vợ ông đều phải lắc đầu để cảnh báo họ hãy tránh xa ra khi ông đang chìm sâu trong nỗi tuyệt vọng - nỗi tuyệt vọng chua cay của kẻ từng là trung tâm của vũ trụ một cách đầy quả quyết giờ chỉ còn ở giữa hư không. Phải chăng giờ chính ông cũng là hư không, chẳng là gì ngoài một số không bất động giậm dứ đợi chờ được hưởng cái ân phúc bị xóa sổ tuyệt đối.

# Phần 9

"Bà có thể tiếp tục nằm đây nếu muốn," ông bảo Millicent Kramer sau khi bà uống chút nước.

"Tôi không thể lúc nào cũng nằm thế được!" bà bật khóc. "Chỉ là tôi không thể chịu được nữa! Tôi từng nhanh nhẹn đến thế, từng năng động đến thế - nếu là vợ của Gerald, thì phải như thế. Chúng tôi từng đi khắp nơi. Tôi từng cảm thấy tự do biết bao. Chúng tôi từng đến Trung Quốc, chúng tôi từng đi khắp châu Phi. Giờ thì thậm chí bắt xe buýt đến New York tôi cũng không thể, trừ phi nốc đầy đến tận mang tai thuốc giảm đau. Tôi cũng chẳng hữu hảo gì với mấy thứ giảm đau đó - chúng làm tôi hoàn toàn phát điên. Mà đằng nào thì cơn đau cũng trở lại trước khi tôi kịp đến đích. Ôi, tôi xin lỗi. Tôi vô cùng xin lỗi. Ở đây ai cũng có khó khăn cả. Chuyện của tôi cũng chẳng có gì đặc biệt và tôi xin lỗi vì đã đem nó ra chất thêm gánh nặng cho ông. Có lẽ ông cũng có chuyện của riêng mình."

"Miếng dán nóng có tác dụng gì không?" ông hỏi.

"Ông biết thứ gì sẽ có tác dụng không?" bà đáp. "Âm thanh của giọng nói đã biến mất ấy. Tiếng người đàn ông khác thường mà tôi yêu. Tôi nghĩ mình có thể chịu đựng được hết thấy điều này nếu ông ấy còn ở đây. Nhưng không có ông ấy thì tôi không thể. Tôi chưa từng thấy ông ấy yếu ớt dù chỉ một lần trong suốt cuộc đời - thế rồi bệnh ung thư nó đến và nghiền nát ông ấy. Tôi không phải Gerald. Ông ấy sẽ thống lĩnh mọi lực lượng trong tay và hành động - thống lĩnh mọi điều ông ấy có và làm bất cứ điều gì cần làm. Nhưng tôi thì không thể. Tôi không thể chịu đựng đau đớn thêm nữa. Nó lấn át mọi thứ. Lắm lúc tôi nghĩ mình chẳng thể sống thêm một giờ nào. Tôi tự nhủ hãy lờ nó đi. Tôi tự nhủ chẳng sao hết. Tôi tự nhủ, 'Đừng nghĩ đến nó nữa. Nó là một bóng ma. Một sự khó chịu, không hơn. Đừng phục tùng sức mạnh của nó. Đừng hợp tác với nó. Đừng để nó dụ dỗ. Đừng đáp lại. Hãy phóng qua. Hãy lao qua. Dù là nó hay mình kiểm soát: lựa chọn vẫn là của mình!' Mỗi ngày tôi tự nhắc lại với mình hàng triệu lần, như thể chính tôi là Gerald đang nói, và rồi bất chợt nó trở nên tồi tệ đến mức tôi phải nằm thẳng xuống sàn ngay giữa siêu thị và mọi lời nói ấy đều trở nên vô nghĩa. Ôi tôi xin lỗi. Tôi ghét cay ghét đắng nước mắt."

"Tất cả chúng ta đều ghét mà," ông bảo bà, "nhưng dù sao chúng ta vẫn khóc."

"Lớp học này có ý nghĩa rất lớn với tôi," bà nói. "Cả tuần tôi chỉ chờ đến ngày đi học. Hào hứng như một đứa trẻ mới đi học," bà thú nhận, và ông nhận ra bà đang nhìn ông với một sự tin tưởng thơ trẻ, như thể thực sự bà là một đứa bé đã kiệt sức - còn ông, cũng như Gerald, có thể sửa chữa bất cứ điều gì.

"Bà có mang thuốc gì cần uống bên mình không?" ông hỏi.

"Sáng nay tôi uống rồi."

"Uống lần nữa đi," ông bảo bà.

"Tôi phải hết sức thận trọng với mấy viên thuốc đó."

"Tôi hiểu. Nhưng hãy nuông chiều bản thân một chút và uống thêm một liều nữa đi. Một liều thì cũng chẳng hại gì nhiều đâu, và nó sẽ giúp bà qua được đỉnh điểm cơn đau. Nó sẽ giúp bà trở lại giá vẽ."

"Phải mất một giờ thuốc mới có tác dụng. Khi ấy hết giờ học rồi."

"Bà cứ tự nhiên ở lại vẽ sau khi những người khác về. Thuốc ở đâu?"

"Trong ví của tôi. Trong xưởng vẽ. Cạnh giá vẽ của tôi. Trong cái túi cũ màu nâu có dây đeo vai đã sờn."

Ông mang thuốc lại cho bà, và với phần còn lại của cốc nước, bà uống thuốc, một loại thuốc phiện có khả năng giảm đau trong ba, bốn tiếng đồng hồ, một viên thuốc lớn hình thoi màu trắng khiến bà thư giãn trong dự cảm mình sẽ đỡ đau ngay khi nuốt. Lần đầu tiên kể từ khi bà bắt đầu đi học ông có thể thấy rõ rệt rằng, hẳn bà phải quyến rũ biết bao trước khi đời bà bị sự thoái hóa của chiếc cột sống già nua ấy chiếm lấy.

"Bà cứ nằm đây cho tới khi thuốc có tác dụng nhé," ông nói. "Rồi vào lớp sau."

"Tôi thành thật xin lỗi vì tất cả chuyện này" bà nói khi ông rời đi. "Chỉ là đau đớn khiến ta cô độc quá." Và đến đây lòng can đảm lại nhường bước, bỏ lại bà úp mặt vào tay nức nở. "Thật hổ thẹn."

"Chẳng có gì đáng hổ thẹn ở đây."

"Có chứ, có đấy" bà khóc. "Cái sự không thể tự chăm sóc bản thân, cái nhu cầu thăm hỏi cần được an ủi..."

"Trong hoàn cảnh này, chẳng gì trong số đó đáng hổ thẹn, dù chỉ một chút."

"Ông sai rồi. Ông không biết đâu. Sự phụ thuộc, bất lực, đơn độc, sợ hãi... tất cả đều khủng khiếp và đáng hổ thẹn. Cơn đau khiến ông sợ hãi chính mình. Cái tha tính tối thượng của nó thật kinh khủng."

Bà ấy xấu hổ khi thấy mình đã thành ra như vậy - ông nghĩ - bị làm cho xấu hổ, nhục nhã, tầm thường đến mức gần như chẳng thể nhận ra chính mình nữa. Nhưng ai trong số bọn họ lại không thể chứ? Tất cả họ đều thấy xấu hổ khi thấy mình đã thành ra thế nào. Chẳng lẽ ông lại không như vậy? Xấu hổ vì những thay đổi về thể chất. Vì sự suy giảm khả năng đàn ông. Vì những sai lầm đã bóp méo ông và vì những cú sốc - cả tự mình gây ra lẫn từ bên ngoài tới - đã làm ông biến dạng. Thứ mang lại cho quá trình suy giảm mà Millicent Kramer phải chịu đựng một tầm vóc vĩ đại kinh hoàng - dù nó sẽ nhỏ lại nếu đem so với sự lạnh lẽo của cuộc đời ông - chính là chứng đau bất trị. Thậm chí ngay cả ảnh chụp mấy đứa cháu, ông nghĩ, những bức ảnh mà ông bà nào cũng bày ra khắp nhà, có lẽ bà cũng không buồn ngó tới nữa. Chẳng còn gì nữa ngoài cơn đau.

"Suyt," ông nói, "suyt, yên lặng nào" và trở lại chỗ cái giường cầm tay bà một chút trước khi trở lại lớp. "Bà chờ thuốc giảm đau có tác dụng, rồi khi nào sẵn sàng hãy quay lại lớp vẽ nhé."

Mười hôm sau bà tự tử bằng thuốc ngủ.

Cuối khóa học mười hai tuần hầu như ai cũng muốn đăng ký học khóa thứ hai, nhưng ông thông báo rằng kế hoạch có thay đổi và phải tới tận mùa thu tới ông mới có thể dạy lại.

Khi bỏ chạy khỏi New York, ông đã chọn bờ biển này làm nhà vì ông luôn thích bơi giữa những ngọn sóng và chống lại chúng, và vì những liên tưởng từ thời thơ ấu hạnh phúc ông từng có trên dải bãi biển Jersey này, và vì, ngay cả khi Nancy không đến ở cùng ông, ông chỉ cách cô có một tiếng đồng hồ, và vì sống trong một môi trường thư giãn, thoải mái chắc chắn sẽ có lợi cho sức khỏe của ông. Đời ông chẳng còn người phụ nữ nào ngoài con gái. Sáng nào trước khi đi làm cô cũng gọi cho ông, ngoài ra điện thoại của ông hiếm khi đổ chuông. Còn tình cảm của hai đứa con trai từ cuộc hôn nhân đầu tiên thì ông đã thôi theo đuổi; ở bên mẹ họ hay bên họ, ông chưa từng làm điều gì đúng đắn, và để chống lại những lời buộc tội cứ lặp đi lặp lại này cùng phiên bản lịch sử gia đình trong mắt hai con trai ông, sẽ đòi hỏi một lượng hiệu chiến khổng lồ, vốn đã biến mất khỏi kho vũ khí của ông. Tính hiếu chiến đã được thay thế bằng một nỗi buồn mệnh mang. Nếu trong nỗi cô đơn của những buổi tối đằng đẵng của mình, ông có đầu hàng cảm dỗ mà gọi điện cho một trong hai đứa thì sau đó thế nào ông cũng thấy buồn hơn, buồn và kiệt quệ.

Randy và Lonny là nguồn gốc của cảm giác tội lỗi sâu thẳm nhất của ông, nhưng ông không thể cứ giải thích hành động của mình cho họ mãi. Hồi cả hai còn thanh niên, ông đã cố giải thích thường xuyên - nhưng hồi đó thì họ quá trẻ và quá phần nộ nên không hiểu, giờ thì lại quá phần nộ và quá già. Mà có gì mà hiểu kia chứ? Với ông điều này thật không thể giải thích - sự phẫn khích sinh ra từ việc luận tội ông mà họ có thể năng nặc bám lấy một cách nghiêm túc đến thế. Ông làm những việc ông đã làm theo cùng cách họ làm những việc họ đã làm. Liệu cái cung cách không tha thứ kiên định ấy có đáng tha thứ hơn chút nào không? Hay bớt gây ra hiệu ứng có hại hơn? Ông chỉ là một trong số hàng triệu đàn ông Mỹ, là một bên của một vụ ly dị làm tan vỡ gia đình. Nhưng ông có đánh mẹ họ không? Ông có đánh họ không? Ông không thể chu cấp cho mẹ họ ư, hay không thể chu cấp cho họ? Đã ai trong số họ phải năn nỉ xin tiền ông chưa? Đã bao giờ ông khắc nghiệt? Chẳng phải ông đã đưa ra với họ mọi lời đề nghị mà ông có thể? Còn tránh được gì nữa? Ông có thể làm gì khác nữa để họ thấy dễ chấp nhận ông hơn ngoại trừ cái điều ông không thể, là duy trì hôn nhân và sống chung với mẹ họ? Họ có thể hiểu điều đó hoặc không - và buồn thay cho ông (và cho họ), họ không hiểu. Họ không bao giờ hiểu được rằng khi ấy ông cũng mất cùng một gia đình như họ. Và chắc chắn vẫn còn nhiều điều ông không hiểu. Nếu vậy, chuyện cũng chẳng đỡ buồn hơn. Chẳng ai nói được rằng ngàn ấy nỗi buồn vẫn không đủ để chia đều cho mỗi người bọn họ và rằng ngàn ấy ảm nản vẫn không đủ để ông được bắt đầu cái tẩu khúc [\[7\]](#) câu hỏi ấy để thử bào chữa cho câu chuyện đời mình.

Ông không nói gì với họ về chuỗi nhập viện liên miên của mình vì sợ điều đó sẽ khơi dậy quá nhiều sự mẫn nguyện thù hận. Ông đoán chắc mình mà chết thì họ sẽ mừng vui, và tất cả là vì những ký ức ban sơ ấy mà dù lớn thêm bao nhiêu tuổi họ cũng sẽ không bao giờ tha thứ chuyện ông rời bỏ gia đình đầu tiên để khởi tạo gia đình khác. Chuyện rồi rồi cuộc ông cũng phản bội gia đình thứ hai vì một nhan sắc kém ông hai mươi sáu tuổi mà, theo Randy và Lonny, bất cứ ai ngoài cha họ cũng nhận ngay ra là "con điên" từ cách đó một dặm - một người mẫu, đúng thế đấy, "một người mẫu không có óc" ông gặp khi cô được hãng của ông thuê để

làm một công việc buộc cả đội, gồm cả hai bọn họ, phải đến tận Caribe công tác vài ngày - chỉ củng cố thêm cách nhìn của họ về ông: một gã thích phiêu lưu tình ái thiếu chín chắn, nông nổi, vô trách nhiệm, giả nhân giả nghĩa. Với tư cách một người chồng, thậm chí với người vợ có một không hai như Phoebe, người mà vì bà ông đã giữ bỏ mẹ họ, ông là kẻ lừa đảo. với tư cách bất cứ gì không phải một con chó dái, ông đều là thứ đồ giả từ trong ra ngoài. Còn chuyện ông trở thành "nghệ sĩ" khi về già, thì, đối với hai đứa con trai đó, đúng là trò hề lớn hơn hết thảy. Khi ông bắt đầu thói quen vẽ nghiêm túc hằng ngày, Randy đã đặt cho cha mình một biệt danh nhạo báng: "tay thợ vụng vui vẻ."

Để đáp lại ông cũng chẳng bảo mình đúng về mặt đạo đức hay đã suy xét hoàn hảo. Cuộc hôn nhân thứ ba của ông được thiết lập trên khát khao vô bờ bến về một người đàn bà ông chẳng định dính líu gì ngoài một khao khát vốn chưa từng đánh mất sức mạnh bứt mắt và dắt mũi ông, ở tuổi năm mươi, chơi trò trống bỏi. Trong suốt sáu năm trước đó ông đã không còn ngủ với Phoebe, nhưng ông không thể trung cái sự thật thảm kín đó ra với hai đứa con trai làm lời giải thích cho cuộc ly dị thứ hai. Ông không cho rằng thành tích mười lăm năm làm chồng của Phoebe, mười ba năm làm người cha sống chung nhà của Nancy, làm em trai của Howie và con trai của cha ông từ lúc sinh ra, lại đòi hỏi ông đưa ra một lời giải thích như thế. Ông không cho rằng thành tích hơn hai mươi năm làm trong ngành quảng cáo ông lại đòi hỏi ông đưa ra một lời giải thích như thế. Ông không cho rằng thành tích làm cha đẻ của Lonny và Randy lại đòi hỏi một lời giải thích như thế!

Thế nhưng bức tranh họ mô tả cách ông kiểm soát bản thân trong suốt cuộc đời thậm chí còn không phải một bức biếm họa, mà, theo quan điểm của ông, là một bức chân dung về những gì không phải là ông, một sự mô tả họ cứ bám lấy hòng hạ xuống mức thấp nhất mọi thứ đáng giá, vốn hiển nhiên với hầu hết những người khác, ông tin thế. Hạ xuống mức thấp nhất sự tử tế của ông, rồi cường điệu những khuyết điểm, vì một lý do mà vào những ngày cuối đời này chắc chắn không còn giữ được sức nặng như cũ. Với cha mình, ngoài bốn mươi tuổi họ vẫn là những đứa trẻ y hệt như cái thời ông rời bỏ mẹ họ, những đứa trẻ từ bản chất đã không thể hiểu rằng, luôn có hơn một lời giải thích cho hành vi của con người - những đứa trẻ, tuy vậy, lại mang dáng vẻ và sự cuồng nộ của những người đàn ông, và ông không bao giờ có thể duy trì nổi một tuyến phòng thủ vững chắc trước sức hủy diệt của họ. Họ đã cố ý muốn người cha vắng mặt phải đau khổ, và ông đã đau khổ, trao cho họ cái quyền ấy. Đau khổ vì những việc làm sai của mình là tất cả những gì ông có thể làm để khiến họ hài lòng, để trả cái giá của mình, để nuông chiều sự chống đối điên rồ của họ như một người cha tốt nhất.

Lũ khốn xấu xa chúng mày! Bọn ngu mặt dày chúng mày! Hai đứa oắt con chỉ thích kết tội người khác. Liệu mọi chuyện có khác, ông tự hỏi, nếu ta khác đi và làm mọi chuyện khác đi? Có đỡ cô đơn hơn thế này không? Dĩ nhiên là có! Nhưng ta đã làm thế! Ta đã bảy mươi mốt tuổi rồi! Ta đã tạo nên con người ta như thế. Ta đã làm những việc như thế nên mới đến được đây, và chẳng cần nói thêm gì nữa!

# Phần 10

May mắn là trong suốt nhiều năm ông vẫn thường xuyên nhận được tin của Howie. Ở cuối độ tuổi năm mươi, Howie, như hầu hết các đồng nghiệp đến tuổi đó, ngoại trừ ba hay bốn lãnh đạo cấp cao nhất, đều nghỉ hưu khỏi Goldman Sachs; đến lúc đó giá trị của ông đã dễ dàng lên mức năm mươi triệu đô la. Chẳng bao lâu sau, ông đã có mặt trong ban lãnh đạo của vô số tập đoàn, cuối cùng làm đến chức chủ tịch Procter & Gamble, trước đó ông đã buôn bán cổ phiếu của hãng này. Ở tuổi bảy mươi, vẫn tràn đầy sinh lực và hồ hởi muốn làm việc, ông trở thành nhà tư vấn cho một hãng chuyên mua lại các tổ chức tài chính và đi lại rất nhiều để tìm kiếm nguồn mua tiềm năng. Thế nhưng bất chấp đủ thứ trách nhiệm không dứt và áp lực thời gian của Howie, hai anh em vẫn gọi điện cho nhau vài lần mỗi tháng, những cuộc điện thoại đôi lúc kéo dài tới nửa tiếng đồng hồ, người này vừa cười vừa làm vui người kia bằng những hồi tưởng về năm tháng họ lớn lên và về những khoảnh khắc buồn cười ngày xưa ở trường và trong cửa hàng trang sức.

Dù vậy, giờ mỗi khi họ nói, một cảm giác lạnh lẽo vô lý lại ghé thăm ông, và trước sự vui tươi của anh trai ông chỉ đáp lại bằng im lặng. Lý do thật lố bịch. Ông ghét Howie vì sức khỏe cường tráng của ông ấy. Ông ghét Howie vì cả đời anh trai ông chưa phải nằm viện, vì ông ấy chẳng biết bệnh tật là gì, vì trên cơ thể ông ấy chẳng có lấy một vết sẹo mổ, cũng không có đến sáu ống stent kim loại cư trú trong các động mạch cùng với một hệ thống báo động đau tim được nhét vào thành lồng ngực, với cái tên máy khử rung tim, một từ mà trước lần đầu tiên được nghe bác sĩ chuyên khoa phát âm ông không hề hay biết, và, thật nhạt nhẽo, nghe như thể nó có liên quan gì đó tới hệ thống đề của xe đạp. Ông ghét ông ấy vì, mặc dù họ đều là con cùng một cha mẹ sinh ra và trông rất giống nhau, Howie đã được thừa kế sự vững vàng về mặt thể chất còn ông chỉ được hưởng toàn những điểm yếu của mạch vành và đủ loại mạch khác trong người. Thật lố bịch khi ghét Howie vì ông ấy cũng chẳng thể làm gì với sức khỏe tốt của mình ngoài tận hưởng nó. Thật lố bịch khi ghét Howie chẳng vì lý do gì ngoài việc ông ấy đã được trời sinh như thế chứ không phải như bất kỳ ai khác. Ông chưa từng ghen tị với cả năng lực học hành lẫn thể thao của ông ấy, với tài năng kiếm tiền phi thường của ông ấy, sự giàu có của ông ấy, chưa từng ghen tị ngay cả khi ông nghĩ tới mấy bà vợ cùng hai đứa con trai của mình, rồi so với vợ con Howie - bốn thằng con trai trưởng thành nhưng vẫn tiếp tục yêu cha, cùng một người vợ tận tụy đã chung sống được năm mươi năm, người rõ ràng là cũng quan trọng với Howie, như Howie quan trọng với bà ấy vậy. Ông luôn tự hào về người anh trai lực lưỡng, xì po, hiếm khi bị dưới điểm A ở trường, và từ hồi bé tí ông đã ngưỡng mộ ông ấy. Là một thằng em có năng khiếu nghệ thuật và kỹ năng thể chất đáng chú ý duy nhất chỉ là bơi, ông mê Howie một cách không giấu giếm và luôn bám đuôi anh trai đi khắp nơi. Nhưng giờ, ông ghét ông ấy và ông ghen tị với ông ấy, và ông ghen ghét đến thù hằn ông ấy, và, trong suy nghĩ của ông, ông gần như đã vùng dậy cuồng nộ chống lại Howie vì cái sức lực ông ấy có để chống chọi với cuộc đời này, tuyệt nhiên chưa lần nào bị thử thách. Mặc dù trên điện thoại ông đã gắng hết sức kìm nén những cảm xúc vô lý và không thể tha thứ này, thảng thốt trôi qua những cuộc điện thoại giữa họ lại ngán dần và bớt thường xuyên hơn, rồi chẳng bao lâu sau họ đã hầu như chẳng còn nói chuyện.

Ông không giữ lâu cái ước muốn ác ý mong anh trai ông sẽ bị mất hết sức khỏe - ghen tị mấy thì ông cũng chẳng thể đi xa đến thế, vì chuyện anh trai ông mất sức cũng chẳng giúp cho ông lấy lại được sức khỏe của ông. Chẳng có gì có thể khôi phục sức khỏe, tuổi trẻ của ông, hay tiếp thêm sinh lực cho tài năng của ông. Dù vậy, trong một tâm trạng điên rồ, ông hầu như có thể tiến xa đến mức tin rằng sức khỏe tốt của Howie phải chịu trách nhiệm cho cái sức khỏe luôn bị đe dọa của ông, mặc dù ông biết không phải thế, mặc dù không phải ông không có sự thông hiểu đầy khoan dung của một người văn minh về cái bí ẩn của sự bất công và thiếu may mắn. Nhớ lại cái hồi tay bác sĩ phân tâm ấy liền thoắt chẩn đoán mấy triệu chứng của đau ruột thừa nặng thành bệnh ghen tị, hồi ấy ông vẫn là một đứa con ngoan và hầu như chưa hề biết đến những cảm giác đi kèm với niềm tin rằng nếu tài sản của người khác mà thuộc về mình thì sẽ hay hơn. Nhưng giờ thì ông đã biết; vào tuổi già này ông đã khám phá ra một trạng thái cảm xúc sẽ cướp đi của ông - kẻ ghen tị - sự thanh thản và, tồi tệ hơn, tính thực tế - ông ghét Howie vì đã được trời phú cho những đặc điểm sinh học mà lẽ ra ông cũng phải được hưởng.

Bất chợt ông cũng không thể chịu đựng được anh trai mình theo đúng cái cung cách nguyên sơ, bản năng mà hai đứa con trai vẫn không chịu được ông.

# Phần 11

Ông đã hy vọng trong lớp học vẽ sẽ có một phụ nữ nào đó khiến ông có thể quan tâm - đó cũng là nửa phần lý do mở lớp. Nhưng cặp với một trong những góa phụ cùng tầm tuổi mà ông chẳng thấy chút gì hấp dẫn thì quả là quá sức ông, còn những phụ nữ còn trẻ trung khỏe khoắn mà sáng sủa lúc đi bộ ông vẫn thấy cũng đi bộ dọc bãi biển, vẫn còn những đường cong, tóc vẫn còn bóng và, trong mắt ông, dường như còn đẹp hơn bản sao của chính họ trước đây, thì vẫn chưa đến nỗi mất trí mà đi trao đổi với ông cái gì ngoài một nụ cười lịch sự vô hại. Với ông, dõi mắt theo những bước chạy tốc độ của họ là một cái thú, nhưng là một cái thú khó khăn, và cơ bản thì những vuốt ve tưởng tượng ấy chẳng hơn gì một nguồn nỗi buồn gặm nhấm, chỉ làm tăng thêm nỗi cô đơn khôn kham. Đúng, ông đã lựa chọn sống một mình, nhưng không phải một mình đến mức không chịu đựng nổi này. Điều tồi tệ nhất của cảnh một mình đến không chịu nổi này là ta phải chịu đựng nó - hoặc là thể hoặc là chết chìm trong nó. Ta sẽ phải làm việc cật lực để ngăn tâm trí khỏi tàn phá ta bằng cách khát khao nhìn lại quá khứ quá đổi huy hoàng.

Và ông đã bắt đầu chán việc vẽ vờ. Nhiều năm trời ông đã mơ về quỹ thời gian liền mạch mà tuổi nghỉ hưu có thể đem lại cho ông để vẽ - cũng như hàng ngàn, hàng ngàn giám đốc nghệ thuật khác, những người cũng kiếm sống bằng nghề quảng cáo. Nhưng sau khi đã vẽ hầu như hằng ngày kể từ khi chuyển đến bờ biển, ông cạn kiệt niềm yêu thích với việc mình làm. Nhu cầu phải vẽ đến bức bối đã rời bỏ ông, cái sự nghiệp từng được chỉ định sẽ lấp đầy phần còn lại của đời ông đã bay hơi. Ông chẳng còn ý tưởng gì nữa. Mọi bức tranh ông vẽ rất cuộc trông đều giống nhau. Những bức trừu tượng sắc sảo của ông luôn được trưng bày trang trọng tại triển lãm của các nghệ sĩ vùng Starfish Beach, và trong số ba bức từng được một gallery ở một thị trấn du lịch ven biển gần đó mua lại, cả ba đều đã được bán cho những khách hàng tốt nhất của gallery. Nhưng đó là chuyện của khoảng hai năm trước. Giờ ông chẳng có gì để trưng bày nữa. Tất cả đều chẳng đi đến đâu. Với tư cách một họa sĩ ông là, và có lẽ đã luôn là, một "tay thợ vụng vui vẻ" không hơn, đúng như cái biệt danh ông tình cờ biết thằng con trai thích châm biếm đã đặt cho mình. Có vẻ như vẽ là một câu thần chú. Nhưng để trừ thứ tà ác gì?

Sự tự dối mình lâu đời nhất trong số những sự tự dối mình của ông ư? Hay chuyện ông đã lao vào vẽ để cố dứt mình khỏi cái hiểu biết rằng, ta được sinh ra là để sống nhưng thay vì thế lại chết đi? Đột nhiên ông chìm vào hư vô, vào âm thanh của hai âm tiết "hư vô" cũng nhiều như vào bản thân sự hư vô, lạc lối và trôi dạt, và nỗi sợ bắt đầu thấm vào từ từ. Chẳng có gì đến mà không đi kèm những nguy cơ, ông nghĩ, hư vô, chẳng có gì - chẳng có gì không đi ngược lại mong đợi, kể cả việc vẽ những bức tranh ngu ngốc!

Ông đã giải thích với Nancy, khi cô hỏi về tác phẩm của ông, rằng ông vừa tiến hành một "cuộc phẫu thuật thắt ống dẫn tinh thẩm mỹ."

"Rồi điều gì đó sẽ lại đánh thức ba," cô nói, chấp nhận ngôn ngữ cường điệu của ông với một tiếng cười thông cảm. Cô đã thấm nhuần phẩm chất tốt bụng của mẹ cô, khả năng không thể thờ ơ khi người khác cần, tâm hồn đầy ắp tình cảm mà trước đây ông vẫn đánh giá thấp và vứt bỏ - vứt bỏ mà không nhận ra sau này mình sẽ phải sống mà không có những gì.

"Chắc chẳng có điều gì như thế đâu," ông nói với con gái. "Ba không bao giờ thành họa sĩ được là có lý do. Vì ba cứ hùng hục lao vào nó."

"Lý do ba không làm họa sĩ được," Nancy giải thích, "là vì ba có vợ có con. Ba có nhiều miệng ăn phải nuôi. Ba có nhiều trách nhiệm."

"Lý do ba không làm họa sĩ được là vì ba không phải là họa sĩ. Trước hay giờ cũng vậy."

"Ôi ba ơi..."

"Không, nghe ba này. Tất cả những gì trước nay ba vẫn làm chỉ là nguệch ngoạc phí thời giờ."

"Ba chỉ đang thất vọng thôi. Đừng tự xúc phạm mình thế ba ơi - không phải vậy đâu. Con biết không phải vậy. Tranh của ba con treo khắp nhà. Ngày nào con cũng ngắm chúng, và con có thể đảm bảo với ba là con không thèm ngắm những thứ nguệch ngoạc đâu. Khách đến chơi - họ cũng ngắm chúng. Họ hỏi con họa sĩ là ai. Họ chú ý đến chúng. Họ hỏi họa sĩ còn sống không."

"Con nói gì với họ?"

"Nghe con này ba: không ai để ý tới những thứ nguệch ngoạc hết. Người ta chỉ để ý tới những tác phẩm mà thôi. Những tác phẩm đẹp. Và dĩ nhiên," cô nói, lần này với tiếng cười khiến ông thấy mình nhẹ nhõm, và, ở tuổi bảy mươi, lại mê tít cô con gái, "và dĩ nhiên con bảo họ là ba còn sống. Con kể với họ là ba tôi vẽ đấy, nói thế con tự hào lắm."

"Hay lắm, con yêu."

"Ở đây con có một gallery nhỏ."

"Tốt quá - nghe nói thế thật dễ chịu."

"Giờ ba chỉ đang thất vọng. Đơn giản vậy thôi. Ba là một họa sĩ tuyệt vời. Con biết con đang nói gì chứ. Nếu trên đời này có ai đủ kiến thức để biết ba có phải một họa sĩ tuyệt vời hay không thì đó chính là con."

Sau tất cả những gì ông từng bắt cô phải trải qua bằng cách phản bội Phoebe, cô vẫn còn muốn khen ông. Từ khi mười tuổi cô đã luôn như vậy - một cô bé biết điều và trong sáng, nếu có nhược điểm gì thì cũng chỉ bởi sự rộng lượng vô bờ, bởi cô luôn lẩn trốn bất hạnh một cách vô hại bằng cách lau sạch lỗi lầm của mọi người thân yêu và bằng một tình yêu quá mức. Ban phát sự tha thứ như thế nó chỉ là món tiền lẻ. Hiển nhiên, điều tai hại đã tới khi cô đã tự giấu khỏi mình hơi quá nhiều thiếu sót dưới lớp trang điểm tuyệt vời đến phô trương của gã con nít, mà cô đã phải lòng rồi cưới.

"Và không chỉ có con đâu ba. Ai đến cũng nói vậy. Hôm nọ con vừa phỏng vấn mấy đứa trông trẻ, vì Molly thôi không làm nữa. Con phải phỏng vấn tìm người mới, và cuối cùng thì thuê được một cô rất tuyệt, Tanya - con bé là một sinh viên muốn kiếm thêm, cũng học Art Students League như ba - nó không thể rời mắt khỏi bức tranh con treo trong phòng ăn, bên trên tủ ly,

bức màu vàng ấy - ba nhớ bức này không?"

"Có."

"Nó không thể rời mắt. Bức màu vàng và đen. Bức tranh thực sự khá đặc biệt. Con thì cứ phỏng vấn con nó thì cứ dán mắt vào bên trên tủ ly. Nó hỏi bức đó được vẽ khi nào và con đã mua ở đâu. Tác phẩm của ba luôn rất có sức hút."

"Con ngọt ngào với ba quá, con yêu."

"Không. Con đang nói thật với ba, thế thôi."

"Cảm ơn con."

"Ba sẽ vẽ trở lại thôi. Sẽ tiếp tục vẽ. Hội họa vẫn chưa hết duyên nợ với ba đâu. Nhưng giờ thì ba cứ thoải mái đi ạ. Chỗ ba ở đẹp lắm mà. Cứ kiên nhẫn. Cứ từ từ. Chẳng có gì biến mất cả. Tận hưởng thời tiết, tận hưởng những cuộc đi bộ, tận hưởng bãi biển và đại dương. Chẳng có gì biến mất và không gì thay đổi."

Kỳ lạ thay - lời cô nói mang lại cho ông nhường ấy dễ chịu thế nhưng ông vẫn không tin dù chỉ trong một giây rằng cô hiểu mình đang nói gì. Nhưng cái ước muốn an ủi, ông nhận ra, đã là rất đáng kể, đặc biệt khi nó đến từ một người mà kỳ diệu thay vẫn yêu thương ta.

"Ba không còn ra biển bơi nữa rồi," ông nói.

"Thật ư?"

Ở đó chỉ có Nancy, tuy vậy ông vẫn thấy hổ thẹn khi thú nhận điều này: "Ba đã đánh mất lòng tự tin trước những con sóng rồi."

"Ba vẫn có thể bơi trong bể chứ ạ?"

"Ừ."

"OK, thế thì cứ bơi trong bể."

Ông hỏi thăm cô về hai đứa sinh đôi, vừa hỏi vừa nghĩ giá như mình vẫn sống chung với Phoebe, giá giờ đây Phoebe còn bên ông, giá như Nancy không phải vất vả đến vậy để chăm sóc ông khi ông vắng một người vợ tận tụy, giá như ông chưa từng làm tổn thương Phoebe theo cái cách ông đã làm, giá như ông chưa từng làm sai, giá như ông chưa từng nói dối! Giá như bà chưa từng nói, "Em không bao giờ có thể tin rằng anh thành thật nữa."

# Phần 12

Mọi chuyện chỉ bắt đầu khi ông đã gần năm mươi tuổi. Phụ nữ trẻ ở khắp mọi nơi - người đại diện của đám nhiếp ảnh gia, thư ký, nhân viên stylist, người mẫu, quản lý khách hàng. Rất nhiều phụ nữ, và ông làm việc, và đi xa, và ăn trưa cùng họ, và điều đáng kinh ngạc không phải là chuyện đã xảy ra - chuyện một ông chồng của "ai đó" có bồ - mà là nó xảy ra muộn đến thế, thậm chí sau cả khi niềm đam mê đã teo đi rồi biến mất khỏi cuộc hôn nhân của ông. Chuyện bắt đầu với một cô gái xinh đẹp tóc đen mười chín tuổi được ông thuê làm thư ký riêng và, mới đi làm được hai tuần cô đã quỳ ngay trên sàn văn phòng mông chổng lên còn ông thụt cô nguyên quần áo, chỉ mở mỗi khóa quần. Ông không hề ép cô, mặc dù thực tình ông đã khiến cô bất ngờ - nhưng cũng phải nói thêm rằng ông, cái kẻ luôn ý thức mình không có gì khác người để mà phô trương ấy, kể tin rằng mình hài lòng khi sống theo chuẩn mực thông thường, khi cư xử ít nhiều như mọi người khác ấy, cũng làm chính mình ngạc nhiên không kém. Ông đi vào dễ dàng vì cô rất ẩm ướt và, trong hoàn cảnh liều lĩnh ấy, chẳng mất mấy thì giờ cả hai đã đều đạt được cơn cực khoái dữ dội. Ngay sáng hôm sau nữa đã lại thấy cô đứng dậy khỏi sàn và trở về bàn mình ở phòng bên ngoài, và trong khi ông vẫn còn đang đứng giữa phòng chỉnh lại quần áo, mặt còn chưa hết bừng bừng, thì sếp ông, Clarence, quản lý nhóm đồng thời là phó chủ tịch điều hành, mở cửa bước vào. "Nhà cô ta ở đâu?" Clarence hỏi ông. "Tôi không biết," ông đáp. "về nhà của cô ta ấy," Clarence nghiêm túc nói rồi bỏ đi. Nhưng không thể ngăn họ tiếp tục làm chuyện đó, địa điểm và cách thức họ làm chuyện đó, ngay cả khi những gì họ đang làm là một trong những trò đùa nguy hiểm ở công sở, trong đó ai cũng có đủ thứ để mất. Cả ngày họ ở quá gần nhau nên chẳng thể dừng. Tất cả những gì cả hai có thể nghĩ tới chỉ là cảnh cô quỳ trên sàn văn phòng, còn ông hất váy ngược lên lưng cô, tóm lấy tóc cô và, sau khi vạch đáy quần lót của cô sang một bên, xiên vào cô mạnh nhất có thể, hoàn toàn không đếm xỉa tới việc khám phá hay gì.

Tiếp đó là vụ chụp hình ở Grenada. Hồi ấy ông tổ chức cả show, ông và tay nhiếp ảnh ông thuê cùng nhau chọn người mẫu, mười người mẫu cho một quảng cáo lấy bối cảnh bên một hồ nước tự nhiên nhỏ trong một cánh rừng nhiệt đới, mỗi người mẫu khoác áo choàng tắm ngắn mùa hè, đầu quấn trong loại khăn cần quảng cáo như thể vừa gội đầu xong. Mọi sắp xếp đã xong, ý tưởng quảng cáo đã được duyệt, và ông đã yên vị một mình trên máy bay, cách xa mọi người khác để có thể đọc sách rồi chợp mắt rồi bay đến đó tỉnh táo.

Họ tạm dừng ở Caribê, ông xuống máy bay, vào phòng chờ, nhìn quanh, thấy tất cả đám người mẫu và chào họ rồi cả đoàn lên một chiếc máy bay khác nhỏ hơn làm một chặng ngắn nữa tới điểm đến, ở đó ra đón họ sẽ là vài chiếc ô tô cùng một cái xe nhỏ như xe jeep, và ông quyết định sẽ đi chiếc đó cùng một người mẫu đã lưu ý sẵn từ lúc tuyển. Cô là người mẫu ngoại quốc duy nhất, một người Đan Mạch tên là Merete và có lẽ, ở tuổi hai mươi tư, là người già nhất hội; số còn lại đều là gái Mỹ mười tám mười chín. Trên xe có người lái, Merete ngồi giữa, ông ngồi ngoài cùng. Lúc đó trời đã khuya và rất tối. Họ phải ngồi dồn sát vào nhau, tay ông khoác trên đỉnh lưng ghế cô. Chỉ một lát sau khi xe chuyển bánh ngón tay cái ông đã ở trong miệng cô, và dù khi ấy ông vẫn chưa biết, cuộc hôn nhân của ông đã bị đột kích. Cái gã trai trẻ ban đầu từng hy vọng sẽ không bao giờ phải sống đời hai mặt giờ đã sắp sửa lấy cả một

chiếc riu ra mà bổ đôi thân mình.

Khi họ về tới khách sạn và ông đã vào phòng, hầu như suốt đêm ông chỉ nằm đó mà nghĩ đến Merete. Hôm sau khi họ gặp, cô nói với ông, "Em đã đợi anh." Toàn bộ chuyện này diễn ra rất nhanh và mãnh liệt. Họ chụp hình cả ngày giữa rừng sâu bên hồ nước tự nhiên nhỏ ấy, làm việc cật lực và nghiêm túc cả ngày, và khi trở về ông phát hiện ra đại diện đi cùng chuyến này của tay nhiếp ảnh đã thuê hẳn một ngôi nhà trên bãi biển cho riêng ông - ông đã vớt cho cô nhiều hợp đồng béo bở, thế nên cô đại diện này thuê nó cho ông và ông liền chuyển khỏi khách sạn, Merete đi cùng và ở đó trên bãi biển họ chung sống ba ngày. Mỗi sáng sớm khi ông bơi xong trở lên bãi, cô đều đã chờ sẵn trên hàng hiên, trên người chỉ có độc chiếc quần bikini. Họ sẽ bắt đầu ngay khi ấy và ở đó, khi ông vẫn còn ướt sau chuyến bơi dài. Trong suốt hai ngày đầu tiên lần nào khi cô thối kèn, ông cũng nghịch ngón tay quanh mông cô, cho tới khi cuối cùng cô ngẩng lên và nói, "Nếu anh thích cái lỗ nhỏ ấy đến vậy thì sao không dùng nó luôn đi?"

Dĩ nhiên khi về New York ông vẫn gặp lại cô. Ngày nào cô rảnh ông cũng sẽ đến chỗ cô vào giờ ăn trưa. Thế rồi một thứ Bảy ông, Phoebe, và Nancy đang đi dọc đại lộ 3 thì ông trông thấy Merete đang đi bên kia đường, vẫn cái dáng rảo bước dễ dàng, thẳng lưng và mơ màng như thế, vẻ tự tin hoang dại trong dáng đi ấy luôn hạ gục ông, như thể không phải cô chỉ đang xách một túi đồ tạp hóa tiến đến ngã tư phố 72 mà đang bình thản du hành trên đồng cỏ Serengeti, nàng Merete Jespersen của thành Copenhagen đang nhăm nháp thứ cỏ xa van giữa hàng ngàn con linh dương Phi châu. Ngày ấy người mẫu vẫn chưa nhất thiết phải gầy, và thậm chí trước cả khi ông nhận ra cô nhờ cách sải bước và mái tóc vàng óng buông xuống lưng, ông đã xác định cô là kho báu của riêng ông, phần thưởng của kẻ đi săn da trắng, nhờ sức nặng của bộ ngực cô bên trong áo cánh và cặp mông nhẹ nhưng sở hữu cái lỗ nhỏ có thể mang lại biết bao thích thú. Thấy cô ông chẳng tỏ ra sợ hãi hay phấn khích, dù ông cảm thấy cực kỳ khó ở đến nỗi phải một mình ra trạm điện thoại gọi cô - suốt phần còn lại của buổi chiều hôm đó, ông chỉ nghĩ đến việc ra trạm điện thoại gọi cô. Đây không phải là chuyện đề thư ký ra quan hệ tình dục trên sàn văn phòng. Đây là sức mạnh tối thượng nguyên sơ của vẻ sinh động của cô tác động lên bản năng sinh tồn của ông, bản thân nó đã là một lực lượng cần đối phó. Đây là cuộc phiêu lưu điên rồ nhất đời ông, cuộc phiêu lưu mà, ông chỉ mới bắt đầu lờ mờ hiểu, có thể quét sạch mọi thứ. Cái ý nghĩ rằng có lẽ hơi ảo tưởng khi nghĩ ở tuổi năm mươi mình có thể tìm thấy một cái lỗ có thể thay thế cho mọi thứ khác chỉ lướt qua ông rất nhanh.

Vài tháng sau ông bay sang tận Paris để gặp cô. Cô đi làm việc ở châu Âu sáu tuần, và mặc dù họ đã lén lút nói chuyện điện thoại đến ba lần một ngày thì vẫn không đủ thỏa mãn nỗi nhớ mong của cả hai. Một tuần trước ngày thứ Bảy mà ông và Phoebe định lái xe tới trại hè của Nancy ở New Hampshire đón con bé về, ông bảo Phoebe thứ Bảy đó ông lại bận lo chụp hình ở Paris. Ông sẽ phải đi từ tối thứ Năm và đến sáng thứ Hai mới về. Ezra Pollock, quản lý khách hàng, sẽ đi cùng và đến nơi họ sẽ còn gặp một đội các đồng nghiệp châu Âu nữa. Ông biết sẽ không thể liên lạc được với Ez, bởi gã sẽ ở cùng gia đình cho đến hết ngày Lễ Lao động trên một hòn đảo tí xíu, không điện thoại, vài dặm ngoài khơi South Freeport, Maine, cách xa văn minh đến nỗi có thể thấy cả hải cẩu giao lưu trên rìa đá của hòn đảo đá gần đó. Ông cho Phoebe tên và số điện thoại của khách sạn ở Paris rồi ngày nào cũng tính đi tính lại tới chục lần khả năng rủi ro bị cô phát hiện sao cho ông và Merete có thể yên tâm bên nhau suốt kỳ cuối tuần

dài ngày đó tại kinh đô của tình nhân thế giới. Nhưng Phoebe vẫn chẳng nghi ngờ gì và có vẻ chỉ chờ được đi đón Nancy một mình. Con bé rất phấn khởi khi được trở về sau một mùa hè xa nhà, cũng như ông mong đến chết được gặp Merete sau một tháng rưỡi xa cách, và thế là thứ Năm ông bay đi, trong đầu chỉ có cái lỗ nhỏ đó và việc cô muốn ông làm với nó. Phải, suốt chặng đường vượt Đại Tây Dương trên máy bay của Hàng không Pháp ông chỉ mơ màng có thể.

Mọi chuyện đều ổn ngoại trừ thời tiết. Gió mạnh và bão dữ dội quét qua châu Âu, và suốt cả ngày Chủ nhật vất sang thứ Hai không chuyến bay nào cất cánh nổi. Cả hai ngày đó ông ngồi ở sân bay cùng Merete, cô đã tới bám lấy ông đến tận phút chót có thể, nhưng khi trời quang trở lại thì sớm nhất cũng phải tới thứ Ba mới có chuyến khởi hành từ sân bay de Gaulle này, nên họ đành bắt taxi trở lại đường Rue des Beaux Arts, trở lại cái khách sạn Left Bank nho nhỏ hào nhoáng yêu thích của Merete, nơi họ lại có thể đặt lại phòng, căn phòng với những tấm gương làm bằng kính tối màu. Suốt những đêm bắt taxi đi xuyên Paris, họ đều diễn đoán khúc kịch buông tuồng ấy, lần nào cũng như thể tình cờ và như thể lần đầu tiên: ông thả tay lên đầu gối cô, cô giạng chân vừa đủ để ông có thể luồn tay xuống dưới lớp váy lót mà lần ngược lên trên - chẳng có gì, thật thế, ngoài một chiếc váy lót hàng thượng hạng - và sờ soạng cô trong lúc cô xoay đầu lơ đãng nhìn ra ngoài xe vào những ô cửa sổ cửa hàng sáng rực, còn ông, lưng tựa sau ghế, vờ vịt đủ kiểu nhưng vẫn bị hút chặt vào cái cách cô tiếp tục cư xử như thể chẳng có ai chạm vào mình ngay cả khi ông cảm giác cô sắp lên đỉnh. Merete luôn đẩy mọi thứ gọi cảm lên cực hạn. (Trước đó, trong một cửa hàng trang sức cổ nằm khuất cuối phố có khách sạn của họ, ông đã trang điểm cho cái cổ họng của cô bằng một món nữ trang đẹp sững sờ, một bộ dây chuyền vàng nguyên chất kèm mặt gắn kim cương và ngọc garnet demantoid. Là đứa con giàu hiểu biết của cha ông, ông yêu cầu được kiểm tra chất lượng đá qua kính lúp. "Anh định tìm gì?" Merete hỏi. "Tì vết, vết nứt, màu sắc - nếu dưới kính phóng đại mười lần vẫn không thấy gì thì kim cương được coi là hoàn hảo. Em thấy không? Mỗi lần anh nói về đá quý là miệng lại tuôn ra toàn lời của cha." "Nhưng ngoài ra thì đâu có vậy," cô nói. "Khi nói về anh thì không. Những lời về anh là của em." Khi đi mua sắm, khi đi dạo phố, khi đi thang máy hay cà phê cùng nhau trong một góc phố gần nhà cô, không khi nào họ ngừng quyến rũ nhau. "Sao mà anh biết cách làm thế, giữ được thứ đó...?" "Cái kính lúp." "Sao mà anh biết cách giữ cái kính lúp trên mắt như thế?" "Cha anh dạy. Chỉ cần áp sát vào hốc mắt là được. Cũng gần như em làm thôi." "Thế nó màu gì?" "Xanh da trời. Xanh da trời pha trắng. Ngày xưa thế là nhất đấy. Cha anh sẽ nói ngày nay vẫn vậy. Cha anh sẽ bảo, 'Ngoài sở hữu vẻ đẹp, địa vị và giá trị, kim cương còn bất khả hủy hoại. Cha anh thích nhấm nháp từ 'Bất khả hủy hoại' lắm.'" "Ai lại không thích chứ?" Merete nói. "Trong tiếng Đan Mạch thì nói từ đó thế nào?" ông hỏi cô. "*Uíorgxngelig*.' Cũng tuyệt vời y hệt." "Sao mình lại không mua cơ chứ?" ông nói với cô bán hàng, đến lượt mình, cô bán hàng cất một giọng tiếng Anh hoàn hảo phảng phất âm Pháp - cùng một vẻ duyên dáng cũng hoàn hảo - bảo người phụ nữ trẻ đi cùng quý ông lớn tuổi, "Mademoiselle đây rất may mắn. *Une femme choyée*," còn giá cả thì suýt bằng, nếu không muốn nói là hơn, cả kho hàng của tiệm ở Elizabeth xưa, cái thời ông còn mang những chiếc nhẫn đính hôn giá một trăm đô mà có cả kim cương một phần tư hay nửa carat ra đi định cỡ cho khách hàng, người định cỡ là một người đàn ông ngồi ghế băng cũi trong một căn phòng như tổ chim câu trên đại lộ Frelinghuysen khoảng năm 1942.) Và lúc này ông đã rút ngón tay dấp dính chất nhờn của cô ra, ướp hương môi cô bằng chính nó, rồi ấn nó vào giữa hai hàm răng cô để lưỡi cô mơn trớn,

nhắc cô nhớ về cuộc gặp đầu tiên giữa họ và những gì họ, khi còn là hai kẻ hoàn toàn xa lạ đã dám làm, một tay quảng cáo người Mỹ ngoại ngữ tuần và một người mẫu Đan Mạch hai mươi tư, băng qua một hòn đảo Caribê trong bóng tối, tê liệt. Nhắc cô nhớ rằng cô là của ông và ông là của cô. Một giáo phái chỉ có hai người.

# Phần 13

Có một tin nhắn của Phoebe chờ ông ở khách sạn: "Liên lạc với em ngay. Mẹ anh ốm nặng."

Khi gọi lại ông được biết tin bà mẹ tuổi bát thập của mình đã bị đột quỵ vào lúc năm giờ sáng thứ Hai, giờ New York và khó có cơ sống sót.

Ông giải thích cho Phoebe tình hình thời tiết và được biết thêm tin Howie đã trên đường Đông tiến và hằng đêm cha ông vẫn thức canh bên giường mẹ. Ông ghi lại số điện thoại phòng mẹ ở bệnh viện, và Phoebe bảo gác máy xong là bà cũng sẽ lao đến Jersey ngay để ở bên cha, ở bệnh viện cho tới khi Howie tới. Bà chỉ đang chờ ông gọi điện lại thôi. "Sáng nay em chỉ gọi trễ có vài phút mà không gặp được anh. Tay lễ tân bảo em, 'Ông bà ấy vừa ra sân bay rồi.'"

"Ừ," ông nói, "anh đi chung taxi với đại diện của tay nhiếp ảnh."

"Không, anh chung taxi với một con người mẫu hai mươi tư tuổi đang ngoại tình với anh. Tôi xin lỗi, nhưng tôi không thể ngoảnh mặt làm ngơ nữa. Tôi đã làm ngơ với con thư ký ấy. Nhưng giờ thì sự sỉ nhục đã đi quá xa rồi. Paris cơ đấy," bà nói giọng ghê tởm. "Lên kế hoạch. Tính toán trước. Vé máy bay và đại lý du lịch. Nói cho tôi biết đi, kẻ nào trong hai kẻ gây thơ lãng mạn các người đã mơ mộng ra Paris làm đích đến cho cái sứ mệnh lén lút nho nhỏ ấy? Các người ăn ở đâu thế? Nhà hàng tuyệt đẹp nào các người đã ghé chân?"

"Phoebe, anh không hiểu em đang nói gì. Em đang nói linh tinh đấy. Anh sẽ bắt chuyến bay sớm nhất về nhà ngay khi có thể."

Mẹ ông đã chết được một giờ trước khi ông tới được bệnh viện ở Elizabeth. Cha và anh ông ngồi bên linh cữu phủ vải giường. Trước đó ông chưa từng nhìn thấy mẹ nằm trên giường bệnh viện, mặc dù dĩ nhiên là bà đã trông thấy ông như vậy hơn một lần. Cũng như Howie, cả đời bà được hưởng một sức khỏe hoàn hảo. Bà mới là người vẫn hay lao đến bệnh viện để an ủi người khác. Howie nói, "Nhà mình vẫn chưa báo với bệnh viện là mẹ chết. Mọi người muốn chờ. Chờ chú đến nhìn mặt mẹ lần cuối trước khi họ đưa mẹ đi." Những gì ông nhìn thấy chỉ là đường viền của hình khắc nổi một bà già đang ngủ. Những gì ông nhìn thấy chỉ là một tảng đá, một sức nặng như đá, nặng nề, tang tóc đang cất lời Cái chết, chỉ là cái chết - chẳng gì hơn.

Ông ôm cha mình, cha vỗ vỗ tay ông mà nói, "Thế này là tốt nhất. Con sẽ không muốn mẹ con phải sống trong di chứng của cái thứ đó đâu."

Khi cầm tay mẹ nâng lên môi, ông nhận ra rằng trong một khoảng thời gian tính bằng giờ mình đã đánh mất hai người phụ nữ mà sự tận tụy của họ đã làm nền móng cho sức mạnh của chính ông.

Với Phoebe ông cứ nói dối, nói dối và nói dối, nhưng chẳng ích gì. Ông bảo mình đến Paris để cắt đứt chuyện với Merete. Để làm điều đó ông cần nói chuyện mặt đối mặt, mà cô ta thì làm việc ở Paris.

"Nhưng trong khách sạn, trong khi đang cắt đứt với cô ta, chẳng phải ban đêm hai người vẫn

ngủ chung giường với nhau sao?"

"Bọn anh không ngủ. Cô ta khóc cả đêm."

"Cả bốn đêm liền cơ à? Khóc thế là quá nhiều với một người Đan Mạch hai mươi tư tuổi đấy. Tôi đồ rằng đến Hamlet cũng không khóc nhiều như vậy."

"Phoebe, anh đến đó để báo với cô ta mọi chuyện đã kết thúc - và đúng là nó đã kết thúc."

"Tôi đã làm gì sai trái," Phoebe hỏi, "để đến mức anh muốn sỉ nhục tôi thế này? Sao anh cứ muốn làm rối tung mọi chuyện lên thế? Nó vẫn chưa đủ gớm guốc hay sao? Tôi nên cứ giả câm giả điếc mà chờ cho qua, nhưng tôi không thể. Tôi, người chưa bao giờ nghi ngờ anh, thậm chí chẳng mấy khi nảy ra ý chất vấn anh, nhưng giờ tôi sẽ không bao giờ còn có thể tin bất cứ lời nào anh nói nữa. Phải, anh đã làm tổn thương tôi bằng con bé thư ký ấy, nhưng tôi đã ngậm miệng. Thậm chí anh còn không biết là tôi biết, phải không? Phải không?"

"Ừ, anh không biết."

"Bởi vì tôi che giấu những suy nghĩ của mình với anh - không may là tôi không thể giấu nó với chính mình. Và giờ anh lại làm tôi tổn thương bằng con bé Đan Mạch đó, rồi anh làm nhục tôi bằng những lời nói dối, và giờ tôi sẽ không che giấu suy nghĩ của mình và im lặng nữa. Đã có một phụ nữ chín chắn, thông minh đến với anh, một người bạn đời hiểu rõ thế nào là có qua có lại. Cô ấy giải thoát anh khỏi Cecilia, tặng cho anh một đứa con gái tuyệt vời, thay đổi toàn bộ cuộc đời anh, và anh chẳng biết làm gì cho cô ấy ngoại trừ ngủ với con bé Đan Mạch. Mỗi lần nhìn đồng hồ tôi lại nhắm tính xem giờ là mấy giờ ở Paris và hai kẻ các người đang làm gì. Cứ như thế suốt cả kỳ nghỉ cuối tuần. Niềm tin là cơ sở của mọi thứ, không phải vậy sao? Không phải vậy sao?"

Bà chỉ buộc phải nhắc tới tên Cecilia để gọi lại chớp nhoáng những tràng dài chỉ trích đầy thù ghét mà người vợ đầu từng bắt cha mẹ ông phải chịu đựng, người vợ mà, mười lăm năm sau, trước sự kinh hoàng của ông, hóa ra không chỉ là một Cecilia bị bỏ rơi mà còn là nàng Cassandra tiên tri tai họa: "Con thấy tội nghiệp cho con nha đầu đến sau này - con thật lòng thấy thương hại con dĩ Quaker dê mặt ấy!"

"Ta có thể giải quyết bất cứ điều gì," Phoebe vẫn đang nói, "ngay cả nếu niềm tin có bị tổn hại, chỉ cần thừa nhận sự thật. Rồi ta lại là bạn đời, theo một cách khác, nhưng vẫn có thể làm bạn đời. Nhưng nói dối - nói dối là cách kiểm soát rẻ mạt, đáng khinh của một người đối với người kia. Nó chính là đưa thông tin không đầy đủ rồi xem người kia phản ứng thế nào - nói cách khác, sỉ nhục cô ấy. Nói dối là chuyện vốn chẳng có gì lạ, thế nhưng, nếu bị nói dối, ta vẫn thấy kinh ngạc như thường. Những người bị đồ dối trá như anh phản bội đã bị chất lên tầng tầng lớp lớp xúc phạm trước khi anh thực sự không thể làm gì khác ngoài bốt nghĩ đến họ, phải vậy không? Tôi chắc rằng những kẻ dối trá khéo léo và dai dẳng và quỷ quyết như anh đều tiến đến mức cho rằng dường như chính người bị lừa dối, chứ không phải anh, mới là người có những thiếu sót nghiêm trọng. Có lẽ thậm chí anh còn không nghĩ là mình đang lừa dối - anh cho rằng đó là một nghĩa cử giúp cho người bạn đời tội nghiệp không tình dục của anh đỡ thấy áy náy. Có lẽ anh còn tin rằng sự dối trá của mình về bản chất là đức hạnh, một hành động hào

phóng dành cho con khờ ngu ngốc đã yêu anh. Hoặc có thể nó chỉ đơn giản là chính nó - một sự đối trá đồn mật, một sự đối trá đồn mật nối tiếp một sự đối trá đồn mật khác. Ôi, sao cứ phải thế - toàn bộ những tình tiết này đã lừng danh quá rồi còn gì," bà nói. "Gã đàn ông đánh mất đam mê trong hôn nhân mà gã lại chẳng thể sống chay. Cô vợ lẩm điều. Cô vợ thực dụng. Phải, đã hết đam mê, cô vợ đã già và không còn như thời trẻ, nhưng với cô ấy chỉ cần ôm hôn vuốt ve là đủ, chỉ cần nằm bên chồng trên giường, trong vòng tay nhau. Ôm hôn vuốt ve, sự dịu dàng, tình bạn, sự gần gũi... Nhưng gã thì không thể. Bởi vì gã là loại đàn ông không thể sống chay. Nay, thưa quý anh, anh sắp phải sống thiếu chuyện đó. Anh sắp phải sống chay rất nhiều. Anh sắp học được cụ thể sống chay nghĩa là thế nào! Ôi, biến khỏi tôi đi, xin anh. Tôi không thể chịu đựng nổi cái vai trò anh vừa ấn tôi xuống đó. Mẹ vợ già tội nghiệp, cay đắng vì bị chối từ, bị cơn ghen tuông đòi bại nuốt chửng! Thù hận! Ghê tởm! Ôi tôi căm ghét anh hơn bất kỳ thứ gì khác. Cút đi, biến khỏi nhà này đi. Tôi không thể chịu đựng được cảnh phải trông thấy anh với cái vẻ mặt tên-cuồng-dâm-đang-cư-xử-phải-phép ấy! Anh đừng hòng có được chút xá tội nào từ tôi - đừng hòng! Tôi sẽ không lãng phí thời gian nữa! Đi đi, làm ơn! Để tôi yên!"

"Phoebe..."

"Không! Anh còn dám gọi tên tôi nữa sao!"

Nhưng quả thật những tình tiết này đã quá lừng danh và chẳng cần thêm thắt gì. Phoebe tống ông ra khỏi nhà sau khi mai táng mẹ ông, họ ly hôn sau khi đạt được thỏa thuận về tài chính, và vì ông không biết phải làm gì khác để biến những chuyện vừa xảy ra thành có lý hoặc bằng cách nào khác để tỏ ra có trách nhiệm - và khôi phục hình ảnh của mình đặc biệt là trong mắt Nancy - vài tháng sau ông kết hôn với Merete. Vì ông đã phá tan mọi thứ vì con người bằng nửa tuổi mình này, có vẻ sẽ hợp logic nếu làm tới luôn và lập lại trật tự bằng cách lấy cô làm người vợ thứ ba - là đàn ông có vợ, vậy nhưng ông chẳng bao giờ đủ khôn ngoan mà không ngoại tình hay phải lòng một phụ nữ còn tự do.

Chẳng bao lâu sau đó ông phát hiện ra Merete không chỉ là - một cái lỗ nhỏ, hoặc cũng có thể không bằng. Ông phát hiện ra cô không có khả năng suy xét bất cứ gì thấu đáo mà không có đủ thứ lẫn tẩn xen vào và bóp méo suy nghĩ của cô. Ông phát hiện ra kích thích thực của tính phù phiếm của cô và rằng, dù chỉ mới ở giữa độ hai mươi, cô sợ già đến bệnh hoạn. Ông phát hiện ra vấn đề thẻ xanh của cô và những rắc rối thuế má lâu đời của cô với cơ quan thuế IRS, kết quả của nhiều năm không khai báo thu nhập. Và khi phải phẫu thuật mạch vành khẩn cấp, ông phát hiện ra nỗi kinh sợ của cô trước bệnh tật và sự vô dụng của cô khi phải đối mặt với hiểm nguy. Nói chung ông hiểu ra hơi muộn rằng toàn bộ sự táo bạo của cô đã gói gọn trong khả năng kêu gọi và rằng khả năng đẩy mọi thứ gọi tình lên giới hạn của cô là sự hấp dẫn khôn cưỡng duy nhất giữa họ. Ông đã thay thế người vợ vượng phu nhất có thể hình dung được bằng một cô vợ chỉ cần chịu chút xúi áp lực là đã vỡ tan. Nhưng ngay lúc đó, cưới cô dường như là cách đơn giản nhất để che đậy tội lỗi.

# Phần 14

Thật khổ sở khi phải giết thì giờ mà không được vẽ. Sáng sáng ông có đi bộ chừng một giờ, chiều muộn thì có hai mươi phút tập tạ nhẹ và nửa tiếng bơi nhẹ nhàng dưới bể bơi - chế độ hằng ngày được bác sĩ chuyên khoa tim khuyến khích - nhưng chỉ có thể thôi, toàn bộ sự kiện trong ngày của ông chỉ có thể. Ta có thể đắm đắm nhìn ra biển được bao lâu cơ chứ, dù cho đó có là mặt biển ta yêu từ thời thơ ấu? Ông có thể nhìn trong bao lâu cảnh thủy triều trào lên dạt xuống mà không nhớ lại, như bất cứ ai trong cơn mơ màng ngắm biển, rằng cuộc đời đã được trao cho ông, cũng như cho mọi người, một cách ngẫu nhiên, tình cờ, nhưng chỉ một lần, và chẳng vì một lý do đã biết hay có thể biết nào hết? Vào những tối ông lái xe đi ăn cá lục nướng ở boong sau cửa hàng cá nằm chênh vênh trên rìa vịnh nơi tàu thuyền vẫn chui qua gầm cầu kéo ra khơi, đôi khi trước tiên ông vẫn dừng lại ở thị trấn ngày xưa gia đình ông thường tới nghỉ hè. Trên con đường nhựa ven bờ biển ông xuống xe, đi bộ ra lối đi lát ván rồi ngồi xuống một trong những chiếc ghế băng nhìn ra bãi cát và mặt biển, mặt biển diệu kỳ liên tục đổi thay mà chẳng hề thay đổi từ khi ông còn là một thằng bé khảng khiu thích bơi ngược sóng. Đây chính là chiếc ghế mà tối tối ông bà rồi cha mẹ ông từng ngồi hóng gió và thích thú ngắm nhìn hàng xóm và bạn bè đi dạo trên lối đi lát ván, và đây chính là bãi biển nơi gia đình ông từng dã ngoại và tắm nắng, nơi ông và Howie cùng các bạn từng đi bơi, tuy bây giờ nó đã rộng gấp đôi ngày ấy do có một dự án cải tạo gần đây của quân đội tiến hành. Nhưng ngay cả chỉ rộng như cũ, nó vẫn là bãi biển của ông và là trung tâm của mọi vòng xoay tâm trí khi ông nhớ về những gì tươi đẹp nhất thời thơ ấu. Nhưng người ta có thể nhớ về những gì tươi đẹp nhất thời thơ ấu được bao lâu? Còn việc tận hưởng phần tốt đẹp nhất của tuổi già thì sao? Hay phần tốt đẹp nhất của tuổi già chỉ là thể thôi - nhớ nhung những gì tươi đẹp nhất của thời thơ ấu, nhớ búp măng xinh đẹp từng là cơ thể ông thời ấy, từng lao theo những con sóng ngay từ khi thấy chúng bắt đầu hình thành ngoài xa, lao theo chúng với đôi cánh tay chum lại như đầu mũi tên còn phần người khảng khiu còn lại theo sau như thân tên, lao theo chúng đến tận khi lồng ngực ông cọ vào những viên sỏi tí hon và vỏ sò lởm chởm và vỏ ốc vụn nát ở rìa bãi biển và cuống cuống đứng dậy và vội vàng quay người lao đảo lộn qua những con sóng nhỏ cho đến khi ra đến chỗ nước sâu đến đầu gối và đủ sâu để tiếp tục quăng mình xuống và lại bắt đầu điên cuồng bơi ra phía những con sóng mới đang nổi lên - bơi vào Đại Tây Dương xanh biếc đang phập phồng, không ngừng xô về phía ông như cái sự thật bướng bỉnh về tương lai - và, nếu may mắn, ông sẽ về đến nơi kịp để bắt con sóng lớn tiếp theo, rồi tiếp theo, rồi tiếp theo, rồi tiếp theo nữa cho tới khi ánh mặt trời từ phía đất liền là là chiếu xiên lấp lánh ngang mặt nước cho ông biết, đã đến lúc phải về. Ông chân trần chạy về nhà, ướt nhẹp và mẩn mòi, vừa chạy vừa nhớ lại cái hùng vĩ của biển bao la vẫn còn ùng ục trong tai và liếm cẳng tay nếm nếp làn da tươi mới vì ngâm dưới biển và nung dưới nắng trời. Cùng với cảm giác ngất ngây sau cả ngày dài bị biển quần cho tơi tả đã đời, hương ấy, vị ấy đã làm say lòng ông để rồi đẩy ông đến nước muốn cắn ngập răng mà xé ra một mảnh chính mình và nhấm nháp sự tồn tại của mình bằng xương bằng thịt.

Trên đôi gót chân trần ông thoăn thoắt đi qua vỉa hè xi măng vẫn còn nóng nắng ngày và khi về đến căn nhà trọ lại quay trở ra buồng tắm ngoài trời vách gỗ dán sùng nước, cát ướt chảy ra khỏi quần bơi khi ông đá nó khỏi chân rồi nhặt lên hứng dưới cùng thứ nước lạnh đang xối ào

ào xuống đầu. Sức mạnh san phẳng của sóng cồn, thử thách của vĩa hè nóng bỏng, cơn choáng váng đến nỗi gai ốc của nước vòi sen lạnh như băng, cái hạnh phúc được có những cơ bắp căng mướt nhú và tay chân thanh mảnh và da thịt rám nắng không tì vết ngoại trừ một vết sẹo mờ sau lần mổ thoát vị khuất tận bên dưới háng - những ngày tháng Tám ấy, sau khi tàu ngầm Đức đã bị tiêu diệt và chẳng còn xác gã thủy thủ nào chết đuối mà lo, chẳng có gì lại không rõ ràng đến tuyệt diệu. Và chẳng có lý do gì mà ông không coi sự hoàn hảo thể chất của mình là hiển nhiên.

Đi ăn tối về xong ông thường cố yên vị trong nhà đọc sách. Ông sở hữu một tủ sách toàn sách nghệ thuật khổ lớn xếp kín một bức tường xướng vẽ; ông đã tích góp và nghiên cứu chúng cả đời, nhưng giờ ông không thể ngồi trên ghế đọc lật giở dù chỉ một trang trong số ấy mà không cảm thấy lỗ bịch. Áo tưởng ấy - như giờ ông nghĩ về nó - đã mất đi sức mạnh chi phối ông, và bởi thế những cuốn sách ấy chỉ phóng đại thêm cái kẻ nghiệp dư nực cười đến tuyệt vọng, là chính ông và phóng đại cái vô nghĩa trong cuộc theo đuổi mà vì nó ông đã cống hiến cả tuổi về hưu của mình.

Nỗ lực giết thêm chút thì giờ bằng cách ở bên những cư dân khác của Starfish Beach cũng bất khả chịu đựng không kém. Không giống như ông, nhiều người bọn họ không những có khả năng xây dựng cả một cuộc hội thoại xoay quanh chuyện cháu chắt mà còn có thể tìm thấy đủ cơ sở để tồn tại nhờ sự tồn tại của đám cháu ấy. Kẹt giữa sự bầu bạn của họ, đôi khi ông được trải nghiệm nỗi cô đơn dưới dạng cơ hồ thanh khiết nhất. Và ngay cả những người cùng làng hưu chu đáo, giỏi nói chuyện mà lâu lâu lại phải gặp đến hơn một lần thì cũng chẳng có gì thú vị. Hầu hết các cư dân già nua ở đây đều yên ả trong hôn nhân hàng thập kỷ và vẫn còn kết nối được với phần còn lại, dù có là gì, của hạnh phúc lứa đôi nhiều đến mức hiếm khi nào ông bắt gặp một người chồng đi ăn trưa một mình không có vợ. Mặc dù thỉnh thoảng vào lúc tắt nắng hay những chiều Chủ nhật ông có nhìn những cặp vợ chồng như thế thêm khát tới đâu, thì vẫn cần tính đến những giờ còn lại của tuần, và cuộc sống của họ không phải thứ dành cho ông, khi ông đã u sầu cực đỉnh. Kết luận là lẽ ra ngay từ đầu ông đã không nên chuyển tới một cộng đồng thế này. Ông đã dời đi đúng vào lúc điều tuổi tác đòi hỏi nhiều nhất là hãy bám rễ thật chắc như gần ấy năm ông vẫn điều hành phòng sáng tạo ở hãng. Sự ổn định luôn tiếp sức cho ông, nhưng sự trì trệ thì không bao giờ. Và nơi đây chính là tù hãm. Nơi đây vắng mặt mọi dạng thức an ủi, một sự cần cỗi mượn danh an ủi, và không lối trở lại niềm an ủi đích thực. Một cảm giác về tha tính xâm chiếm ông - "tha tính", từ miêu tả một tình trạng tồn tại trong tiếng mẹ đẻ của ông nhưng với ông vẫn gần như tiếng nước ngoài cho tới khi học viên Millicent Kramer dùng nó một cách khó chịu để than về tình trạng sức khỏe của bà. Chẳng gì còn nhen lên ở ông ngọn lửa tò mò, hay đáp lại các nhu cầu của ông, không phải vẽ vòi, không phải gia đình, không phải hàng xóm, không gì ngoài người phụ nữ trẻ sáng sáng đi bộ bên ông trên lối đi lát ván. Trời ơi, ông nghĩ, cái gã từng là mình ấy! Cái cuộc sống từng vây quanh mình! Cái sức mạnh từng là của mình! Chẳng cảm thấy "tha tính" ở bất cứ đâu! Ngày xưa ngày xưa mình từng là một con người trọn vẹn.

# Phần 15

Có một cô gái đặc biệt mà ông chưa lần nào quên vậy mỗi lần cô chạy bộ ngang qua, và vào một buổi sáng nọ ông khởi sự làm quen với cô. Trước đó lần nào cô cũng mỉm cười vẫy tay đáp lại, nhưng rồi lần nào ông cũng buồn bã nhìn cô chạy xa. Lần này thì ông ngăn cô lại. Ông gọi lớn, "Cô ơi, cô ơi, tôi muốn nói chuyện với cô," và thay vì lắc đầu từ chối rồi lướt qua như gió nói "Lúc này thì không được" như ông hoàn toàn hình dung ra, cô đã ngoái lại rồi rảo bước về phía ông đang đợi bên những bậc thang lát gỗ dẫn xuống bãi biển, tay chống nạnh đứng lại cách ông chưa đến nửa mét dài, đầm mồ hôi, một sinh vật được tạo hình hoàn hảo. Khi nhịp thở đã trở lại bình thường, cô di di một chân đi giày chạy xuống ván lát như một chú ngựa non, mắt ngược lên nhìn người đàn ông không quen biết đeo kính cao hơn mét chín đầu gọn sóng toàn tóc bạc. Hóa ra, thật tình cờ, cô đã làm việc được bảy năm tại một hãng quảng cáo ở Philadelphia, sống ở vùng bờ biển này và hiện đang trong kỳ nghỉ hai tuần. Khi ông nói với cô tên của hãng quảng cáo tại New York nơi ông đã làm việc gần như cả đời cô thấy cực kỳ ấn tượng; sếp của ông là một huyền thoại, và suốt mười phút tiếp đó họ chỉ nói những chuyện quảng cáo vốn chưa bao giờ làm ông thích thú. Cô hẳn đang ở cuối độ hai mươi, nhưng, với mái tóc xoăn dài màu nâu đỏ buộc ngược ra phía sau, quần soóc thể thao, áo quây và vóc người nhỏ bé, cô có thể bị nhầm với trẻ mười bốn. Ông liên tục phải cố gắng ngăn ánh mắt mình khỏi rớt xuống phần nhô lên đang phập phồng theo mỗi nhịp cô thở. Thật khổ sở khi phải bỏ qua. Ý nghĩ này là một sự lãng mạ lương thức và đe dọa sự tỉnh táo của ông. Con phần khích của ông so với bất cứ điều gì từng xảy ra hoặc có khả năng xảy ra đều không tương xứng. Không những ông phải che giấu ham muốn của mình; để không phát điên ông còn cần phải tiêu diệt nó. Nhưng một cách dai dẳng ông vẫn tiếp tục như đã lên kế hoạch, vẫn ngờ rằng còn một vài tổ hợp từ ngữ bằng cách nào đó sẽ cứu ông khỏi thất bại. Ông nói, "Tôi đã để ý cô chạy." Cô khiến ông ngạc nhiên khi đáp lại, "Tôi đã để ý là ông để ý tôi." "Dám chơi không?" ông nghe thấy mình hỏi cô, nhưng cảm thấy cuộc chạm trán lúc này đã vượt khỏi kiểm soát và rằng mọi chuyện đang đi quá nhanh - cảm thấy, nếu chuyện này có thể, còn liêu lĩnh hơn hồi ông quàng cái dây chuyền trị giá một gia tài nho nhỏ ấy lên cổ Merete hồi ở Paris. Phoebe người vợ tận tụy và Nancy đứa con thương yêu ở nhà tại New York chờ ông về - mới hôm trước ông còn nói chuyện với Nancy, chỉ vài tiếng sau khi con bé trở về từ trại hè - nhưng ông vẫn bảo với cô bán hàng, "Chúng tôi sẽ lấy nó. Cô không cần gói đâu. Đây, Merete, để anh làm cho. Anh được sinh ra với loại móc khóa dây chuyền này trong miệng đấy. Nó được gọi là móc khóa dạng hộp thuận. Hồi những năm ba mươi, khóa dạng này là chắc nhất với một chiếc dây chuyền thể này. Lại đây nào, đưa cổ ra đây nào." "Thế ông đã nghĩ ra những gì rồi?" cô gái chạy bộ đáp lời táo bạo, táo bạo đến mức ông thấy mình rơi vào thế yếu và không biết phải trả lời thẳng thắn đến mức nào. Bụng cô râm nắng, cánh tay gầy, cặp mông nổi bật tròn lẳn và rắn chắc, đôi chân thanh mảnh với những đường cơ khỏe mạnh còn ngực thì quả là đáng kể so với một người chẳng cao hơn mét rưỡi là bao như cô. Cô có vẻ khêu gợi đầy đủ của những cô gái Varga [\[8\]](#) trong hình minh họa tạp chí thập niên 1940, nhưng là một cô gái Varga thu nhỏ, giống trẻ con, cũng là lý do tại sao từ đầu ông lại vẫy tay với cô.

Ông đã nói "Dám chơi không?" và cô đã đáp, "Thế ông đã nghĩ ra những gì rồi?" Giờ sao đây? Ông tháo kính ra để cô có thể nhìn thấy mắt ông khi ông nhìn cô chăm chặp từ đầu đến chân. Liệu cô có hiểu khi trả lời ông như vậy có nghĩa là cô đã ám chỉ gì không? Hay đó chỉ là một câu nói chỉ để nói, chỉ để nghe có vẻ tự chủ ngay cả khi cô đang hoảng sợ và không hiểu gì? Cách đó ba mươi năm ông hẳn đã không hề nghi ngờ kết quả của việc theo đuổi cô, dù cho cô có trẻ như vậy, và khả năng bị từ chối ê chề hẳn đã không thể xảy ra với ông. Nhưng niềm vui mà lòng tự tin mang lại đã mất, cùng với nó là tính bông lơn dẫn dắt cuộc chuyện trò. Ông cố hết sức che giấu nỗi lo lắng của mình - và cả thôi thúc được đụng chạm - và cơn khát có được một cơ thể như thế - và tính phù phiếm của tất cả những chuyện này - và sự tầm thường của ông - và có vẻ như đã thành công, vì khi ông lấy một mảnh giấy ra khỏi ví rồi viết số điện thoại, cô không

nhăn mặt vừa cười nhạo ông vừa chạy vụt đi mà chỉ nở một nụ cười đồng thuận lành hiền như mèo, kiểu nụ cười rất dễ đi kèm thêm một tiếng gừ gừ thích thú. "Cô biết tôi ở đâu rồi đấy," ông nói, cảm thấy trong quần mình cứng lên đến không tin nổi, nhanh đến thần kỳ, cứ như thể ông mới mười lăm. Và cũng cảm thấy cái cảm giác sắc nét của sự cá tính hóa, tính độc nhất siêu phàm vốn là đặc trưng của một cuộc chạm trán giới tính hay một cuộc tình tươi mới và là cực đối lập với sự giải nhân cách hóa của bạo bệnh. Cô sẫm soi mặt ông bằng đôi mắt to màu xanh biển sống động. "Ở ông có cái gì đó rất đặc biệt," cô ân cần nói. "Phải, có đấy," ông bật cười, "tôi sinh tận năm 1933." "Trông ông rất hợp với tôi," cô bảo ông. "Cô trông cũng rất hợp với tôi," ông đáp. "Cô biết phải tìm tôi ở đâu rồi đấy." Đây vẻ quyến rũ cô dùng đưa mảnh giấy trong không, như thể nó là một chiếc chuông nhỏ và trước niềm hạnh phúc của ông nhét nó vào sâu trong chiếc áo quây trước khi trở lại con đường chạy tiếp.

Cô chẳng bao giờ gọi. Và mỗi lần đi bộ ông chẳng bao giờ còn trông thấy cô nữa. Hẳn cô đã quyết định tập chạy trên một lối khác, bằng cách đó cản bước nổi mong mỏi của ông về một lần bùng nổ vĩ đại cuối cùng.

Ngay sau hành động nực cười với em Varga trông như bé gái mặc quần soóc áo quây, ông quyết định bán căn condo rồi chuyển về New York. Ông coi việc từ bỏ bờ biển này là một thất bại, một thất bại đau đớn cũng gần như chuyện đã xảy ra với tư cách họa sĩ của ông trong suốt nửa năm qua. Trong ba năm ông đã sống theo đúng kiểu nghỉ hưu mình từng suy tính thậm chí từ trước vụ 11/9; thảm họa 11/9 xảy ra tưởng đã làm tăng cơ hội cho ông làm một thay đổi lớn, nhưng trên thực tế nó chỉ đánh dấu khởi đầu sự yếu đuối và nguồn gốc cảnh tha hương của ông. Nhưng giờ ông sẽ bán nhà rồi về New York, tìm một chỗ gần Nancy trên khu Thượng Tây. Vì chỉ trong một thời gian ngắn kể từ khi ông mua, giá căn nhà của ông đã tăng gần gấp đôi, nên có lẽ ông sẽ có thể đủ tiền mặt mua một chỗ gần Columbia đủ rộng cho tất cả bọn họ, chung sống dưới một mái nhà. Ông sẽ trả tiền sinh hoạt phí cho cả nhà còn Nancy có thể lo được cho bản thân và nuôi con. Cô có thể giảm bớt thời gian đi làm còn ba buổi một tuần và dành cả bốn ngày còn lại cho bọn trẻ, như cô hằng ao ước - nhưng không thể vì thiếu tiền - từ khi đi làm trở lại sau nghỉ đẻ. Nancy, hai đứa sinh đôi, và ông. Đó là một kế hoạch đáng đề nghị với cô. Có thể cô sẽ không ngại ông giúp, mà ông thì đang khát khao có ai đó thân thiết ở bên, người ông có thể cho đi và được nhận lại, và trên đời này, còn ai tốt hơn Nancy?

Ông cho mình vài tuần để quyết định xem kế hoạch này khả thi đến đâu và đánh giá xem nếu đưa nó ra thì mình có vẻ tuyệt vọng tới mức nào. Cuối cùng, khi ông vừa quyết định tạm thời sẽ khoan đề nghị gì với Nancy mà đi New York một ngày, tìm hiểu khả năng tìm được một căn hộ hợp túi tiền, đủ chỗ cho cả bốn người bọn họ sống thoải mái đã, thì tin xấu dồn dập đổ đến qua điện thoại, hôm trước là về Phoebe và hôm sau là về ba đồng nghiệp cũ.

Ông biết tin Phoebe bị đột quỵ khi điện thoại đổ chuông vào lúc hơn sáu rưỡi sáng một chút. Nancy gọi từ bệnh viện. Một tiếng trước đó Phoebe đã gọi Nancy báo mình không khỏe, và trước khi Nancy đưa được bà tới phòng cấp cứu, lưỡi bà đã lú lịu lại khiến hầu như chẳng ai hiểu được bà nói gì còn tay phải đã mất khả năng cử động. Họ vừa chụp cộng hưởng từ xong và Phoebe đang nghỉ trong phòng.

"Đột quỵ ư? Với một người trẻ trung và khỏe mạnh như mẹ con? Có liên quan gì tới chứng

đau nửa đầu không? Có thể như thế không?"

"Họ nghĩ là do loại thuốc chữa đau nửa đầu mẹ vẫn uống," Nancy nói. "Đó là loại thuốc đầu tiên có tác dụng. Mẹ biết thuốc đó có một nguy hiểm nhỏ là gây ra đột quỵ. Mẹ biết. Nhưng một khi đã thấy nó có tác dụng, một khi mẹ đã cắt được cơn đau lần đầu tiên trong vòng năm mươi năm, mẹ quyết định nó đáng để mạo hiểm. Mẹ đã có ba năm thần kỳ thoát khỏi cơn đau. Đó là tuyệt phúc."

"Đến tận bây giờ," ông buồn bã nói. "Đến tận nước này. Con có muốn ba lái xe tới không?"

"Con sẽ báo tin cho ba. Để xem tình hình thế nào đã. Họ tin là mẹ đã qua cơn nguy kịch."

"Mẹ con có phục hồi được không? Bà ấy sẽ nói lại được chứ?"

"Bác sĩ bảo vậy. Ông ấy nghĩ mẹ sẽ phục hồi một trăm phần trăm."

"Tuyệt quá" ông nói, nhưng thầm nghĩ, Để xem điều ông ta nghĩ trong một năm tới sẽ thế nào.

Ông thậm chí còn không cần hỏi, Nancy đã nói, "Khi xuất viện, mẹ sẽ về ở với con. Matilda sẽ trông mẹ ban ngày còn con sẽ lo trong khoảng thời gian còn lại." Matilda là vú em người Antigua and Barbuda, Nancy thuê để chăm sóc bọn trẻ khi cô phải đi làm trở lại.

"Thế thì tốt," ông nói.

"Mẹ sẽ bình phục hoàn toàn, nhưng quá trình phục hồi sẽ mất nhiều thời gian."

Chính ngày hôm đó ông đã định lái xe đi New York để bắt đầu tìm một căn hộ cho tất cả bọn họ; nhưng thay vì thế, sau khi nói chuyện với Nancy, ông vào thành phố thăm Phoebe ở bệnh viện và rồi tối đó lại lái xe trở lại bờ biển đơn độc sống tiếp đời mình ở đó. Nancy, hai đứa sinh đôi, và ông - ngay từ đầu đã thật là một ý tưởng nực cười, và thiếu công bằng nữa, một sự từ bỏ cam kết ông tự đặt ra với mình cái thời mới chuyển tới bờ biển, cam kết sẽ bảo vệ đứa con gái quá nhiệt tình khỏi những nỗi sợ và sự mong manh của một lão già. Giờ thì Phoebe ốm đến thế, và cái thay đổi ông tưởng tượng ra cho họ ấy dường nào cũng bất khả thi, và ông quyết tâm sẽ không bao giờ ấp ủ bất cứ kế hoạch nào dạng đó cho Nancy nữa. Ông không thể để cô thấy ông như tình trạng thực.

Tại bệnh viện, Phoebe nằm đó trông bàng hoàng. Ngoài lú lợ do cơn đột quỵ gây ra, giọng bà yếu đến hầu như không nghe rõ, và bà gặp khó khăn khi nuốt. Ông phải ngồi tựa hẳn vào giường mới hiểu được bà nói gì. Đã hơn hai thập kỷ rồi chân tay họ không ở gần nhau như thế, từ hồi ông khởi hành đi Paris rồi ở đó với Merete trong khi chính mẹ ông chết vì đột quỵ.

"Bị liệt thật là khủng khiếp" bà bảo ông, dăm dăm nhìn xuống cánh tay phải bất động bên mình. Ông gật đầu. "Cứ nhìn nó," bà nói, "rồi bảo nó cử động đi..." Ông chờ trong lúc nước mắt lăn dài trên mặt bà và bà khó nhọc kết thúc câu nói. Khi bà không thể, ông giúp bà. "Mà nó cứ trơ ra," ông nhẹ nhàng nói. Bà gật đầu, và ông nhớ lại cơn bùng nổ nóng bỏng hùng hồn theo sau sự phản bội của ông. Ông ao ước biết bao rằng giờ bà lại có thể đội thứ dung nham ấy lên

ông. Bất cứ thứ gì, bất cứ thứ gì, một bản luận tội, một bài phản đối, một bài thơ, một chiến dịch quảng cáo cho hãng Hàng không Mỹ, một bài quảng cáo một trang cho Reader's Digest- bất cứ thứ gì miễn là bà có thể phục hồi khả năng nói! Phoebe đầy ngôn từ khô khan, Phoebe thẳng thắn và cởi mở, đã bị khóa lưỡi! "Đó là điều tồi tệ nhất có thể hình dung ra," bà nặng nhọc bảo ông.

Vẻ đẹp của bà, từ đầu đã mong manh, đã bị nghiền nát và vỡ vụn, và dù cao như thế, dưới lớp chăn bệnh viện trông bà như teo rút lại và sắp mục ruỗng. Làm sao tay bác sĩ ấy dám bảo Nancy rằng chuyện tàn nhẫn đã đổ xuống đầu bà ấy sẽ không để lại dấu vết gì lâu dài cơ chứ? Ông rướn người ra phía trước chạm vào tóc bà, mái tóc mềm mại bạc trắng, cố hết sức ngăn mình không khóc và một lần nữa nhớ lại - những cơn đau nửa đầu, ngày Nancy chào đời, ngày ông gặp Phoebe Lambert ở hãng, sợ hãi, ngây thơ đến thú vị, một cô gái được nuôi dạy tử tế và, không như Cecilia, không hề bị đám mây lịch sử tan nát nào của tuổi thơ hỗn loạn phủ bóng tâm hồn, mọi thứ ở bà đều lạnh lạnh và lạnh mạnh, ơn trời không có xu hướng quá khích, nhưng cũng không hề đơn giản: một tính cách tự nhiên tuyệt vời nhất mà giáo phái Quaker ở Pennsylvania và đại học Swarthmore có thể tạo ra. Ông nhớ bà đã trích dẫn từ trí nhớ cho ông, một cách chính xác bằng tiếng Anh thời Trung cổ và không phải để phô trương, phần lời tựa cho *The Canterbury Tales* [\[9\]](#) và, còn nữa, cách diễn đạt cũ đến ngạc nhiên học được từ người cha kiểu cách của mình, những câu như "Hiếu được cái này hẳn phải khổ sở lắm đây" và "Nói thế cũng chẳng đến nỗi quá oan," đã khiến ông phải lòng bà ngay cả khi chưa hề trông thấy bà sai bước mạnh mẽ qua cửa phòng làm việc của ông, một phụ nữ trẻ chín chắn, người duy nhất trong cơ quan không tô son môi, cao và không có ngực, mái tóc đẹp buộc ra sau khoe cả chiếc cổ thon và đôi tai dái nhỏ thanh tú của một đứa trẻ. "Sao thỉnh thoảng anh cứ cười khi em nói thế," bà hỏi ông vào lần thứ hai ông đưa đi ăn tối, "sao anh cứ cười khi em hoàn toàn nghiêm túc?" "Vì em quyến rũ anh, mà em chẳng hề biết sức quyến rũ của mình." "Còn nhiều điều phải học quá," bà nói khi ông đi cùng taxi đưa bà về nhà; khi ông nhẹ nhàng đáp, không cảm thấy một gợn vội vàng, "Anh sẽ dạy em," bà đã phải lấy hai tay che mặt. "Em đang đỏ mặt. Em đỏ mặt mất thôi," bà nói. "Ai không đỏ mặt chứ?" ông đáp, và ông tin rằng bà đỏ mặt vì nghĩ ông đang có ý nói đến chủ đề ngoài câu chuyện giữa họ khi ấy - không phải về những tác phẩm bà chưa từng được xem - mà là về đam mê tình dục, và đúng là ông có ý đó thật. Trong chiếc taxi ấy ông không hề nghĩ tới việc cho bà xem tranh của Rembrandt ở bảo tàng Metropolitan mà chỉ nghĩ tới những ngón tay dài và khuôn miệng rộng của bà, dù chẳng bao lâu sau đó ông đã đưa bà tới không chỉ bảo tàng Metropolitan mà còn cả Modern, Frick, và Guggenheim. Ông nhớ bà cười đùa giữa những cơn cát ấy. Ông nhớ họ, vào cuối buổi chiều, cùng nhau bơi qua vịnh về nhà. Ông nhớ mọi thứ ở người phụ nữ bộc trực, chân thành này đã từng khiến ông phần khích bất ngờ ra sao. Ông nhớ sự cao quý trong tính thẳng thắn của bà. Bà lấp lánh nổi bật ngay trên sự giản dị của mình. Ông nhớ đã từng bảo bà, "Anh không thể sống thiếu em," và bà đáp, "Trước anh chưa ai từng nói với em như thế," và ông thừa nhận, "Chính anh cũng chưa từng nói điều đó với ai."

Mùa hè năm 1967. Phoebe mới hai mươi sáu.

# Phần 16

Rồi hôm sau tin về các đồng nghiệp cũ đến, những người ông từng cùng làm việc và cùng ăn trưa hồi tất cả còn cùng làm ở hãng. Một là chuyên viên giám sát sáng tạo tên Brad Karr, nhập viện bấy lâu vì trầm cảm muốn tự tử; một là Ezra Pollock, bảy mươi tuổi, ung thư giai đoạn cuối; và người thứ ba, sếp của ông, một đại gia lịch thiệp, thông thái luôn nắm thóp các khách hàng béo bở nhất của công ty, kẻ đã thích ai thì chiều như mẹ chiều con mọn, người bao nhiêu năm trời bị hành hạ bởi những cơn đau tim và hậu quả của một lần đột quỵ, và là chủ nhân của bức ảnh khiến ông sửng sốt khi thấy xuất hiện trên mục cáo phó của tờ *Times*: "Clarence Spraco, sĩ quan phụ tá của Eisenhower thời chiến, nhà cải cách ngành quảng cáo, qua đời ở tuổi 84."

Ngay lập tức ông gọi điện cho vợ Clarence lúc ấy đang ở nhà nghỉ hưu của họ trong khu Berkshires.

"Chào Gwen," ông nói.

"Chào anh. Anh thế nào rồi?"

"Tôi khỏe. Chị sao rồi?" ông hỏi.

"Cũng ổn hết rồi. Bọn trẻ đến. Có nhiều người ở bên tôi. Tôi - cũng được giúp đỡ nhiều nữa. Tôi có thể kể với anh nhiều chuyện lắm. Kể ra thì tôi cũng đã chuẩn bị tinh thần, theo một cách chẳng giống ai bao giờ. Lúc về nhà tôi đã thấy ông ấy nằm chết trên sàn, và đó là một cú sốc khủng khiếp. tới lúc đó ông ấy đã chết được vài giờ. Có vẻ như chết vào giờ ăn trưa. Tôi ra ngoài ăn trưa, và thế đấy. Anh biết không, với ông ấy kết cục như vậy lại hay. Nó đột ngột, nên ông ấy không phải chịu thêm một cơn đột quỵ nữa rồi lại bị nó hành cho yếu sức đến mức phải nhập viện."

"Lần này là đột quỵ hay đau tim vậy chị?" ông hỏi.

"Là nhồi máu cơ tim."

"Trước đó anh có thấy ồm ồm gì không?"

"À, huyết áp của ông ấy - chắc, ông ấy gặp rất nhiều rắc rối với huyết áp. Rồi thì cuối tuần trước ông ấy thấy không khỏe lắm. Huyết áp lại tăng."

"Uống thuốc cũng không đỡ à?"

"Họ đã cho ông ấy uống thuốc rồi chứ. Ông ấy uống đủ loại thuốc. Nhưng có lẽ động mạch của ông ấy đã tổn thương nhiều quá rồi. Anh biết đấy, mấy cái động mạch già nua hỏng hóc ấy mà, mà cũng phải đến lúc cơ thể hết chịu nổi chứ. Và lúc đó là thời điểm ông ấy kiệt sức. Mấy đêm trước ông ấy còn bảo tôi, 'Tôi kiệt sức quá.' Ông ấy muốn sống, nhưng chẳng ai có thể làm gì để giữ ông ấy sống lâu hơn nữa. Tuổi già là một trận chiến, anh ạ, không với cái này thì với cái kia. Một trận chiến không khoan nhượng, xảy ra đúng vào lúc ta yếu nhất và ít khả năng

tham chiến nhất."

"Hôm nay trên mục cáo phó có một bài rất hay ca ngợi anh ấy. Họ công nhận anh ấy là một người đặc biệt. Tôi ước gì mình có cơ hội nói với họ vài điều về khả năng nhận ra giá trị của đồng nghiệp tuyệt vời ở anh ấy. Hôm nay trông thấy ảnh anh ấy," ông nói, "tôi lại nhớ một hôm cách đây đã nhiều năm tôi đi ăn trưa cùng một khách hàng ở khách sạn Bốn Mùa, khi ấy chúng tôi đang đi cầu thang xuống sảnh thì tình cờ gặp Clarence. Khách hàng của tôi đang trong tâm trạng cởi mở và ông ta nói, 'Clarence, anh khỏe không? Anh biết giám đốc nghệ thuật trẻ này chứ?' Clarence đáp, 'Biết chứ ơn trời tôi quen biết được cậu ấy. Ơn trời hăng của tôi biết được cậu ấy.' Clarence nói như vậy hết lần này đến lần khác, và không phải chỉ với tôi."

"Ông ấy đánh giá anh cao nhất đấy, anh ạ. Từng từ ông ấy nói đều là thật lòng. Tôi nhớ," bà tiếp, "ông ấy đã phát hiện ra anh ngay từ cả năm trước khi anh về hăng. Ông ấy về nhà, kể tôi nghe về anh mãi. Clarence luôn có mắt phát hiện tài năng sáng tạo, và ông ấy đã nhắc anh ra khỏi đám thử việc và biến anh thành một giám đốc nghệ thuật trước cả khi anh hoàn thành giai đoạn khổ sai phải làm sách quảng cáo phát không."

"Anh ấy rất tốt với tôi. Tôi luôn coi anh ấy như một vị tướng."

"Dưới trướng Eisenhower ông ấy chỉ được làm đến đại tá thôi."

"Với tôi anh ấy luôn là tướng. Tôi có thể tâm sự với chị hàng nghìn điều trong đầu mình lúc này." Lời khuyên của Clarence rằng phang thư ký trong nhà cô ta thì hơn là ở văn phòng không phải là một trong số ấy.

"Anh cứ nói đi. Khi anh nói về ông ấy, cảm giác sẽ như thể ông ấy vẫn còn đây," Gwen nói.

"À, có một hồi hai ba tuần liền đêm nào chúng tôi cũng phải làm việc liên tục đến quá nửa đêm, có khi còn đến mờ sáng, để giành được hợp đồng với Mercedes-Benz. Đó thực sự là một con cá lớn, và chúng tôi làm việc như điên, nhưng vẫn hụt. Khi mọi chuyện kết thúc Clarence nói với tôi, 'Tôi muốn anh đưa vợ đến London làm một kỳ cuối tuần dài. Tôi muốn hai người ở tại Savoy vì đó là khách sạn yêu thích của tôi, và tôi muốn anh cùng Phoebe ăn tối tại Connaught. Cứ tính chi phí cho tôi. Ngày ấy, đó là một món quà khổng lồ, và anh ấy đã tặng cho tôi ngay cả khi chúng tôi đã vượt mất khách hàng. Tôi ước gì mình có thể nói điều đó với báo chí, nói tất cả những chuyện như thế.'"

"À, báo chí cũng tuyệt lắm," Gwen nói. "Thậm chí ở tận đây. Trên tờ *Berkshires Eagle* hôm nay cũng có một bài về ông ấy. Bài dài, ca ngợi ông ấy lắm, kèm cả một bức ảnh tuyệt vời nữa. Họ khai thác rất nhiều những gì ông ấy từng làm hồi chiến tranh và cả chuyện ông ấy là người trẻ nhất quân đội từng được phong hàm đại tá. Tôi nghĩ biết được những công nhận ấy, Clarence sẽ thấy thích thú và hài lòng."

"Chà, nghe giọng chị, lúc này, có vẻ ổn."

"Ừ, dĩ nhiên, giờ thì đã ổn - tôi bận rộn và có rất nhiều người bầu bạn. Khi nào phải ở một mình thì mới tới phần khó kìa."

"Chị dự định thế nào? Chị vẫn tiếp tục ở lại Massachusetts chứ?"

"Ừ, hiện tại cứ thế đã. Chuyện này tôi từng bàn với Clarence rồi. Tôi bảo, 'Nếu ông đi trước tôi, tôi định sẽ bán nhà rồi về lại New York.' Nhưng bọn trẻ không muốn tôi làm vậy, tụi nó nghĩ tôi nên dành cho mình một năm để tĩnh tâm đã."

"Có lẽ chúng nó đúng đấy chị. Người ta hay hối hận, đôi khi thế, về những việc họ vội vã làm."

"Có lẽ vậy," bà đáp. "Thế Nancy sao rồi?"

"Nó ổn."

"Cứ nghĩ đến Nancy hồi nhỏ là tôi lại mỉm cười. Nó thật trong sáng. Tôi vẫn nhớ hai cha con anh cùng nhau hát bài 'Hãy mỉm cười' ở nhà chúng tôi. Hồi ấy mình còn sống ở Tuttle Bay. Đó là một buổi chiều cách nay đã lâu lắm. Anh dạy con bé hát bài đó. Khi ấy nó chừng sáu tuổi là cùng. 'Hãy mỉm cười, dù tim ta đau đớn' - Lời bài hát thế nào ấy nhỉ? - 'hãy mỉm cười dù tim đã vỡ tan...' Anh còn mua cho nó cả đĩa của Nat 'King' Cole nữa. Nhớ không? Tôi thì nhớ."

"Tôi cũng nhớ chứ."

"Thế nó nhớ không? Nancy nhớ không?"

"Tôi chắc là nó cũng nhớ. Gwen, trái tim và suy nghĩ của tôi luôn ở bên chị."

"Cám ơn anh. Rất nhiều người đã gọi điện. Hai hôm nay điện thoại liên tục. Rất nhiều người đã khóc ông ấy, rất nhiều người đã bảo với tôi rằng ông ấy có ý nghĩa ra sao với họ. Giá như Clarence được chứng kiến những điều này. Ông ấy biết rõ giá trị của bản thân với công ty, nhưng anh biết đấy, ông ấy cũng cần được trấn an giống như mọi người khác trên đời."

"Ôi, anh ấy cực kỳ quan trọng với tất cả chúng tôi. Thôi, mình sẽ còn nói chuyện nhiều hơn," ông nói.

"Được rồi. Tôi rất cảm ơn vì anh đã gọi."

Phải mất một lúc ông mới có thể trở lại nói chuyện điện thoại bằng giọng có thể tin là không ủy mị. Vợ Brad Karr cho ông biết Brad đang điều trị tâm thần tại một viện ở Manhattan. Ông có thể gọi trực tiếp đến phòng bệnh của Brad, vừa bấm số vừa nhớ lại cái thời họ cùng nhau làm cái quảng cáo để đời ấy cho hãng cà phê Maxwell House, cái thời họ chỉ là hai thằng nhóc hai mấy tuổi đầu, cùng nhau khởi nghiệp, làm thành một đội gồm một copywriter, một giám đốc nghệ thuật, và cùng nhau phá kỷ lục tỉ lệ khán giả ghi nhớ quảng cáo sau một ngày phát. Họ đạt 34 phần trăm, con số cao nhất trong lịch sử Maxwell House. Hôm đó là tiệc Giáng sinh của nhóm, và Brad biết Clarence sẽ đến, đã nhờ gã bạn nổi khổ của mình làm mấy cái huy hiệu bằng bìa ghi số "34" rồi đưa mọi người đeo. Clarence đã ghé qua chỉ để chúc mừng và thậm chí còn cài lên một chiếc, và con đường sự nghiệp của họ chính thức rộng mở.

"A lô, Brad hả? Chiến hữu cũ gọi từ Bờ biển Jersey đây."

"Xin chào. Chào ông."

"Đồng chí dạo này thế nào? Mấy phút trước tôi vừa gọi đến nhà ông. Lâu lâu tự dưng muốn nói chuyện với ông quá, và Mary bảo ông đang nằm viện. Nên tôi gọi đến đây. Tình hình sao rồi?"

"Chắc, cũng ổn cả. Như cách mấy chuyện thế này vẫn diễn ra."

"Ông cảm thấy thế nào?"

"À, thấy để ở thì còn có nhiều chỗ khá hơn."

"Ở đó tệ lắm à?"

"Nó còn có thể tệ hơn ấy chứ. Ý tôi là, tình cờ thế nào chỗ này lại khá tốt. Cũng được. Đi nghỉ thì tôi khuyên không nên đến đây, nhưng nếu không thì cũng ổn."

"Ông ở đó được bao lâu rồi?"

"Tầm một tuần." Theo lời Mary Karr thì Brad đã ở đó được một tháng, và đó là lần nhập viện thứ hai trong vòng một năm, mà giữa hai lần thì mọi chuyện cũng chẳng lấy gì làm tuyệt hảo. Brad nói rất chậm và run - có lẽ do ảnh hưởng của thuốc - và trĩu nặng tuyệt vọng. "Tôi mong sẽ được ra sớm," ông ấy nói.

"Ông làm gì cả ngày ở đó?"

"À, lấy giấy cắt hình búp bê. Đại loại thế. Đi tới đi lui lảnh lang. Cố gắng giữ tỉnh táo."

"Gì nữa?"

"Trị liệu. Uống thuốc. Tôi cảm thấy như mình là cái kho chứa đủ thứ thuốc trên đời."

"Ngoài thuốc chống trầm cảm ra còn phải uống gì nữa không?"

"Có chứ. Nhưng hầu như vẫn là thuốc trấn thống. Không phải loại giúp lấy lại bình tĩnh, mà là chống trầm cảm luôn. Cũng có tác dụng, chắc thế."

"Ông có ngủ được không?"

"Ồ có. Ban đầu thì có vấn đề một chút, nhưng giờ họ đã giải quyết xong phần đó rồi."

"Ông có hay nói chuyện với bác sĩ không?"

"Có." Brad bật cười, và lần đầu tiên nói nghe có vẻ đúng kiểu ông ấy. "Gã chả được tích sự gì. Nhưng gã tử tế. Gã bảo mọi người cứ phẩn chấn lên rồi mọi chuyện sẽ ổn."

"Bradford này, nhớ cái hồi ông câu Clarence chuyện gì đó rồi dọa thôi việc không? Tôi đã bảo ông đừng có đi. Ông đáp, 'Nhưng tôi đã từ chức rồi.' 'Thì hủy cái đơn từ chức ấy đi,' tôi nói. Rồi ông làm thật. Có ai khác ngoài Clarence và có hãng nào ngoài hãng của chúng ta chịu đựng

nổi mảy trò dở chứng ấy của một copywriter? Ông đã dọa thôi việc hai lần, theo như tôi nhớ. Và ở lại thêm mười năm."

Ông lại khiến Brad bật cười lần nữa. "Ờ, tôi lúc nào cũng điên thế đấy," Brad nói.

"Chúng ta đã làm việc cùng nhau nhiều năm. Những giờ bên nhau vô tận, hàng trăm hàng trăm, có khi còn hàng nghìn hàng nghìn giờ im lặng bên nhau trong văn phòng của tôi hoặc của ông cố giải quyết mọi chuyện."

"Điều đó thật đặc biệt," Brad nói.

"Tôi dám đặt cược luôn. Ông đặc biệt. Và đừng quên điều đó."

"Cảm ơn, chiến hữu."

"À thế còn chuyện ra viện thì sao?" ông hỏi Brad. "Ông nghĩ khi nào được ra?"

"Ôi thực sự thì tôi cũng không biết nữa. Tôi đoán chắc tầm vài tuần. Từ khi vào đây đến giờ tôi thấy đỡ trầm cảm hơn hồi ở ngoài. Tôi thấy gần như tỉnh trí lại rồi. Chắc tôi cũng sắp hồi phục."

"Tin tốt quá. Tôi sẽ còn gọi cho ông. Tôi mong sớm được trò chuyện với ông trong tình trạng tốt hơn."

"Được rồi. Cảm ơn vì đã gọi điện," Brad nói. "Cảm ơn rất nhiều. Ông gọi thế này tôi mừng lắm."

Gác máy xong ông tự hỏi: Brad có biết là mình không? Có thật ông ấy cũng nhớ mọi chuyện như tôi nhớ? Nếu chỉ nghe giọng như thế thì tôi không thể hình dung được có bao giờ ông ấy ra được khỏi đó.

Rồi cuộc điện thoại thứ ba. Ông không thể ngăn mình gọi, dù việc biết tin Brad nhập viện, Clarence chết và chứng kiến cơn đột quỵ hủy hoại Phoebe đã khiến ông trầm tư mất một lúc. Cũng như khi Gwen nhắc ông nhớ lại chuyện mình đã dạy Nancy hát bài "Hãy mỉm cười" như Nat 'King' Cole. Cuộc điện thoại lần này ông gọi cho Ezra Pollock, không ai nghĩ ông ta sống qua được tháng này, nhưng, thật ngạc nhiên, khi Ezra nhắc máy, giọng ông ta nghe như một người đang hạnh phúc toại nguyện và ngạo mạn chẳng khác bình thường là mấy.

"Ez," ông nói, "đang có quả gì đấy? Nghe giọng anh phấn chấn quá."

"Cứ nói chuyện là tôi lại phấn khởi vì nói chuyện là trò giải trí duy nhất của tôi."

"Thế là anh không bị trầm cảm à?"

"Không hề. Tôi làm gì có thì giờ mà trầm cảm. Tôi hoàn toàn tỉnh táo tập trung." Ezra cười lớn rồi tiếp, "Giờ thì tôi đã hiểu thấu mọi chuyện."

"Bao gồm cả bản thân?"

"Ừ, tin hay không thì tùy. Tôi đã trút sạch mấy chuyện vớ vẩn khỏi mình và rốt cuộc cũng sắp đi vào việc chính: tôi vừa khởi thảo cuốn hồi ký về ngành quảng cáo. Trước khi ra đi ta phải đối mặt với sự thật, Ace ạ. Nếu còn sống, tôi sẽ viết cái gì đó tử tế."

"Ừm, đừng quên cho vào đoạn anh bước vào phòng tôi nói, 'Này, hạn chót kinh hoàng của anh đây - sáng mai thứ đầu tiên tôi cần là có phác thảo kịch bản đó trong tay.'"

"Có tác dụng đấy chứ hả?"

"Anh miễn cảm lắm, Ez ạ. Có lần tôi hỏi sao cái loại bột giặt chết tiệt ấy lại dịu nhẹ đến thế với làn da nhạy cảm của phụ nữ, anh đã ném cho tôi hai mươi trang về tính chất lá lo hội. Lần đó chiến dịch của tôi đã giành được giải thưởng dành cho giám đốc nghệ thuật, và đó là nhờ những trang ấy. Lẽ ra giải ấy phải là của anh. Khi nào anh khỏe hơn mình sẽ đi ăn trưa nhé, rồi tôi sẽ mang cái tượng ấy cho anh."

"Nhất trí luôn," Ez nói.

"Còn cơn đau thì thế nào? Có đau lắm không?"

"Có chứ, tôi có đau. Nhưng đã học được cách xử lý. Tôi có đủ thứ thuốc đặc chủng và những năm bác sĩ. Năm. Một bác sĩ chuyên khoa ung thư, một bác sĩ chuyên khoa niệu, một bác sĩ nội khoa, một y tá túc trực đặc biệt, và một nhà thôi miên chuyên giúp tôi vượt qua những cơn buồn nôn."

"Nôn vì cái gì, liệu pháp trị liệu à?"

"Ừ, và bản thân bệnh ung thư cũng khiến ta buồn nôn nữa. Tôi nôn vô tội vạ luôn."

"Đó đã là điều tồi tệ nhất chưa?"

"Đôi khi tuyến tiền liệt của tôi có cảm giác như tôi đang cố tống nó ra ngoài."

"Không cắt bỏ được à?"

"Cắt cũng chẳng tích sự gì. Quá muộn rồi. Vả lại đấy là đại phẫu. Cân nặng tôi thấp. Huyết áp tôi thấp. Đại phẫu như thế sẽ khiến tôi yếu ớt, đã thế còn phải ngưng điều trị. Người ta bảo bệnh sẽ tiến triển chậm thôi, đúng là đại bốc phét," Ezra nói. "Nó tiến triển như chớp. Hồi giữa tháng Sáu tiền liệt tuyến của tôi còn chưa có gì, thế mà đến giữa tháng Tám đã quá muộn không cắt bỏ được nữa. Nó thực sự nhanh. Thế nên hãy để mắt tới cái tuyến đó của mình, anh bạn ạ."

"Tôi rất tiếc phải nghe tất cả những điều này. Nhưng nghe thấy giọng lưỡi anh vẫn như xưa tôi mừng quá. Anh vẫn là anh, chỉ là có thêm mấy chuyện đó thôi."

"Tôi chỉ còn muốn viết cuốn hồi ký này thôi," Ez nói. "Tôi đã nói về nó quá lâu rồi, giờ thì phải bắt tay vào viết. Tất cả mọi chuyện từng xảy ra với tôi trong ngành này. Nếu viết được cuốn hồi ký này, tôi sẽ có thể kể cho mọi người biết tôi là ai. Nếu viết được nó, có chết tôi cũng sẽ ngậm cười. Còn anh thì sao, vẫn làm việc vui vẻ chứ hả? Anh có đang vẽ không? Hồi xưa lúc

nào anh cũng bảo nghỉ hưu sẽ vẽ. Có không?"

"Có, có chứ. Tôi vẽ hằng ngày. Cũng hay," ông nói dối.

"Chắc, anh biết không, trước đây tôi chưa bao giờ có điều kiện mà viết cuốn sách này. Vừa nghỉ hưu là tôi bị tắc mạch ngay lập tức. Nhưng khi bị ung thư thì hầu hết mảng bám đều đã tan đi đâu hết. Giờ tôi có thể làm bất cứ gì mình muốn."

"Thật là một liệu pháp dã man dành cho chúng tắc mạch ở nhà văn."

"Phải đấy," Ez nói, "tôi cũng nghĩ vậy. Tôi không khuyên dùng cách này đâu. À mà này, có khi tôi qua được lần này đấy. Rồi mình sẽ đi ăn trưa và anh sẽ đưa tôi cái tượng. Nếu tôi qua được lần này, bác sĩ bảo tôi sẽ lại có thể sống bình thường."

Nhưng nếu ông ấy đã phải có cả một y tá túc trực đặc biệt thì có vẻ khó có khả năng bác sĩ lại nói điều gì như thế. Hoặc cũng có thể họ cần phải nói cho ông ấy lạc quan, hoặc ông ấy tưởng tượng ra họ nói thế, hoặc có lẽ chỉ là lời phát ra từ sự ngạo mạn của ông ấy, cái sự ngạo mạn tuyệt vời, bất khả diệt hủy của ông ấy. "Chà, tôi mừng cho anh đấy, Ez," ông nói. "Nếu có khi nào muốn nói chuyện với tôi thì gọi số này nhé." Ông đọc số cho Ez.

"Tốt," Ezra nói.

"Lúc nào tôi cũng ở nhà. Nếu anh có hứng thì cứ gọi, gọi cho tôi. Bất cứ lúc nào. Nhé?"

"Tuyệt. Sẽ gọi."

"Được rồi. Rất tốt. Chào anh."

"Chào. Tạm biệt lúc này thôi đấy," Ezra nói. "Nhớ đánh bóng cái tượng."

Hàng giờ sau ba cuộc điện thoại nối tiếp nhau ấy - và sau những lời động viên sáo rỗng và phù phiếm biết trước mình sẽ nói, sau nỗ lực hồi sinh tính dí dỏm già nua bằng cách hồi sinh - ký ức về cuộc đời của ba đồng nghiệp, bằng cách tìm lời động viên những kẻ tuyệt vọng và đem họ lại từ miệng vực - giờ điều ông muốn làm không chỉ là gọi điện nói chuyện với con gái, người ông đã thấy ở bệnh viện với Phoebe, mà còn muốn hồi sinh tinh thần của chính mình bằng cách gọi điện chuyện trò với cha mẹ. Nhưng những gì ông vừa biết được chẳng là gì nếu đem so sánh với cuộc tấn công dữ dội không thể tránh được là cái kết của cuộc đời. Nếu như ông biết được nỗi khổ sở góm ghê của từng người đàn ông, đàn bà ông tình cờ quen biết trong suốt gần ấy năm đi làm, biết được câu chuyện của từng người về những ân hận, và mất mát, và khắc kỷ, về sợ hãi và hoảng loạn, và cô đơn, và lo âu, nếu như ông biết được tất cả những gì cuối cùng họ phải lìa xa, những gì một thời từng tuyệt đối thuộc về họ và họ, một cách có hệ thống, đã bị hủy diệt như thế nào, thì hẳn ông đã phải ôm điện thoại từ sáng đến đêm, gọi ít ra là cả trăm cuộc nữa. Tuổi già không phải là một trận chiến; tuổi già là một cuộc thẩm sát.

# Phần 17

Lần kế tiếp ông đến bệnh viện để kiểm tra động mạch cảnh định kỳ hằng năm, âm vang đồ cho thấy động mạch cảnh còn lại cũng đã bị tắc nghiêm trọng và phải phẫu thuật. Điều này có nghĩa là ông sắp đạt thành tích bảy năm nhập viện liên tiếp. Nhận được tin mà ông chết điếng - nhất là khi vừa sáng hôm đó đã nghe điện báo tin Ezra Pollock chết - nhưng ít ra thì lần này ông vẫn được bác sĩ cũ phẫu thuật ở chính bệnh viện cũ, và đã có đủ hiểu biết để không chịu cảnh gây tê cục bộ mà thay vì thế đề nghị được gây mê hoàn toàn. Từ trải nghiệm mổ mạch lần trước, ông cố hết sức tự thuyết phục mình rằng sẽ chẳng có gì đáng lo, thậm chí ông còn chẳng buồn báo cho Nancy, đặc biệt là trong khi cô vẫn còn phải chăm lo cho mẹ. Tuy vậy, ông vẫn kiên quyết nỗ lực tìm Maureen Mrazek, dù chỉ vài tiếng sau là mọi đầu mối ông có thể có để xác định nơi cô đang sống đã cạn kiệt hoàn toàn.

Vậy là còn mỗi Howie, tính đến lúc này thì ông đã lâu không liên lạc khá lâu rồi. Cứ như thế ngay khi bố mẹ họ qua đời tất tậ mọi xung lực trước đây bị cấm cản hoặc thậm chí chưa từng tồn tại trong ông bỗng được buông cương, và việc ông trút hết oán giận vào chúng, dưới dạng cơn giận dữ của một kẻ ốm yếu - dưới dạng cơn giận dữ và tuyệt vọng của một kẻ ốm yếu không niềm vui không sao thoát khỏi cái bẫy chí mạng của tình trạng bệnh tật kéo dài, thứ sẽ bóp méo mọi cá tính - đã phá hủy mối liên kết cuối cùng của ông với những người thân yêu nhất. Tình yêu đầu tiên trong đời ông là với anh trai. Thứ duy nhất vững chắc trong suốt cuộc đời ông là niềm ngưỡng mộ ông dành cho con người tốt đẹp ấy. Ông đã làm hỏng hết cả ba cuộc hôn nhân, nhưng trong suốt cuộc đời trưởng thành mối quan hệ của ông với anh trai vẫn thực sự ổn định. Howie không bao giờ phải chờ đến khi ông có lời mới giúp. Vậy mà bây giờ ông đã mất ông ấy, theo cùng một cách ông đánh mất Phoebe - bằng cách đánh mất chính mình. Ông phải hoàn thành nốt quá trình phân hoại của gia đình ban đầu, cứ như thể không phải số người có ý nghĩa với ông và còn sống đang ngày càng ít ỏi. Nhưng phân hoại gia đình vốn là chuyên môn của ông. Chẳng phải chính ông đã cướp khỏi tay ba đứa trẻ một tuổi thơ êm ả và sự bảo vệ yêu thương suốt đời của một người cha như người cha mà chính ông đã hằng yêu kính, người cha chỉ thuộc về ông và Howie, người cha mà ngoài họ ra chẳng ai khác có được đó sao?

Khi nhận ra tất cả những thứ mình từng xóa sổ, tự tay và chẳng vì lý do gì có vẻ ra hồn, và cả những gì còn tồi tệ hơn, đi ngược lại mọi dự định của ông, đi ngược lại ý chí của ông - nhận ra sự cay nghiệt của ông dành cho người anh trai chưa một lần đối với ông cay nghiệt, người luôn có thể khiến ông yên lòng và luôn có mặt để giúp đỡ, nhận ra việc ông rời bỏ tổ ấm đã tác động ra sao lên con cái - khi bẽ bàng nhận ra mình đang teo lại thành kẻ nào đó, mà mình không hề muốn không chỉ về mặt thể chất, ông bắt đầu đấm ngực, mỗi nhịp đấm lại một lời tự trách, và xém vài phân nữa là trúng vào máy khử rung tim. Vào khoảnh khắc ấy, ông biết rõ hơn những gì cả Randy lẫn Lonny có bao giờ biết được rằng ông thiếu sót ở đâu. Con người bình thường vốn trầm tĩnh này tự đấm dữ dội vào tim như một gã điên đang cầu nguyện, và, bị nổi hối hận tấn công dữ dội, hối hận không chỉ vì lỗi lầm này mà còn vì mọi lỗi lầm khác, mọi lỗi lầm ngu ngốc, không thể trốn tránh, không thể xóa bỏ - bị cuốn đi trong khổ đau vì những thiếu sót của bản thân nhưng vẫn hành động như thể mọi sự tình cờ không hiểu nổi của đời này đều là do

Ông - ông nói to, "Thậm chí không có cả Howie! Kết thúc như thế này, thậm chí còn không có anh ấy!"

Ở trang trại của Howie tại Santa Barbara có một căn nhà nghỉ mát cho thuê rộng gần bằng ngôi condo hiện tại của ông. Nhiều năm trước, ông, Phoebe và Nancy từng đến nghỉ hè hai tuần tại đó trong lúc Howie đi nghỉ cùng gia đình ở châu Âu. Ngay ngoài cửa ra vào là bể bơi, lũ ngựa nuôi ở tít trên đồi, và có nhân viên phục vụ nấu nướng, chăm lo cho họ. Tin gần nhất ông biết là một trong số mấy đứa con của Howie - Steve, một nhà hải dương học - đang tạm sống ở đó cùng bạn gái. Liệu ông có dám hỏi không nhỉ? Liệu ông có thể nào đến thẳng nhà mà bảo anh trai rằng ông muốn đến ở căn nhà đó vài tháng cho tới khi nghĩ ra tiếp đó mình định sống thế nào và ở đâu? Giá như sau cuộc phẫu thuật này ông có thể bay tới California và tận hưởng sự bầu bạn của anh trai trong lúc hồi phục...

Ông nhắc điện thoại lên và nhấn số Howie. Máy trả lời tự động đáp lời và ông để lại tên cùng số điện thoại. Khoảng một tiếng sau Rob, con trai út của Howie, gọi lại cho ông. "Bố mẹ cháu," Rob nói, "đang ở Tây Tạng." "Tây Tạng? Họ làm gì ở Tây Tạng?" Ông tin rằng họ đều đang ở Santa Barbara và Howie chỉ không muốn nghe điện thoại của ông thôi. "Bố cháu đi công chuyện ở Hồng Kông, chắc là họp ban lãnh đạo, còn mẹ cháu đi cùng. Rồi họ đi thăm Tây Tạng luôn." "Người phương Tây cũng được phép vào Tây Tạng à?" Ông hỏi thẳng cháu trai. "Ờ, dĩ nhiên rồi," Rob nói. "Họ sẽ ở đó thêm ba tuần nữa. Chú có nhắn gì không ạ? Cháu có thể email cho họ. Cháu toàn làm thế khi có người gọi điện tìm họ mà." "Không, không cần đâu," ông nói. "Mấy anh em cháu sao rồi, Rob?" "Mọi người đều ổn cả chú ạ. Chú thì sao?" "Chú đang định đến chơi," ông nói, rồi gác máy.

Thế đấy, ông đã bị ly dị ba lần, từng là một gã chồng hàng loạt được nhận dạng qua sự tận tụy cũng chẳng kém qua những hành động xấu và sai lầm, và ông sẽ phải tiếp tục xoay xở một mình. Từ giờ trở đi ông sẽ phải xoay xở mọi việc một mình. Thậm chí ngay từ tuổi hai mươi, thời ông nghĩ mình là kẻ bảo thủ nhàm chán, cho đến tận tuổi năm mươi, ông vẫn luôn nhận được sự chú ý từ mọi phụ nữ mình muốn; từ khi ông đi học trường nghệ thuật điều đó chưa bao giờ ngừng lại. Cứ như thể số phận của ông chẳng thể nào khác. Nhưng rồi điều bất khả mục kiến đã xảy ra, bất khả dự kiến và bất khả tiên đoán: ông sống được gần ba phần tư thế kỷ, và cái cách sống năng động, hữu ích liền biến mất. Ông không còn sở hữu sức hấp dẫn giới tính của một người đàn ông cũng chẳng còn có thể gieo nổi những niềm vui nam tính, và ông cố đừng nhớ chúng nhiều quá. Khi ở một mình, đã có thời gian ông cảm thấy yếu tố đã mất ấy bằng cách nào đó sẽ trở lại, và một lần nữa biến ông thành bất khả xâm phạm và tái khẳng định ưu thế của ông, thứ quyền năng đã bị hủy diệt một cách sai lầm ấy sẽ được phục hồi và ông có thể bắt đầu lại tại chính nơi đang dở cách đây chỉ vài năm. Nhưng giờ có vẻ như ông cũng như bất cứ người già nào khác, cũng đang trong quá trình tan biến dần đi, và sẽ phải nhìn từng ngày vô mục đích, trôi đến kết cục y như hiện tại ông đang nhìn - những ngày vô mục đích và những đêm bất an và bất lực chịu đựng sự suy giảm thể chất, và nỗi buồn bất tận, và chờ đợi, và chờ đợi chẳng một điều gì. Nó sẽ như thế đấy, ông nghĩ, đó là những gì ta không thể biết.

Người đàn ông từng bơi qua vịnh cùng mẹ Nancy đã đi đến nơi có nằm mơ ông cũng không ngờ. Đã đến lúc phải lo rằng mình sắp tan thành cát bụi. Tương lai xa đã đến rồi.

Một sáng thứ Bảy cách ngày hẹn phẫu thuật chưa đầy một tuần - sau một đêm mơ kinh khủng khiến ông bật dậy lúc ba giờ sáng hồng hộc thở và phải bật hết đèn trong nhà lên để xoa dịu nỗi sợ và chỉ có thể ngủ trở lại dưới ánh đèn - ông quyết định sẽ tốt cho ông nếu đi New York gặp mẹ con Nancy và thăm Phoebe lần nữa, giờ bà đã được về nhà có y tá chăm sóc. Thường thì sự độc lập chủ tâm, vẫn cấu thành nên sức mạnh nền tảng của ông; đó cũng là lý do vì sao ông có thể bắt đầu một cuộc sống mới tại một địa điểm mới mà chẳng quan tâm đến việc bỏ lại gia đình và bạn bè sau lưng. Nhưng kể từ khi ông từ bỏ mọi hy vọng được sống với Nancy hay ở lại nhà Howie, ông cảm thấy mình bị biến thành một sinh vật non nớt đang yếu ớt thêm mỗi ngày. Có phải lần nhập viện sắp tới, lần thứ bảy trong bảy năm liên tiếp, đã nghiền nát lòng tự tin ở ông? Hay đó là cái viễn cảnh mình đang từ từ tiến tới tình trạng bị những suy nghĩ về thuốc thang bệnh tật chiếm lĩnh đến mức chẳng còn nghĩ được gì khác? Hay là vì ông đã nhận ra rằng, cứ mỗi lần nhập viện, từ thời thơ ấu tiếp diễn đến tận cuộc đại phẫu sắp tới này, số người hiện diện bên giường ông lại giảm đi và cả một đội quân người thân như ở cuộc phẫu thuật đầu tiên giờ đã hao mòn đến mức chẳng còn ai? Hay đó đơn giản chỉ là dự cảm về những ngày bất lực sắp tới?

Đêm trước, ông đã mơ mình trần trụi nằm bên Millicent Kramer, học viên lớp vẽ. Ông nằm trên giường ôm cái xác lạnh ngắt của bà, như đã từng ôm Phoebe những lần bà bị đau nửa đầu dữ dội tới mức bác sĩ phải tới tiêm moóc phin, thứ thuốc sẽ làm dịu cơn đau nhưng sẽ tạo ra rất nhiều ảo giác kinh hãi. Tỉnh giấc trong đêm và bật hết đèn lên, ông uống chút nước rồi mở tung cửa sổ, đi đi lại lại trong phòng để lấy lại bình tĩnh, nhưng dù cho nỗ lực đến đâu, ông cũng chỉ nghĩ về một điều: khi tự sát bà ấy cảm thấy thế nào. Liệu bà ấy có vội vàng nuốt hết đồng thuốc ấy trước khi kịp đổi ý? Và sau khi rốt cuộc đã uống, bà ấy có thét lên rằng mình không muốn chết, rằng bà chỉ không thể chịu nổi bất cứ cơn đau đớn tàn hoại nào nữa, rằng bà chỉ muốn cơn đau ngừng lại - la hét và khóc lên rằng bà chỉ muốn Gerald ở đó giúp bà, bảo bà hãy cố lên và trấn an rằng bà có thể chịu được, rằng họ có thể chịu đựng cùng nhau? Liệu bà có chết trong nước mắt, vẫn còn lẩm bẩm tên ông ấy? Hay bà tiến hành mọi sự trong điềm tĩnh, cuối cùng tin chắc mình chẳng thể phạm sai lầm? Bà có chậm rãi, thanh thản cầm lọ thuốc bằng cả hai tay rồi dốc hết ra lòng bàn tay, từ từ nuốt hết bằng cốc nước cuối cùng, với cảm giác cuối cùng về nước? Ông tự hỏi có phải bà đã cam chịu và trầm tư, can đảm trước tất cả những gì mình bỏ lại phía sau, có lẽ còn mỉm cười giữa hai hàng nước mắt mà nhớ lại toàn bộ niềm vui, toàn bộ những gì từng khiến bà phấn khích, hài lòng, liệu tâm trí bà có đông đầy hàng trăm khoảnh khắc bình thường vốn chẳng mang nhiều ý nghĩa, nhưng giờ dường như lại đang làm ngập tràn những ngày còn lại trong hạnh phúc giản dị? Hay bà đã chẳng còn quan tâm đến những gì bỏ lại nữa? Có phải bà không hề tỏ ra sợ hãi, chỉ nghĩ trong đầu, cuối cùng thì cũng hết đau, rốt cuộc cũng không còn đau, và giờ chỉ cần phải thiếp đi để giã từ điều tuyệt vời này?

Nhưng làm sao một người có thể tình nguyện chọn cách từ bỏ sự đủ đầy trần thế để đổi lấy hư không bất tận ấy? Làm sao ông có thể làm thế? Ông có thể nào điềm tĩnh nằm xuống mà nói lời tạm biệt? Ông có sức mạnh tung hê mọi thứ như Millicent Kramer không? Bà cũng tầm tuổi ông. Sao lại không nhỉ? Trong hoàn cảnh khó khăn như bà, thêm bớt vài năm cũng có là gì? Ai dám so với bà trong việc đột ngột từ bỏ cõi đời? Mình phải, mình phải, ông nghĩ, sáu cái stent đang bảo với mình rằng một ngày nào đó, sớm thôi, mình cần phải nói lời giã biệt không sợ hãi. Nhưng bỏ lại Nancy ư - mình không thể làm được! Bao nhiêu chuyện có thể xảy ra với con

bé trên đường đi học! Con gái ông sẽ bị bỏ lại mà không còn phần nào của ông để bảo vệ ngoại trừ mối gắn kết sinh học! Và ông sẽ vĩnh viễn bị tước đoạt những cuộc điện thoại từ cô sáng sủa! Ông thấy mình đang cùng một lúc lao đi theo đủ mọi hướng qua khu giao lộ trung tâm của thị trấn Elizabeth - người cha thất bại, người em ghen tị, gã chồng hai mặt, đứa con trai yếu ớt - chỉ cách cửa hàng trang sức cũ của gia đình vài khối nhà, vừa chạy vừa gào khóc gọi những người thân ông không sao bắt kịp dù có cố gắng bao nhiêu. "Mẹ ơi, ba ơi, Howie, Phoebe, Nancy, Randy, Lonny - giá như tôi biết phải làm thế nào! Các người có nghe thấy tôi nói không? Tôi đang rời khỏi đây! Mọi chuyện đã kết thúc và tôi đang bỏ lại tất cả các người phía sau!" Và những người đang biến mất trước mắt ông cũng nhanh như ông biến mất trước mắt họ quay đầu hét lên đáp lại, một cách quá nhiều ngụ ý, "Quá muộn rồi!"

*Rời bỏ* - chính từ này đã khiến ông tỉnh giấc, ngạt thở, hoảng loạn lấp đầy tâm trí, được trả cuộc sống sau giấc mơ ôm một thân ma.

Ông không bao giờ đến được New York. Ngược đường cao tốc Jersey Turnpike lên phía Bắc, ông chợt nhớ ra ngay phía Nam sân bay Newark là lối dẫn ra nghĩa trang nơi cha mẹ ông được chôn cất, và khi tới đó, ông quẹo khỏi đường cao tốc rồi đi theo con đường ngoằn ngoèo qua một khu dân cư đổ nát rồi qua tiếp một ngôi trường tiểu học cổ kính nghiêm trang, cho tới khi đến con đường lớn chạy quanh nghĩa trang Do Thái, rộng chừng năm mẫu. Đầu kia của nghĩa trang là một con phố vắng nơi các thầy hướng dẫn lái xe vẫn đưa học viên ra tập quanh xe. Ông chậm chậm cho xe lách qua cổng, cánh cổng vô dụng, rồi đổ lại đối diện một tòa nhà nhỏ, hẳn một thời từng là nhà nguyện dù giờ chỉ còn là một đồng đổ nát hoang tàn trống toang. Hội đạo Do Thái một thời từng lo các việc của nghĩa trang đã giải tán từ nhiều năm trước, khi các thành viên giáo đoàn chuyển tới Union, Essex, và vùng ngoại ô hạt Morris, và có vẻ như chẳng còn ai trông coi nơi này nữa. Quanh nhiều ngôi mộ đất đã lún sụt, bia đá đã xiêu vẹo khắp nơi, và toàn bộ cảnh này thậm chí không phải đang diễn ra tại khu nghĩa trang ban đầu, nơi an táng cha mẹ ông, mà là tại khu mới xây, nơi bia đá granit mới chỉ có tuổi thọ từ nửa sau thế kỷ hai mươi. Hồi họ tụ tập ở đây để mai táng cha ông, ông đâu có thấy nó thế này. Hồi đó tất cả những gì ông thấy chỉ là quan tài yên vị trên những chiếc đai rồi hạ xuống huyệt mộ. Dù đơn sơ và giản dị như thế, nó vẫn áp đảo cả thế giới. Rồi tiếp đó là việc chôn cất nghiêm ngặt và đất cát lấp đầy mồm.

Chỉ trong tháng qua ông đã trở thành một trong số khách chia buồn của hai lễ tang tại hai nghĩa trang khác nhau ở hạt Monmouth, cả hai đều ít thân thiết hơn một chút, nên cũng đỡ nguy hiểm hơn. Trong suốt những thập niên gần đây, ngoài dân phá hoại vẫn hay phá hỏng và phá hủy bia mộ và khu nhà ngoài nơi cha mẹ ông được chôn cất, đám trộm cắp cũng hay hành nghề ở nghĩa địa này. Giữa thanh thiên bạch nhật, chúng nhắm vào những người già cả thỉnh thoảng đi một mình hoặc hai người tới đây để viếng mộ gia đình. Từ hồi chôn cha ông, ông đã được giáo sĩ cảnh báo điều đó, rằng nếu chỉ có một mình thì tốt nhất nên viếng mộ vào dịp Lễ Trọng, vào dịp này, theo yêu cầu của chủ tịch nghĩa trang, sở cảnh sát địa phương đã đồng ý bảo vệ cho những tín đồ ngoan đạo tới để trích dẫn thánh thi và tưởng nhớ người chết. Ông lắng nghe và gật đầu, nhưng vì ông không tính mình là một tín đồ, chứ đừng nói tới tín đồ ngoan đạo, và vốn có ác cảm rõ rệt với Lễ Trọng, hồi đó ông sẽ chẳng đời nào tình nguyện tới nghĩa trang.

Hai người vừa qua đời ấy, là hai phụ nữ trong lớp vẽ của ông, đều ung thư và chỉ chết trước sau nhau một tuần. Nhiều người ở Starfish Beach cũng tới dự. Nhìn họ ông không thể không nghĩ xem ai trong số này sẽ là người tiếp theo. Trong đời, ai chẳng có lúc từng nghĩ rằng trong vòng một trăm năm tới trên trái đất sẽ chẳng có mặt kẻ nào giờ này còn sống - cái thế lực áp đảo ấy sẽ quét sạch nơi đây. Lúc này ông cũng đang nghĩ thế, nhưng tính bằng ngày. Ông trầm ngâm như chính mình sẽ là mục tiêu sắp tới.

Ở cả hai lễ tang đều có mặt một bà già thấp lùn, phốp pháp, bà khóc dữ đến mức khó có thể chỉ là một người bạn đơn thuần của người chết, mà, thay vì thế, thật khó tin, là mẹ của cả hai. Tại lễ tang thứ hai, bà đứng sệt sùi chỉ cách ông cùng người đàn ông to béo bên cạnh vài bước chân, ông đoán đó chắc là chồng bà, mặc dù (hoặc cũng có thể là bởi vì), với đôi tay khoanh lại, hàm răng nghiến chặt và cằm vênh lên trời, ông ta xa cách và tách hẳn khỏi bà, một người quan sát nhất định từ chối không chịu đựng thêm con người này một phút nào nữa. Thực ra, những giọt nước mắt của bà dường như chỉ gọi nên sự khinh miệt cay đắng, hơn là lòng quan tâm thông cảm, vì giữa đám tang, khi giáo sĩ tụng bằng tiếng Anh những lời trong sách cầu nguyện, người chồng tự nhiên quay lại và sốt ruột hỏi, "Ông biết vì sao bà ấy cứ thế không?" "Tôi tin là mình biết," ông thì thầm đáp lại, bằng câu này ý ông là, đó là vì nó đối với bà ấy cũng giống như nó vẫn đối với tôi từ hồi còn thơ bé. Đó là vì nó đối với bà ấy cũng giống như nó đối với mọi người. Đó là vì điều dữ dội chấn động nhất của cuộc sống chính là cái chết. Đó là vì cái chết thật quá bất công. Đó là vì một khi ta đã nếm mùi cuộc sống, cái chết thậm chí không còn có vẻ gì là tự nhiên nữa. Tôi đã nghĩ - *tận sâu thẳm tôi còn tin chắc* - rằng cuộc sống sẽ tiếp diễn mãi mãi. "Ồ ông sai rồi," người đàn ông lạnh lùng nói, như thể đọc được suy nghĩ của ông. "Lúc nào bà ấy chẳng vậy. Chuyện đã luôn như vậy năm mươi năm nay rồi," ông nói thêm với một cái nhún mắt thiếu khoan dung. "Bà ấy cứ như thế chỉ vì bà ấy chẳng còn ở tuổi mười tám nữa."

Cha mẹ ông được an táng gần vành ngoài nghĩa địa, và phải mất một lúc ông mới tìm thấy mộ của họ nhờ hàng rào sắt ngăn cách hàng cuối cùng của khu đất chôn, với con phố nhỏ có vẻ như là một trạm nghỉ dã chiến cho dân lái xe tải sau một chặng dài trên xa lộ. Trong những năm sau lần cuối cùng thăm viếng nơi đây, ông đã quên mất ấn tượng khi lần đầu tiên trông thấy tấm bia mộ. Ông thấy tên hai người được khắc ở đó, và chết lặng vì khóc, kiểu khóc dữ dội của lũ trẻ sơ sinh, ngăn ngạt đến mất tiếng và lịm người. Ông dễ dàng truy ra ký ức cuối cùng về họ - ký ức trong bệnh viện - nhưng rồi ông cố triệu hồi những ký ức xa xôi nhất, cái nỗ lực vượt hết sức trở lại quá khứ chung giữa họ, đã gây ra một làn sóng cảm xúc nữa khiến ông choáng ngợp.

Họ chỉ còn là nắm xương tàn, xương tàn trong một chiếc hộp, nhưng xương của họ cũng là xương của ông, và ông cố đứng gần nắm xương ấy hết mức có thể, như thể sự gần gũi vật lý có thể kết nối ông với họ và làm dịu bớt sự cô độc sinh ra từ việc đánh mất tương lai, đồng thời tái kết nối ông với những gì đã mất. Suốt một tiếng rưỡi đồng hồ sau đó, chỉ những nắm xương này là quan trọng. Đó là tất cả những gì quan trọng, bất chấp tác động của môi trường mục nát nơi nghĩa trang không người chăm lo. Khi đã ở bên hai nắm xương ấy ông không thể bỏ lại chúng, không thể chuyện trò với chúng, không thể làm gì ngoài lắng nghe khi chúng nói. Giữa ông và chúng đang có vô số điều diễn ra, nhiều hơn những gì hiện đang diễn ra giữa ông và những người còn da thịt. Thịt thì sẽ rửa, nhưng xương sẽ mãi còn. Những nhúm xương đó là

nguồn an ủi duy nhất với một kẻ chẳng hề mẫn mà với kiếp sau, biết không chút hồ nghi rằng Chúa chỉ là hư cấu và kiếp này là cuộc đời duy nhất mình có. Nói bay bướm như Phoebe, thời trẻ vào ngày đầu tiên họ gặp nhau: hạnh phúc sâu sắc nhất với ông giờ nằm ở nghĩa trang. Ở đây có thể với tới sự mãn nguyện dù cô độc.

# Phần 18

Ông không hề cảm thấy như thể mình đang đùa. Ông cũng không cảm thấy như thể mình phải đang cố biến điều gì thành hiện thực. Đây chính là điều có thực, sự kết nối mãnh liệt với nắm xương tàn ấy.

Mẹ ông qua đời ở tuổi tám mươi, cha ông thì chín mươi, cất cao tiếng ông nói với họ, "Con đã bảy mươi mốt. Con trai của ba mẹ đã bảy mươi mốt rồi." "Tốt. Con còn sống," mẹ ông đáp, và rồi cha ông nói, "Hãy ngoái lại và hãy chuộc lại mọi lỗi lầm có thể, và khiến những gì con để lại trở nên tốt đẹp nhất."

Ông không thể đi. Sự dụ dỗ này vượt ngoài kiểm soát. Cũng như khát khao rằng ai cũng phải được sống. Và bắt đầu lại mọi thứ từ đầu.

Ông đang bước ngược trở lại qua nghĩa trang về xe thì gặp một người da đen đang dùng xẻng đào huyệt. Ông ta đang đứng dưới chùng nửa mét huyệt đào dở và ngừng tay, rồi gạt đất sang một bên khi vị khách tiến đến gần. Ông ta vận áo choàng đen, đội một chiếc mũ bóng chày cũ, và nhìn hàng rìa bạc cùng những nếp nhăn trên mặt mà nói thì ít nhất ông ta cũng phải năm mươi. Vóc dáng ông ta, tuy vậy, vẫn còn vững chãi và cường tráng.

"Tôi tưởng giờ người ta đào huyệt bằng máy rồi," ông nói với người đào huyệt.

"À, đúng là ở những nghĩa trang lớn, nơi người ta phải đào nhiều huyệt, thì hầu như người ta dùng máy." Ông ta nói giọng miền Nam, nhưng rất khúc chiết, rất chính xác, giống một giáo viên mô phạm hơn một gã lao động chân tay. "Tôi thì không dùng máy," người đào mộ tiếp tục, "vì nó có thể làm sứt mộ khác. Đất có thể bị lún sứt rồi đè chặt xuống quan tài. Rồi còn bia mộ nữa, cũng phải để ý. Trong trường hợp của tôi thì làm bằng tay dễ hơn. Gọn hơn nhiều. Dễ dàng chuyển phần đất đã đào đi mà không làm hỏng thứ gì khác. Tôi dùng một máy kéo loại nhỏ để điều khiển, còn đào thì bằng tay."

Giờ ông mới để ý thấy cái xe kéo ở chỗ lối đi um tùm cỏ dại giữa hai hàng mộ. "Máy kéo để làm gì?"

"Để kéo đất chuyển đi. Tôi làm nghề này lâu đến mức biết chính xác cần chuyển đi bao nhiêu và để lại bao nhiêu đất. Mười xe đầu tiên thì tôi chở đi. Còn lại tôi chất lên ván gỗ. Tôi đã đặt sẵn vài tấm gỗ dón. Như ông thấy đây này. Tôi lót gỗ dón để không phải hất đất lên mặt cỏ. Nửa phần đất còn lại tôi đem hất hết lên mấy tấm ván đó. Để sau này đem lấp mộ. Rồi tôi đập hết lại bằng tấm bạt xanh lá này. Cố làm tươi tắn cho gia đình người ta. Đập bạt xanh để trông giống như cỏ."

"Ông đào huyệt thế nào vậy? Tôi hỏi vậy ông có phiền không?"

"Không sao," người đào huyệt nói, vẫn ở vài chục phân dưới huyệt, nãy giờ vẫn không ngừng tay. "Hầu như chả ai quan tâm. với hầu hết mọi người, biết càng ít về điều này càng tốt."

"Tôi muốn biết mà," ông trấn an ông ta. Ông muốn biết thật. Ông không muốn đi.

"À, tôi có một sơ đồ. Cho biết vị trí mọi chỗ chôn đã được bán hoặc được chia ô sẵn nằm chờ trong nghĩa trang. Với sơ đồ này ông có thể xác định được lô đất đã được mua, có trời mới biết từ đời nào, năm mươi hay bảy mươi lăm năm trước. Khi đã định vị được nó tôi mang một gậy dò tới. Nó kia kìa. Cây gậy chừng hai mét nằm trên mặt đất ấy. Tôi lấy cây gậy này, chọc xuống sâu chừng ba chục phân nửa mét, đấy là cách tôi xác định xem bên dưới có mộ nào không. Bang - trúng vào là nghe thấy ngay. Rồi tôi lấy một cái que đánh dấu trên nền đất vị trí của huyệt mới. Tôi có một khung gỗ chuyên để đặt lên nền mà cắt đất cho vuông vắn. Trước hết tôi lấy một chiếc xẻng chuyên dụng để cắt lớp mặt đất theo khung gỗ. Sau đó tôi đo đạc, cắt nó thành những khoảng nhỏ chừng ba mươi nhân ba mươi phân, rồi đem ra sau, khuất tầm mắt - vì tôi không muốn bày bừa ra nơi sắp tổ chức tang lễ chút nào. Càng ít đất thì càng dễ dọn dẹp. Tôi không bao giờ muốn để lại một đồng lộn xộn. Trước đó tôi đã đặt sẵn một tấm gỗ dãn ở đằng sau ngôi mộ liền kề để có thể mang những vuông đất này ra. Tôi đặt chúng lên, xếp thẳng thớm, sao cho trông vẫn như lúc vừa được cắt lên nguyên khối. Việc đó mất khoảng một tiếng đồng hồ. Một phần khó của nghề này. Làm xong việc đó rồi thì tôi bắt đầu đào. Tôi mang máy kéo lại, kèm cả rơ moóc. Việc tôi làm trước tiên là đào. Cũng là những gì tôi đang làm đây. Thường thì con trai tôi sẽ đào phần đất cứng. Giờ thì nó khỏe hơn tôi rồi. Nó thích đến sau khi tôi đã xong phần của tôi. Khi nó bận hoặc không có nhà thì tôi tự đào từ đầu đến cuối một mình. Nhưng khi có nó thì tôi để nó đào phần khó. Tôi đã năm mươi tám rồi. Tôi không còn đào khỏe như xưa nữa. Hồi nó vào nghề lần nào tôi cũng cho nó ra đây, chúng tôi thay nhau đào. Hồi đó vui lắm, vì nó còn nhỏ, và việc này cho tôi thời gian chuyện trò với nó, chỉ có hai cha con."

"Anh nói với thằng bé chuyện gì?"

"Không phải về nghĩa địa rồi," ông ta bảo, cười lớn. "Không phải những chuyện như tôi đang nói với ông."

"Thế thì chuyện gì?"

"Mọi thứ nói chung. Cuộc sống nói chung. Trở lại chuyện đào mộ, tôi đào phần đầu. Tôi dùng hai cái xẻng, một cái xẻng vuông khi đất còn mềm và ta có thể xúc được nhiều hơn, rồi chuyển sang xẻng tròn đầu, xẻng thông thường. Đó là dụng cụ đào đất cơ bản, một cái xẻng bình thường thông dụng. Nếu dễ đào, nhất là vào mùa xuân khi đất không cứng lắm, khi mặt đất còn ẩm ướt, tôi dùng cái xẻng to xúc được hàng xẻng đầy hất lên rơ moóc. Tôi đào từ trước ra sau, rồi đào đến thành huyệt vừa đào vừa dùng xẻng chuyên dụng nắn thành huyệt cho vuông vắn. Tôi dùng cái đó và một cái chĩa thẳng - gọi là cái chĩa đào. Cái đó cũng dùng để vuốt thẳng, nén đất xuống, miết các mép, tóm lại là làm cho vuông vắn. Ta phải giữ huyệt vuông vắn ngay từ lúc đang đào. Được độ mười xẻng thì cho lên rơ moóc chuyển đến một khu trũng trong nghĩa trang - chúng tôi đang lấp phẳng chỗ đó - rồi đổ đất lên, quay lại, lại xúc đất lên xe chở đi. Lại mười xẻng. Đến đây là đã xong một nửa rồi. Đã đào được sâu gần một mét."

"Vậy tính từ khi bắt đầu thì mất bao lâu?"

"Mất khoảng ba tiếng thì tôi xong. Có khi còn mất đến bốn tiếng. Tùy thuộc tình hình cụ thể. Con trai tôi thì đào giỏi lắm - chỉ mất tầm hơn hai tiếng rưỡi thôi. Việc này phải làm ban ngày."

Thường tôi đến đây từ sáu giờ sáng, còn con tôi thì tầm mười giờ. Nhưng giờ nó hơi bận nên tôi bảo nó muốn đến khi nào cũng được. Nếu thời tiết nóng nực thì nó đợi đến đêm mát mới tới. Với người Do Thái, chúng tôi chỉ được báo trước một ngày, nên phải làm thật nhanh. Còn ở nghĩa trang Thiên Chúa giáo" - ông chỉ tay sang nghĩa trang chềnh ềnh nằm bên kia đường - "những người tổ chức sẽ báo trước cho chúng tôi hai đến ba ngày."

"Anh làm nghề này bao lâu rồi?"

"Ba mươi tư năm. Một khoảng thời gian dài. Công việc cũng tốt. Yên bình. Cho ta thời gian để nghĩ. Nhưng rất vất vả. Bắt đầu làm lưng tôi đau rồi. Tôi định một ngày nào đấy, gần đây thôi sẽ giao hết lại cho con tôi. Nó sẽ tiếp quản còn tôi sẽ chuyển về nơi nào đó ấm áp quanh năm. Bởi vì, đừng quên, tôi chỉ mới kể ông nghe về chuyện đào huyết. Còn phải quay lại lấp nữa. Việc đó sẽ tiêu tốn khoảng ba tiếng đồng hồ nữa. Đặt khoảnh đất lúc trước đã cắt ra trở lại, vân vân. Nhưng trở lại đoạn huyết đào xong đã nhé. Con trai tôi sẽ làm nốt những công đoạn cuối. Nó miết lại cho vuông, nén phẳng phần đáy. Huyết sâu chừng mét tám, trông tuyệt lắm, có thể nhảy xuống được. Như ông bạn già cùng đào với tôi cái huyết đầu tiên đã nói, nó cần phải đủ phẳng để kê được giường. Hồi nghe gã nói thế tôi đã cười nhạo. Nhưng đúng thế đấy: ta phải đào cái huyết này, sâu mét tám, và nó phải phù hợp với lợi ích của gia đình và lợi ích của người chết."

"Tôi đứng đây xem anh có phiền không?"

"Không sao. Đây là một cái huyết dễ đào. Không gặp phải đá. Cứ thế thẳng tiến."

Ông quan sát ông ta cắm xẻng xuống xúc đất lên rồi dễ dàng hất lên tấm gỗ dán. Vài phút một lần ông lại dùng cái chĩa làm tơi đất thành huyết rồi chọn một trong hai cái xẻng đào tiếp. Thỉnh thoảng có một hòn đá nhỏ bị hất lên tấm ván, nhưng hầu như những gì lấy ra khỏi huyết chỉ là đất nâu ẩm, dễ dàng tơi ra khi rời lưỡi xẻng.

Ông quan sát từ bên cạnh tấm bia mộ mà người đào huyết đã chọn để đặt những vuông đất sau tang lễ sẽ đắp trở lại huyết mới đào. Mặt huyết vừa khít tấm ván gỗ dán nơi những vuông đất giờ an tọa. Ông vẫn chưa muốn đi, không phải lúc này khi chỉ cần quay đầu lại là ông có thể trông thấy bia mộ cha mẹ. Ông không bao giờ muốn đi.

Chỉ tay vào tấm bia, người đào huyết nói, "Ông bạn này đã chiến đấu trong Thế chiến thứ hai. Tù nhân chiến tranh ở Nhật. Tử tế kinh lên được. Tôi biết ông ấy từ cái hồi ông ta còn hay lui tới đây thăm mộ vợ. Một gã tử tế. Luôn là một người tốt. Là kiểu người sẽ dừng lại giúp đỡ khi ta bị hỏng xe giữa đường."

"Vậy ra anh quen biết một vài trong số những người ở đây."

"Ừ chắc chắn rồi. Ở đây có một cậu bé, mới mười bảy. Chết trong một vụ đâm xe. Bạn bè nó đến và đặt bia lon lên mộ. Hoặc là cần câu cá. Nó thích câu cá."

Ông ta gõ gõ cái xẻng xuống tấm ván cho sạch một cục đất bám rồi lại tiếp tục đào. "Ồ," ông ta nói, nhìn qua nghĩa trang ra đường, "bà ấy đến rồi kìa," rồi ngay lập tức đặt xẻng qua một

bên, tháo đôi găng tay bảo hộ màu vàng ra. Lần đầu tiên từ nãy đến giờ ông ra khỏi huyết, đập hai chiếc giày vào nhau để giữ sạch đất bám.

Một phụ nữ da đen lớn tuổi đang tiến lại huyết mộ đang đào dở, một tay cầm phích giữ lạnh nhỏ kiểu cũ, tay kia cầm phích giữ nóng. Bà đi giày thể thao, vận quần vải ni lông cùng màu với găng tay người đào huyết, áo khoác gió màu xanh kéo khóa in tên đội New York Yankees.

Người đào huyết nói với bà, "Quý ông tốt bụng đây đã tới đây thăm mộ và ở đây với anh cả sáng nay."

Bà gật đầu, đưa cho ông ta cả hai cái phích, ông ta đặt xuống bên xe kéo.

"Cảm ơn em. Arnold vẫn đang ngủ à?"

"Nó dậy rồi," bà đáp. "Em đã làm cho anh hai suất thịt băm nướng và một xúc xích hun khói."

"Ngon quá. Cảm ơn em."

g

Bà lại gật đầu rồi quay gót ra khỏi nghĩa trang, lên xe lái đi.

"Vợ anh đấy à?" ông hỏi người đào huyết.

"Thelma đấy. Ông mỉm cười nói thêm, "Bà ấy nuôi dưỡng tôi."

"Không phải mẹ ông chứ?"

"Ôi không, không - không đâu thưa ông," người đào huyết bật cười, "Thelma không phải mẹ."

"Ra tận đây bà ấy không ngại sao?"

"Anh phải làm điều anh phải làm. Triết lý vắn tắt của bà ấy đấy. Việc này với Thelma về bản chất chỉ là đào một cái hố. Bà ấy chẳng thấy có gì đặc biệt."

"Anh chắc là muốn ăn trưa rồi, nên tôi sẽ đi ngay đây. Nhưng tôi muốn hỏi điều này - không biết có phải anh đã đào mộ cho cha mẹ tôi không. Họ được chôn ở đằng kia. Để tôi chỉ cho anh."

Người đào huyết theo chân ông cho tới lúc họ có thể thấy rõ khu mộ của gia đình ông.

"Anh đào những mộ này phải không?" ông hỏi.

"Chắc chắn rồi, tôi đào chúng," người đào huyết đáp.

"Ừ, tôi muốn cảm ơn anh. Tôi muốn cảm ơn vì tất cả những gì anh đã cho tôi biết và vì anh đã cho tôi biết thật rõ ràng. Không thể cụ thể hơn được. Đây là kiến thức hay cho một người

già. Tôi cảm ơn anh vì đã nói cụ thể, và tôi cảm ơn anh vì đã cẩn thận đến thế, chu đáo đến thế trong lúc đào mộ cho cha mẹ tôi. Không biết tôi có thể tặng anh cái này không."

"Cảm ơn ông, nhưng lúc đào tôi đã nhận tiền công rồi."

"Ừ, nhưng tôi muốn tặng anh và con trai anh một thứ. Cha tôi luôn nói, 'Tốt nhất nên trao tặng khi tay còn đang ấm.'" Ông dúi vào tay người đào mộ hai tờ năm mươi đô la, và khi lòng bàn tay rộng, thô ráp của ông ta nắm lại quanh hai tờ giấy bạc, ông nhìn ông ta thật kỹ, nhìn khuôn mặt đôn hậu chẳng chịt nếp nhăn và làn da lỗ rỗ của người đàn ông da đen để râu ấy, người có lẽ một ngày không xa nữa sẽ đào huyệt cho ông, đủ phẳng đáy để kê giường.

Những ngày tiếp sau đó ông chỉ còn một việc phải làm là mơn mõi chờ họ trở lại trong tâm trí, không chỉ là những bộ xương cha mẹ của một lão già mà là hai vị cha mẹ bằng da bằng thịt của một thằng bé măng non đang tới bệnh viện trên chiếc xe buýt cùng *Đảo giấu vàng* và *Kim* cất trong chiếc túi để trên đầu gối mẹ. Thằng bé còn rất nhỏ nhưng vì có mẹ ở bên nên nó không hề tỏ ra sợ hãi, nó gạt đi mọi ý nghĩ về cái xác thủy thủ trương phềnh mà nó từng chứng kiến Cảnh vệ Bờ biển mang đi khỏi mép bờ biển nhuộm dầu tràn.

Một buổi sáng thứ Tư ông đến bệnh viện sớm để phẫu thuật mạch cảnh phải. Trình tự y hệt như khi ông mổ mạch bên trái. Ông chờ đến lượt trong phòng đợi cùng những người có lịch phẫu thuật khác, cho tới khi được gọi tên, và rồi trong chiếc áo bệnh nhân mỏng, chân đi dép giấy, ông được một y tá đưa vào phòng mổ. Lần này khi được hỏi bởi một bác sĩ gây mê đeo khẩu trang kín mít rằng ông muốn gây tê cục bộ hay gây mê, ông đã yêu cầu được gây mê hoàn toàn để dễ chịu đựng cuộc phẫu thuật lần này hơn lần trước đó.

Nhưng lời năm xương ấy nói khiến ông thấy vui và vững vàng. Cả sự khuất phục của những ý nghĩ đen tối nhất dù khó khăn lắm mới đạt được nữa. Không gì có thể dập tắt sức sống của cậu bé đó, cậu bé sở hữu một cơ thể chưa hề thương tổn, như một quả ngư lôi nhỏ, thanh mảnh, một thời từng cưỡi trên những con sóng lớn Đại Tây Dương, từ hàng trăm mét ngoài khơi đại dương dũ dội vào bờ. Ôi, sự tự do của nó, và mùi của nước muối và mặt trời hừng hực! Ánh ngày, ông nhớ lại, thấm vào khắp mọi nơi, ngày hè này nối tiếp ngày hè khác, dệt nên bằng thứ ánh ngày chói lóa hắt lên từ mặt biển thở phập phồng, một kho báu thị giác mênh mông và quý giá, đến độ lẽ ra ông đã có thể dùng chiếc kính lúp kim hoàn có khắc những chữ cái đầu tiên của tên cha mà ngắm nhìn chính cái hành tinh hoàn hảo, vô giá này - ngắm nhìn ngôi nhà của mình, hành tinh Trái Đất hàng tỉ, hàng tỉ tỉ, hàng tỉ tỉ tỉ ca ra! Ông lịm đi khi vẫn cảm thấy còn xa mới ngã gục, vẫn cảm thấy mọi thứ ngoại trừ cái chết, vẫn háo hức được toại nguyện một lần nữa, nhưng không, ông chẳng bao giờ thức dậy. Ngừng tuần hoàn. Ông không còn nữa, được giải thoát khỏi bản thể, bước vào hư vô mà thậm chí không hề hay biết. Hết như ông đã sợ từ đầu.

# Chú Thích

1. Người viết lời cho quảng cáo.

2. (1740 - 1814): Nhà văn quý tộc Pháp, là người ủng hộ chủ nghĩa tự do tuyệt đối, không bị giới hạn bởi đạo đức, luật pháp hay tôn giáo. Ông cũng nổi tiếng là người có lối sống phóng túng.

3. Trên bia mộ của người Do Thái, hai bàn tay, trên mỗi bàn bốn ngón (trừ ngón cái) tách thành hai cặp hai ngón, là biểu tượng của ban phước, biểu trưng cho một Levite (thầy Lêvi) – thời cổ, thầy Lêvi chịu trách nhiệm rửa tay cho thầy giữ đền. Một ngọn nến hay chúc đài thường được dùng trên bia mộ phụ nữ, còn ngôi sao sáu cánh (Ngôi sao David) thường được dùng trên bia mộ đàn ông.

4. Stent là một ống lưới thép mỏng được đặt vào trong lòng động mạch nhằm tạo ra một giá đỡ để nong rộng lòng mạch bị thít hẹp.

5. Chương trình chăm sóc người trên 65 tuổi của chính phủ Mỹ.

6. Chuck Thomas Close (sinh năm 1940) là một nhiếp ảnh gia, họa sĩ người Mỹ.

7. Fugue: một thể loại nhạc đối âm đa thanh, được xây dựng trên một chủ đề xuất hiện ở đầu, sau một quãng lại lặp lại qua một giọng khác cứ thế xuyên suốt nhạc phẩm.

8. Gọi theo tên của Alberto Vargas (1896 - 1982). Họa sĩ người Peru, nổi tiếng với những bức tranh và poster khêu gợi.

9. Một tuyển tập các câu chuyện của Geoffrey Chaucer (1340-1400). Ông được coi là cha đẻ nền văn học viết của Anh.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>